

TÔN THẤT BÌNH

Biên soạn

Đời sống CUNG ĐÌNH TRIỀU NGUYỄN



TÔN THẤT BÌNH
(Biên soạn)

ĐỜI SỐNG
CUNG ĐÌNH
TRIỀU NGUYỄN

NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HÓA

Chịu trách nhiệm xuất bản :

VÔ NGUYÊN

Biên tập : **DUY TỪ**

Trình bày : **ĐỨC BÌNH**

Bìa : **THÙY HƯƠNG**

Sửa bản in : **ĐẮC TRÀ**

In 1.500 cuốn, khổ 13 x 19, tại xí nghiệp in Quảng Trị. Giấy phép
xuất bản số 632 XB/TH. In xong và nộp lưu chiểu tháng 12-1993

MỤC LỤC

Lời nói đầu	7
I - SINH HOẠT THƯỜNG NHẬT CỦA CÁC VUA NGUYỄN	9
- Gia Long	9
- Minh Mạng	13
- Tự Đức	17
- Đồng Khánh	26
- Thành Thái	30
- Duy Tân	36
II - DỜI SỐNG VÀ THÂN PHẬN CỦA CÁC	
CUNG PHI MỸ NỮ TRONG TỬ CẨM THÀNH	43
III - CUỘC SỐNG CỦA CÁC THÁI GIÁM TRIỀU NGUYỄN	52
IV - SINH HOẠT CỦA CÔNG CHƯA VÀ HOÀNG TỬ	56
V - SINH HOẠT CỦA HOÀNG THÁI HẬU	66
VI - TẾT NGUYÊN ĐÁN TRONG HOÀNG CUNG	73
VII - LỄ ĐẠI TRIỀU VÀ THƯỜNG TRIỀU	77
VIII - LỄ TẾ KỶ THẾ MIẾU NHÀ NGUYỄN	81
IX - LỄ ĐĂNG QUANG VUA MINH MẠNG	84
X - LỄ TỬ TUẦN ĐẠI KHÁNH VUA MINH MẠNG	88
XI - LỄ HUNG QUỐC KHÁNH NIỆM DỜI NGUYỄN	93
XII - LỄ TỬ TUẦN ĐẠI KHÁNH VUA KHAI ĐỊNH	96
XIII - CUỘC DU XUÂN VIẾNG CÁC LĂNG TẨM	102

Lời nói đầu

Nhiều người muốn biết, sau bức tường thâm nghiêm của Hoàng thành, đặc biệt là Tử Cấm thành, cuộc sống riêng biệt, chứa đựng bao bí ẩn của Hoàng gia triều Nguyễn diễn ra suốt gần 150 năm như thế nào: Những sinh hoạt đời thường với bao thú vui đặc biệt của các vua Nguyễn, các Hoàng Thái hậu, Hoàng tử, Công chúa; thân phận, tâm tư, nguyện ước của biết bao cung phi, mỹ nữ, các thái giám cung cúc phục vụ cho vàng son của vương triều; việc áp dụng và thực hành các nghi lễ và võ số phép tắc, lệ luật phức tạp, nghiêm ngặt...

Nhưng để dựng lại được bức tranh này sao cho vừa đầy đủ lại vừa chính xác, quả thật không dễ chút nào!

Tác giả cuốn sách nhỏ này chỉ có nguyện ước là mong sao phản ánh được trung thực, khách quan vài nét của đời sống Hoàng gia triều Nguyễn, qua những tư liệu của các tác giả Pháp đã có dịp chứng kiến hoặc qua những công trình nghiên cứu, tìm hiểu của các tác giả Việt Nam đáng tin cậy. Những giới thoại, những câu chuyện hay nhưng chưa thập-phần xác đáng, tác giả cũng xin đưa vào để cho những câu chuyện kể thêm phần sinh động, vui tươi.

Cuốn sách chắc còn nhiều thiếu sót, nhất là tư liệu chưa được phong phú. Rất mong bạn đọc chân thành góp ý để tác giả kịp thời bổ sung, sửa chữa trong những lần xuất bản sau.

Tác giả

I. SINH HOẠT THƯỜNG NHẬT CỦA CÁC VUA NGUYỄN

GIA LONG (*)

Có lẽ chẳng mấy ai thấy được vua Gia Long mà tường thuật lại một cách chi tiết như Michel Đức Chaigneau trong "*Souvenir de Hué*" ghi lại những kỷ niệm của ông về Huế lúc ông còn thơ ấu, theo cha là J. B. Chaigneau vào bệ kiến vua Gia Long:

"Chúng tôi đi đến lúc 6 hay 7 giờ chiều. Trong một phòng đợi, viên võ quan cho chúng tôi biết rằng nhà vua đã đợi chúng tôi từ lâu. Bây giờ cha tôi nắm lấy tay tôi và dẫn tôi đi vào một phòng rất rộng rãi. Tại đây nhà vua ngồi trên một cái bệ thếp vàng, trải một chiếc chiếu viền lụa vàng sắc sỡ, vài thị vệ đứng hầu ở bên phải và bên trái cách nhà vua một khoảng ngắn. Vua Gia Long có một tầm vóc cao hơn trung bình, tỏ ra có một thể chất khỏe mạnh; cái đầu già nua đáng kính phù hợp với thân thể, gương mặt chứa đầy phẩm cách và tình cảm, chứng tỏ một tâm hồn nhân từ rộng rãi; ngài có thái độ rất cao quý và tính tình rất thuần hậu, nhất là trong những cuộc đàm thoại thân mật; nhưng bấm

(*) Gia Long (1762 - 1820)

tính hoạt bát của ngài đã làm cho ngài thường vượt qua lòng nhân đức trong những cơn giận thái quá khi các mệnh lệnh của ngài không được thi hành đúng đắn. Nước da trong sáng, đôi mắt lanh lợi, bộ râu trắng toát rậm hơn tất cả những người đàn ông trong xứ. Mỗi bên má điểm thêm một chấm đen bên cạnh bộ râu tạo thành một phía một chòm nhỏ nối liền với chòm chính, nhưng không hoàn toàn lẫn lộn vào đấy. Gia Long là một người có tâm trí quảng đại, và quan niệm rộng rãi. Đã từng trải qua những cơn hoạn nạn, ngài học được cách xét đoán người và sự vật theo đúng giá trị của họ, và ngài thông hiểu tất cả các cơ quan của vương triều, không một người thừa hành nào giỏi bằng ngài nên họ vẫn thường bị ngài quở phạt. Nhưng, ngoài những cuộc thảo luận trang nghiêm, ngài vẫn là người đàn ông vui tính nhất, hòa nhã nhất của vương quốc; thường thường trong những lúc tâm tình, theo thị hiếu ngài dễ dàng để bụng trôi theo những lời thô tục đến nỗi các thánh giá của ngài đều phải đỏ mặt".

Đó là những lời miêu tả tính cách vua Gia Long qua sự nhận xét của một người ngoại quốc. Nhờ cơ hội tiếp xúc trực tiếp tại Hoàng cung nên Michel Đức Chaigneau còn hiểu thêm về tính khí vua Gia Long. Thì ra nhà vua cũng có những nỗi ưu phiền trong đời sống tình cảm gia đình. Bài báo của Chaigneau đăng trong tờ "*Le moniteur de la Flotte*" xuất bản năm 1858 có nội dung đề cập đến địa vị của người phụ nữ tại Nam Kỳ (Cochinchine) tường thuật như sau: "...Trong Hoàng cung vua Gia Long, người ta đếm được chừng một trăm cung phi (...) Trong những lúc chuyện trò thân mật với một vị quan người Pháp, Gia Long thường nói rằng: Với ngài việc cai trị một nước dễ dàng hơn và ít khó nhọc hơn đối với hậu cung của ngài. Một ngày kia vào một buổi bệ kiến riêng sau cuộc hội nghị quan trọng, ngài nói: "Khanh tưởng rằng nhiệm vụ của trăm hoàn thành khi ngẫu nhiên chúng ta làm xong những công việc chính trị và hành chính hàng ngày rồi trăm

tìm sự nghỉ ngơi trong nội điện của trăm ư? Hãy giác tỉnh lại. Khanh sẽ không ngờ rằng cái gì đợi trăm ở đây kia (ngài chỉ vào hậu cung của ngài) khi trăm rời khỏi nơi đây. Ở đây trăm được hải lòng vì trăm nói chuyện với những người xứng đáng, họ lắng nghe trăm, họ hiểu biết trăm, và khi cần họ vâng lệnh trăm răm rắp; còn ở đây kia trăm gặp phải một lũ quỉ sứ thật sự. Chúng cãi vã nhau, ngược đãi nhau, phỉ báng nhau và sau đó tất cả cùng chạy đến cầu xin trăm phân xử. Nếu làm đúng thì trăm sẽ luôn luôn khiến trách tất cả vì trăm không biết ai đã nhường nhịn ai trong cơn giận dữ".

Sau một lúc im lặng, ngài tiếp: "Chốc nữa trăm sẽ ở giữa một đám yêu phụ làm trăm điếc tai nhức óc" (vừa giả giọng và điệu bộ của một người đàn bà trong cơn giận dữ, ngài vừa thét): "Muôn tâu bệ hạ, xin bệ hạ phân xử, bà đã sỉ nhục thần thiếp, người ta ngược đãi thần thiếp; thần thiếp xin phân xử"; chừng mười hai bà khác lại bỏ đến, sau khi đã tâu với trăm quát cả tai: "Muôn tâu bệ hạ Hoàng hậu ghét bỏ thần thiếp... Bà đã làm vui lòng bệ hạ... Đến lượt thần thiếp xin phân xử".

Nhà vua cười phỉ, rồi nhìn vì đối thoại của ngài như để gợi ý. Vị quan Pháp cũng cười ngất, nhất là bản tường cảm của nha vua và những tiếng la hét của ngài để bắt chước sự giận dữ của các cung phi. Ông tâu: "Việc đó rất dễ, Hoàng thượng có thể giảm bớt mối sầu khổ của họ bằng cách hạn chế số cung phi".

Nhà vua ngắt lời:

- Suyt! Hãy nói khe! Nói khe!

Ngài cho những lính lệ và những hộ vệ quân đã theo ngài khắp nơi được phép lui ra và nói tiếp:

"Ồ! Ông C... nếu các quan đồng liêu của khanh nghe được điều mà khanh vừa mới nói ra đó, họ sẽ trở thành những kẻ thù vĩnh viễn của khanh, khanh không biết rằng

các cung phi hầu hết đều các con gái của các quan ư? Nay, mặc dù số tuổi của trăm đã đáng kể, nhưng không bao lâu nữa, một vị quan sẽ dâng hiến cho trăm con gái của ông ta; trăm không thể từ chối được: vì nếu như thế, trăm sẽ chọc tức ông ta và cùng đau đớn. Ở đây, chính là một vinh dự và một sự đặc ý đối với một ông quan có con gái được vào Hoàng cung, và đối với trăm, đó là một sự bảo đảm chắc chắn nhất về lòng trung thành của ông ta. Trăm muốn sửa đổi lại cả thế giới, nhất là dân bà, vì họ đều đáng ghê sợ hơn dân ông. Nếu trăm ghét bỏ một trong các cung phi của trăm, thì nó sẽ than phiền với phụ thân nó ngay; và nếu không si nhục to tiếng trước tuổi tác già nua của trăm, thì ông ta cũng khéo léo gieo rắc giữa các quan những sự đồn đại vụn vặt về trăm, sẽ làm cho trăm mang đầy những sự lố bịch trước đôi mắt của thần dân".

Đời vua Gia Long cũng gặp một cuộc tình éo le ngay trong Hoàng thành. Sau khi đánh thắng Tây Sơn, trở lại Phú Xuân, vua gặp được bà Ngọc Bình (em Ngọc Hân) vợ vua Quang Toản. Nhà vua mê sắc đẹp quyến rũ của Ngọc Bình và quyết định lấy nàng làm thứ phi.

Dân gian vùng Huế nhân sự kiện oái oăm này đã truyền câu ca dao:

*Số đâu có số lạ lùng
Con vua mà lấy hai chồng làm vua.*

Chấp thuận lấy Gia Long, bà Ngọc Bình sinh được hai trai, được phong Quân Oai Công, và Thường Tín Quận vương.

Gia Long và Nguyễn Huệ, hai người không đời trời chung lại là hai anh em cột chèo. Thật ông trời cũng khá đa đoan. Hoàng cung Phú Xuân thay đổi chủ, Hoàng hậu thay đổi chồng. Vua Gia Long có nhiều bà vợ qua bao cuộc thăng trầm, nguyên ở hai chiến tuyến khác nhau giữa "quí về một mối" sự

xung đột thế tất phải xảy ra, làm nhà vua khó bề giải quyết. Ấu đó cũng là chuyện thường của tình cảm vốn phức tạp của con người, nhất là phái nữ...

Mà dù có ở chung một "chiến tuyến", sự xung đột, ganh tị vẫn cứ xảy ra gay gắt. Vua Gia Long vì thế đã nói: "Trẫm muốn sửa đổi lại cả thế giới, nhất là đàn bà, vì họ đều đáng ghê sợ hơn đàn ông". Hẳn là một câu nói chân thật của một ông vua từng xông pha trên chiến địa.

MINH MẠNG (*)

Theo tương truyền, Thuận Thiên Cao Hoàng Hậu nằm mơ thấy thần dâng một cái ấn ngọc đỏ như mặt trời, rồi sinh ra một hoàng nam, sau này lên ngôi, lấy hiệu là Minh Mạng.

Vua Minh Mạng là người nghiêm túc trong công việc. Ông lại có tính thận trọng. Những chương sớ trong ngoài dâng lên, nhà vua đều xem hết. Việc thường thời diện dụ cho các nha, nghị chỉ phê phát, việc quan trọng thời nghị soạn bối chỉ, hoặc giao bản thảo, hoặc châu phê.

Luật pháp dưới triều Minh Mạng hẳn được thi hành một cách nghiêm trọng. Câu chuyện nhà vua ra lệnh chặt tay Nguyễn Đức Tuyên, tư vụ nội vụ ăn bớt nhựa thom công quỹ để răn đe tham nhũng là một trường hợp điển hình. Đương thời nhà vua rất ưa sự thẳng thắn. Trên các cổng

(*) Minh Mạng (1790 - 1840)

ở lăng Minh Mạng, dòng chữ "Chính đại quang minh" thường xuất hiện ở chính giữa 4 cột.

Nhà vua nghiêm nghị này, có lần phạt con trai mình vì tội gây ồn ào lúc vua đang đọc sách. Nguyên khi còn hoàng tử chưa xuất phủ, Miên Thẩm (sau này là Tùng Thiện Vương) ưa tổ chức diễn tuồng và thích tự đóng vai. Một hôm, mới hết canh hai Miên Thẩm đã nổi trống lên, giập một lớp tuồng, có em là Miên Trinh (Tuy Lý Vương) cầm trống 'chầu'.

Dang say sưa trong lớp tuồng sinh động, Miên Thẩm không nghĩ đến là vua Minh Mạng rất bực mình khi đang tập trung tư tưởng mà bị quấy phá. Nghe tiếng trống chầu, nhà vua sắc hỏi. Sáng hôm sau, Phủ Tôn Nhơn dâng phiến, phụng châu phê: "Khởi cố ở trong thành mà không xin phép. Miên Thẩm phải phạt bổng 2 năm, và phải đóng cửa 3 tháng luôn, không được dự triều hạ".

Phạt Miên Thẩm vì tội đánh trống tuồng trong đêm không xin phép, nhưng vua Minh Mạng cũng rất thích xem tuồng và có lúc đã viết một lớp tuồng. Nhân lễ Tứ tuần Đại khánh, Nguyễn Bá Nghi phụng chỉ soạn vở "Quần trần hiến thọ", nhà vua đã tham gia viết một đoạn về nhân vật Táo Chúa.

Nhà vua thường xem tuồng ở Duyệt Thị Đường trong Hoàng cung. Hai câu đối do chính nhà vua sáng tác cho ta thấy quan niệm của ông đối với nghệ thuật như thế nào:

"Âm nhạc tịnh trần, hòa kỳ tâm nhi dương kỳ chí, nghiêm xuy tề hiến, thủ kỳ nhị nhi giới kỳ phi!"

(Âm nhạc bày ra, hòa được lòng và dưỡng được chí. Tất cả bày biện, ta hãy tiếp những lễ phải điều hay trông đó và nhìn những cái sai lầm để răn mình).

Trong đời sống thường nhật, có lẽ vua Minh Mạng là người được hưởng nhiều thú vị nhất trong các vua triều Nguyễn. Vua có nhiều vợ, phần lớn là người miền Nam; như bà Hồ

Thị Hoa (Tả Thiên nhân Hoàng hậu) là người Biên Hòa, con của Phước Quốc Công Hồ Văn Bôi. Hai vương phi sủng ái nhất là bà Hiền phi Ngô Thị Chính, con của chương cơ Ngô Văn Sở và bà Lê tần Nguyễn Gia Thị, con của phó vệ úy Nguyễn Gia Quý. Hiền phi sinh được 4 Hoàng tử và 2 Công chúa. Bà Nguyễn Gia Thị sinh được 7 Hoàng tử và 3 Công chúa. Hai bà này thường hay xung đột nhau, bà Ngô Thị Chính cậy mình được vua yêu nên thường đánh ghen các bà khác làm vua Minh Mạng nhiều lúc cũng lâm vào tình trạng khó xử chẳng khác gì vua Gia Long vậy.

Tương truyền bà Hiền phi thường nói với những người thân cận rằng: "Dù vua có yêu thương tới bao nhiêu đi nữa thì khi từ biệt cõi trần, tôi cũng ra đi hai tay không mà thôi". Vua Minh Mạng nghe được, đến khi bà mất đã thân hành đến tận chỗ bà nằm, đem theo 2 nén vàng, bảo kẻ phục dịch mở hai bàn tay ra, nhà vua để hai nén vàng vào rồi ngậm ngùi nói: "Đây, trăm cho phi cái này để cho khỏi ra đi hai bàn tay không".

Vua Minh Mạng chỉ thọ đến 51 tuổi, nhưng có đến 142 người con, 78 trai, 64 gái.

Theo thường lệ, mỗi đêm nhà vua chấm cho Thái giám gọi 5 bà vào hầu; mỗi canh một bà. Tương truyền nhà vua có phương thuốc "nhất dạ lục giao sinh ngũ tử" nên hiệu quả khá khả quan chăng? Sau đêm thăm nhuần ơn mưa móc của quân vương, Thái giám chuyển danh sách 5 bà ấy cho Tôn Nhơn Phủ, phủ này chuyển một danh sách khác cho Quốc sử quán, như vậy để sau này vào ngày mãn nguyệt khai hoa, xem thử từ ngày vua đòi đến kỳ sinh nở có đúng ngày đúng tháng không.

Khi vua nghỉ ngơi cũng có 5 bà hầu hạ: một bà văn thuốc, tằm trầu sẵn, một bà đấm bóp, một bà hát ru và một bà chực sẵn để chờ khi vua thức dậy, cần sai bảo việc gì thì phải làm ngay.

Vua Minh Mạng trọng những tiến bộ khoa học kỹ thuật phương Tây. Một quan người Pháp Philippi Vannier (có tên Việt là Nguyễn Văn Chấn) có dâng hai thước đồng Thái Tây tên là đồng nhật khuy, chưa ai biết được phép dùng thế nào. Nhà vua thường khảo sát, tìm tòi cách sử dụng trong những khi thông thả; khi đã hiểu được cách dùng mới bảo Phan Huy Thực và Nguyễn Danh Bi rằng: "Thước đồng này bằng, nghiêng, cao, thấp phân biệt độ số, gần thời đo được núi non, xa thời xem được trời đất, phép tài lâm", nhân mới chỉ bảo rõ ràng, khiến tự suy nghiệm.

Sách *"Quốc triều chánh biên"* có chép một đoạn về sự lưu tâm khoa học kỹ thuật Tây phương áp dụng vào trong nước của vua Minh Mạng như sau:

"Tháng 4, ngài ngự chơi cầu Bến Ngự, xem thí nghiệm tàu chạy máy hơi. Khi trước khiến sở võ khố chế tạo tàu ấy, đem xe chở ra sông, giữa đường vỡ nồi nước, máy không chạy, người Đốc công bị xiềng, quan bộ Công là Nguyễn Trung Mậu, Ngô Kim Lan vì có tàu không thiệt, đều bị bỏ ngục. Bấy giờ chế tạo lại, các máy vận động lanh thả xuống nước chạy mau. Ngài ban thưởng người giám đốc là Hoàng Văn Lịch, Võ Huy Trinh mỗi người một cái nhẫn pha lê độ vàng, một đồng tiền vàng phi long hạng lớn; đốc công và binh tướng được thưởng chung 1000 quan tiền. Ngài truyền rằng: "Tàu này mua bên Tây cũng được, nhưng muốn khiến cho công tượng nước ta tập quen máy móc cho khéo, vậy nên chẳng kể lao phí gì".

Xem vậy, vua Minh Mạng là người tiến bộ, tuy nghiêm khắc trong công việc, nhưng không đến nỗi tàn ác như giai thoại kể rằng nhà vua đã ra lệnh giết một cung phi ngay khi biết được nàng đã hôn mình do 5 năm hầu vua mà vua chẳng đoái hoài đến!

Nếu nhà vua là người nhân tâm thì chẳng có câu chuyện nhà vua đặt trong tay bà Hiền phi 2 lạng vàng chỉ do một lời

nói thông thường của bà trong câu chuyện thường nhật với các người thân cận, chứ không trực tiếp nói với nhà vua.

TỰ ĐỨC (*)

Nhiều người biết Tự Đức là một người có tài văn thơ, nhưng chưa mấy ai hình dung được diện mạo của nhà vua. Trong tập nhật ký hành quân xâm lược Việt Nam vào năm 1888 của viên sĩ quan Pháp Bohin có tám hình vẽ Hoàng đế nước Nam (vua Tự Đức) rất dữ tợn, đó là hình vẽ theo tưởng tượng. Chân dung vua Tự Đức được người đương thời là cụ Thân Trọng Huề, người được thấy dung nhan nhà vua mô tả như sau:

"Ngài hình dung như một người nhỏ sỉ, không cao, không thấp, tác người bậc trung, không gầy không béo, có một phần hơi gầy một tí. Da không trắng không đen. Mắt hơi dài, cằm hơi nhỏ, trán rộng má thẳng, mũi cao má tròn, hai con mắt tinh mà lạnh.

Ngài hay chít cái khăn vàng nhỏ, mặc áo vàng; khi ngài có tuổi thì hay mặc quần vàng, đi giày hàng vàng của nội vụ đóng. Ngài không ưa trang sức mà cũng không cho các bà nội cung đeo đồ nữ trang, chỉ cốt lấy sự ăn mặc sạch sẽ làm đẹp" (theo Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*).

Vua Tự Đức làm việc khá siêng năng; sáng chừng 5 giờ đã thức dậy, chừng 6 giờ đã thiết triều, cho nên các quan ở Kinh buổi ấy cũng phải dậy sớm để đi chầu.

Vua Tự Đức thường ngự triều tại điện Văn minh, ở bên tả điện Cần Chánh. Các quan văn võ ngồi chực hai bên tả, hữu

(*) Tự Đức (1829 - 1883)

vu. Khi nhà vua đã ngủ ra, thái giám tuyên triệu các quan vào chầu.

Lễ thiết triều thường kéo dài đến 9, 10 giờ sáng, xong nhà vua mới ngủ vào Nội.

Công việc của vua Tự Đức thường nhiều, vì tính vua chăm làm, và ưa sáng tác thơ văn. Vua làm việc ở chái đông điện Cần Chánh. Trong chái ấy lót ván đánh bóng, xung quanh là các cửa kính. Gắn cửa kính có trái mây chiếc chiếu hoa, trên trái một chiếu cạp bằng hàng vàng, để một cái yên với nghìn bút, một gối dựa, ngoài ra không bày bàn ghế rườm rà. Cách một khoảng có một đầu hồ với bốn ghế để đánh. Khi nhà vua làm việc một hồi mệt mỏi thì đứng dậy giải trí bằng cách đánh đầu hồ hay đi bách bộ. Nhà vua chỉ làm việc một mình, vài thị nữ đứng hầu để mài son, thấp thuốc hay đi truyền việc nếu có lệnh của vua.

Tiến trình giải quyết công việc của vua Tự Đức như sau:

Phiến sứ các nơi đều gởi về nội các. Nội các để trong tráp tấu sự, đưa cho thái giám. Vua xem rồi giao nội các. Nội các giữ bản chính có châu điểm, châu phê, lục bản phớ ra cho các bộ nhà.

Hàng ngày nhà vua đều chăm chỉ làm việc ngoại trừ những lúc có việc bất thường hoặc những khoảng thời gian nghỉ ngơi. Nhiều người được xem các nguyên bản trong các, thấy có nhiều tờ phiếu nhà vua phê dài hơn các quan tâu; chữ tốt văn hay.

Ban đêm nhà vua thường xem sách đến khuya. Ba tập "Ngữ chế thơ văn" đã in thành bản. Nhà vua lại làm sách chữ Nôm để truyền dạy dân chúng như sách *Thập điều*, *Tự học điển ca*, *Luận ngữ điển ca*.

Nhà vua thường lên Khiêm cung ở Vạn Niên để nghỉ ngơi, giải trí. Tại đây có Hòa Khiêm điện để nhà vua làm việc.

Khiêm cung là một công trình kiến trúc quy mô có đủ những lâu đài dinh tạ để vua hưởng thú vui trong cuộc sống hiện tại dưới góc độ thẩm mỹ quan Đông phương. Minh Khiêm đường là nhà hát, đối diện với Ôn Khiêm đường, nơi các cung phi ở.

Tường cung nên trình bày một thú tiêu khiển đặc biệt của vua Tự Đức tại điện Cần Chánh, đó là thú chơi đầu hồ - dùng để giải trí tâm thần sau những giờ làm việc mệt mỏi.

Đầu hồ gồm một cái bình to hình quả bầu như bầu rượu, cao ngang đầu gối. Đáy bình thủng đặt trên một mặt trống để chung trong một cái giá trệt. Trên cổ bình bầu này còn có hai bình nhỏ khoảng gang tay gắn liền hai bên. Có 12 thẻ vót dài cao hơn chiều cao cái bình lớn một tí, mỗi thẻ một đầu dẹt để cầm tung, một đầu tròn thon. Cầm thẻ giữa ngón tay cái và tay trỏ, tung hất một cái, làm thế nào cho đầu thẻ rơi đúng mặt một thốt trống để cách bình lớn dài khoảng hai chiều dài của thẻ. Thẻ được hất sẽ nảy lên, đảo lộn vòng mấy cái, làm thế nào thật chính xác để đầu thẻ tròn rơi thẳng vào miệng cổ bình lớn, gõ tung tung lên mặt trống dưới đáy bình. Như thế là bình đã "ăn thẻ", người thắng cuộc là người tung hất được nhiều thẻ vào cổ bình nhất.

Nhà vua chơi đầu hồ rất giỏi, thường trong các lần chơi, có các quan đại thần tham dự, bao giờ nhà vua cũng thắng.

Khoảng thời gian vua Tự Đức trị vì là thời gian biến động trong lịch sử đất nước. Pháp lấn chiếm nước ta, lấy đất Nam Kỳ. Trong nước có nhiều rối loạn; nhiều cuộc nổi dậy của Tam Đường, Lê Duy Cự, vv... làm nhà vua buồn rầu, lo nghĩ, suốt ngày không nói. Đức Từ Dũ mới truyền lệnh rằng hễ ai làm cho vua bật cười sẽ được trọng thưởng. Chẳng ai thực hiện được, ngoại trừ Dội Vung thuộc Thanh Bình thự.

Buổi đó, nhà vua đang xem tuồng tại Duyệt Thị Đường trong Đại nội. Gặp lúc Dội Vung đang thủ vai vua, thấy nhà

vua đang hút thuốc, bèn chạy lại gần vua nói: "Còn thuốc, cho tôi hít một hơi". Nhà vua nghe vậy, không giận chỉ bật cười nói: "Mi táo gan hê", rồi tha tội cho tội bất kính ấy. Dội Vung được lãnh thưởng của bà Từ Dũ.

Có lẽ sự buồn bực của vua Tự Đức về việc nước không dai dẳng bằng sự khổ tâm của vua về việc không có con nối dõi, người xưa cho đó là một trong 3 tội lớn: tuyệt tự. Lý do để nhà vua không thể đáp ứng được yêu cầu sinh lý là vì lúc còn nhỏ, vua bị bệnh đậu mùa nên khi biến chứng làm mất khả năng sinh dục. Mặc dầu nhà vua có nhiều vợ, theo Gosselin trong *L'Empire D'Annam*, sau khi vua mất có đến 103 cung phi phải lên ở Khiêm lăng để tiếp tục phụng thờ vua. Trong số đó có những cung phi chưa được tiếp xúc với nhà vua một lần và tuổi cũng chưa đến 20. Vậy tổng số vợ của vua Tự Đức cũng phải đến hàng trăm.

Vì khó khăn trong việc tình dục, quân thần bàn cách để đưa một bà vợ của một hoàng đế rất mắn đẻ vào cung vua, nhưng cũng không có kết quả. Sau lần thí nghiệm chẳng được hoàn hảo ấy, nhà vua càng buồn bực thêm. Sau này phải nuôi cháu làm dưỡng tử để nối ngôi vua Tự Đức (con thứ ba của Thoại Thái Vương Hồng Y, tên là Ung Chân, và hai người con của Kiên Thái Vương là Ung Đường và Ung Đăng, sau lên ngôi vua là Đồng Khánh và Kiến Phúc).

Vua Tự Đức thờ mẹ rất có hiếu. Lễ thường cứ ngày chẵn thì châu cung, ngày lẻ thì ngự triều. Trong 36 năm giữ không sai chạy. Khi châu cung, nhà vua trình bày việc nhà, việc nước với mẹ để thỉnh ý. Khi bà Từ Dũ ban câu gì hay, nhà vua chép ngay vào quyển giấy là *Từ huấn lục*.

Một hôm, vua ngự bắn tại rừng Thuận Trực, cách Kinh thành 15 cây số, bên bờ sông Lợi Nông. Gặp lúc nước lụt, còn hai ngày nữa là ngày kỵ của vua Hiến Tổ (Thiệu Trị) mà vua

chưa về. Đức Từ Dũ sai quan đại thần Nguyễn Tri Phương đi rước. Nguyễn Tri Phương đi được nửa đường, vừa gặp thuyền ngự đương chèo lên, nước thì chảy mạnh, thuyền không đi nhanh được. Gần tới thuyền ngự mới tới bến. Mặc dù trời mưa lớn, nhà vua vẫn vội vàng lên kiệu trần đi thẳng sang cung lạy xin chịu tội. Bà Từ Dũ ngồi xoay mặt vào màn, chẳng nói. Nhà vua lấy một cây roi mây, dâng lên để trên trát kỷ rồi nằm xuống xin chịu đòn. Một hồi lâu, Đức Từ Dũ xoay mặt ra hắt roi mà nói:

- Thôi tha cho! Đi chơi để cho quan quân cực khổ thì phải ban thưởng cho người ta, rồi sớm mai đi hầu kỵ.

Nội đêm đó, nhà vua phê thưởng cho các quan quân đi hầu ngự. Đến sáng nhà vua ra điện Long An lạy kỵ.

Vua Tự Đức là người hiếu học, có tài năng về thơ ca. Nhà vua cũng có óc trào lộng, châm biếm. Một số giai thoại văn chương kể lại:

Một buổi nọ, trong câu chuyện văn chương, nhà vua bỗng nảy ra ý thử tài các quan bèn truyền cho các quan chép bài thơ nhà vua mới sáng tác. Bài thơ như sau:

Lâm vũ lâm ly lý lý đường

Minh minh bình chúc chiếu âm dương

Tri khu thường há công danh quán

Khá thủ lý bí đặc kỳ cương.

Các quan chăm chú chép. Chép xong dâng lên vua, vua xem lại thấy ai cũng chép sai, do đầu óc nặng điển tích, chữ nghĩa. Các quan ai cũng hiểu: "Lâm vũ" là lâm trận; "Lý lý đường" tưởng là nhà Lý, nhà Đường; "tri khu" viết là "tri khu" có nghĩa là vất vả, "công danh" tưởng là sự nghiệp, "kỳ cương" hiểu là kỳ cương ở triều đình... nên chép toàn chữ Hán. Thực tế nhà vua chơi khăm, biến bài thơ trên thành một bài thơ chữ Nôm,

với ý nghĩa là bài thơ đi bắt ếch. Câu 1 có nghĩa là: "mưa dầm khiến đường lầy lội trong bụi mận"; câu 2: "cầm được soi vào những tiếng kêu ộp ộp"; câu 3: "soi lên soi xuống khắp các khu đất đánh được đầy xâu"; câu 4: "đem về chặt đầu, lột da được mấy niêu?". Ông HN dịch thành bài thơ tứ tuyệt:

Mưa dầm lầy lội bụi cây mận

Ngọn đuốc soi quanh mọi cõi bờ.

Y ộp cùng nơi: xâu khá lớn

Chặt đầu lột xác: mấy niêu kho?

Các quan lúc ấy mới hiểu thâm ý của nhà vua.

Một lần khác, nhà vua cũng được dịp lừa các quan bằng bài thơ chữ Hán mà vua đọc cho các quan chép như sau:

"Tiêu hà tá hán khởi ư phong

Sấn nhập trùng vi nhiều trưởng trung

Bất luận huân tiêu phần khoái lực

Hốt văn hàn tín tự tiêu không"

Nghe xong bài thơ, lại cũng nặng điển tích, văn sử, các quan đều hiểu ý nghĩa bài thơ ấy như sau:

Tiêu Hà giúp nhà Hán ở đất Phong Bái không dùng tới sức mạnh của Phần Khoái, chỉ cần ở tại Hàn Tín là nên việc.

Ai ngờ trong bài thơ trên, nhà vua lại dụng ý tả con muỗi. "Tiêu hà" có nghĩa là tàu chuối, lá sen; "phong" là gió; "hán" là nỏ; "hàn tín" là tin lạnh; "phần khoái" là hun đốt.

Các quan bị bắt ngờ là phải. Vua không nghĩ đến những việc cao xa, trọng đại, lại nghĩ đến chuyện bắt ếch, đập muỗi! Chính nhờ hiểu được tư tưởng ấy, nên vua Tự Đức mới đánh lừa được các quan.

Bài thơ trên được ông Lãng Nhân Phùng tất Đắc dịch ra thơ Nôm như sau:

Bẹ chuối, dài sen nổi cánh rung
 Bay vào màn trướng quấy lung tung
 Chẳng cần phải tốn công hun đốt,
 Tin lạnh vừa đưa tẩu tán cùng.

Nhà vua lờm được các quan, nhưng các quan cũng có người lờm được nhà vua. Tài năng được như vậy chỉ có Cao Bá Quát, người được nhà vua công nhận:

Văn như Siêu Quát vô tiền Hán
 Thi đáo Tùng Tuy thất Thịnh Đường.

Số là một hôm nhân rồi, vua Tự Đức kể lại với các quan đại thần là nhà vua nằm mơ thấy mình làm được hai câu thơ chữ Nho, câu nào cũng có hai tiếng Nôm chen vào. Vua truyền cho các quan chép lại. Hai câu thơ ấy như sau:

"Viên trung oanh chuyển khê khà ngữ
 Dã ngoại đào hoa lấm tẩm khai"

Nghĩa là:

Trong vườn, chim oanh học tiếng khê khà
 Ngoài nội, hoa đào nở lấm tẩm.

Nghe vậy, Cao Bá Quát liền quỳ xuống tâu:

- Muốn tâu bệ hạ, hai câu ấy không có gì lạ. Đó là hai câu tam tứ ở một bài thơ mà thần đã được nghe.

Vua Tự Đức rất ngạc nhiên, truyền cho ông đọc toàn bài. Cao Bá Quát ứng khẩu đọc liền:

Bảo mã tây phong huếch hoác lai
 Huênh hoang nhân sự thác đề hồi,
 Viên trung oanh chuyển khê khà ngữ,
 Dã ngoại đào hoa lấm tẩm khai.
 Xuân nhật bát văn sương lộp bộp

Thu thiên chỉ kiến vũ bài nhai
 Khù khờ thi tứ đa nhân thức,
 Khệnh khạng tương lai vấn tứ tài.

Nghĩa là:

*Gió đưa ngựa huếch hoác về
 Huênh hoang người cũng tự đi theo vào
 Khề khà oanh hót vườn nào,
 Ngoài đồng lấm tấm hoa đào nở hoa.
 Xuân không sương lộp bộp sa
 Trời thu chỉ thấy giọt mưa bài nhai.
 Khù khờ thơ đã quen tai
 Còn đem khệnh khạng hỏi người làng văn*

(Tiêu Long dịch)

Đặc sắc của bài thơ ứng khẩu trên là cả 8 câu, câu nào cũng có hai chữ Nôm chen vào các chữ Hán của bài thơ thất ngôn bát cú.

Nghe xong, vua biết là Cao Bá Quát bịa ra bài thơ để giễu mình, nhưng cũng chịu là Quát có tài xuất khẩu thành thơ đặc biệt. Thật là "bên tám lạng, bên nửa cân".

Một lần khác, nhân một buổi ngự thiện, vua nhai cơm vớ ý cần phải lười, liền lấy đầu đề "răng cần lười" ra cho đình thần làm thơ. Nguyễn Hàn Ninh dâng một bài thơ tứ tuyệt:

Sinh ngã chỉ sơ nhĩ vị sinh,
 Nhĩ sinh chi hậu, ngã vị huynh
 Nhất đường cộng hưởng trần cam vị
 Hà nhân tương thương cốt nhục tình

Dịch nghĩa như sau:

*Ta ra đời trước chú chưa sinh
Chú phận làm em, ta phận anh
Ngọt bùi sao chàng cùng san sẻ
Mà nỡ đau thương cốt nhục tình?*

Vua xem thơ, thường mỗi câu một lạng vàng vì lời thơ hay, nhưng lại phạt mỗi câu một roi vì ý thơ sâu, ám chỉ việc nhà vua giết Hồng Bảo, thế cũng công bằng.

Trong các vua nhà Nguyễn, Tự Đức để lại nhiều giai thoại văn chương thú vị nhất, mặc dù trong thời gian trị vì, nhiều cuộc biến động đã nổ ra khắp cả nước. Ngay tại Kinh thành, Đoàn Trưng cùng hai anh em là Đoàn Trực và Đoàn Hữu Ai dẫn dân phu phục dịch ở Vạn Niên cơ, ban đêm xông vào định bắt vua, đưa Ứng Đạo lên ngôi. Do không được nội ứng tiếp tay tích cực, và cũng không quen đường lối trong Tử Cấm thành nên đại sự bất thành, nhưng đã làm kinh động giấc "ngự ngôi"(1) của một ông vua đã tại vị lâu nhất trong các vua nhà Nguyễn: 36 năm (1847 - 1883).

(1) Theo tài liệu của Ch. Gosselin: "L'Empire d'Annam" (Perrin et Cie, Librairies Editeurs, Paris 1904, Page 32); lúc vua còn tại thế, hằng ngày có 43 bà phục dịch trong nội đình, 30 bà giữ việc canh gác, 13 bà lo việc chải tóc, mặc áo, trau chuốt móng tay, vẩy và thấp thuốc, nhất là mài sơn, thắm bút cho vua châu phê và tấu sớ. Buổi tối vua ngủ, các bà phải nằm quanh long sàng để làm vệ sĩ.

ĐỒNG KHÁNH (*)

Đồng Khánh là ông vua đầu tiên của triều Nguyễn thừa nhận nền bảo hộ của Pháp, tiếp xúc với nền văn minh Tây phương, uống rượu chất Bordeaux, mang huy chương Bắc Đẩu bội tinh, uống sữa hộp trong những ngày đau ốm, lại là người đầu tiên gửi mua hàng hóa của Pháp qua trung gian của một thương gia người Pháp ở Huế.

Nhà vua chú trọng đến trang điểm bên ngoài. Vua thích nhất là các loại hàng lụa. Ngoài hàng lụa, vua còn mua đồ gỗ, chén đĩa bằng sành, các bộ đồ ăn bằng bạc, đá carô để lát cung điện.

Nhà vua cũng thích mua các đồ chơi do người Pháp chế tạo.

Mỗi lần hàng về, vua Đồng Khánh ban một phần cho các Hoàng thân, các đại thần, cung phi, mỹ nữ cùng các thái giám hầu cận.

Trong sinh hoạt thường nhật, nhà vua hay chú ý đến ngoại diện, thường chăm sóc trang điểm. F. Baille kể lại trong bài "*Les Annamites*" như sau:

"Hàng ngày một toán cung nữ được chọn trong tất cả đẳng cấp phục dịch đức vua. Ba mươi người chia nhau canh gác xung quanh hậu cung của ngài, năm nàng luôn luôn ở bên cạnh ngài, luân phiên sơn sóc, trang điểm cho ngài. Các nàng thay quần áo cho ngài, chải chuốt bộ móng tay dài hơn ngón tay, thoa dầu thơm, vấn khăn lụa vòng quanh đầu ngài. Sau cùng, chú ý đến từng chi tiết nhỏ nhất quanh ngài sao cho thật hoàn hảo; năm cung nữ này cũng kiêm lo hầu cơm nước đức vua.

(*) Đồng Khánh (1864-1888)

Thường nhật ngài dùng ba lần: Sáu giờ sáng, mười một giờ trưa, và năm giờ chiều. Mỗi bữa ăn có 50 món khác nhau, do 50 đầu bếp nấu nướng cho Hoàng cung. Mỗi người lo nấu một món riêng của mình và khi chuông đổ thì trao cho đám thị vệ đưa qua đoàn Thái Giám. Các ông này chuyển đến năm cung nữ và chỉ có mấy nàng mới được hân hạnh gắp gỏi hầu cơm Đức vua. Ngài nhắm nháp vài món ăn và uống một thứ rượu mạnh đặc biệt chế bằng hột sen và các loại cây có mùi thơm. Đức vua Đồng Khánh dùng rượu chất Bordeaux theo lời khuyên của các y sĩ để giúp sức cho tạng phủ hơi yếu.

Gạo đức vua dùng phải thật trắng và chọn lựa từng hạt, nấu trong nồi đất, mỗi lần nấu xong thì đập bỏ. Dưa vua dùng vớt bằng tre vừa mới trở đủ lã và thay đổi hằng ngày. Loại dưa này không tiện dùng vì hơi nặng đối với tay nhà vua. Số lượng gạo phải được xem kỹ và nấu thật đúng, không bao giờ nhiều hay ít hơn; nếu đức vua không ăn như ngày thường, nếu ngài thấy không ngon miệng thì ngài gọi các viên ngự y đến xem mạch bốc thuốc. Ngài bắt các y sĩ uống trước mặt ngài.

Khác với các vua Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức cố tìm cách xa lánh người Pháp, vua Đồng Khánh lại cố thắt chặt tình thân hữu. Thịnh thoảng vua mời các vị đại diện Pháp vào Đại Nội dự yến tiệc hay xem hát tuồng.

Một sự thay đổi về cung cách tiếp đón phái đoàn ngoại giao Pháp dưới triều Đồng Khánh là phái đoàn được đi cửa Ngọ Môn, kể cả việc Khâm sứ lẫn đoàn tùy tùng. Tại đây các Hoàng thân và các viên đại thần mặc áo đại triều, mang hia, đội mũ đứng chực sẵn để tiếp đón.

Nhà vua tiếp viên Khâm sứ tại điện Thái Hòa. Các Hoàng thân, các vị đại thần đều đứng trong điện; các quan theo phẩm trật, mặc áo đại triều sắp hàng trước sân châu. Các quan phẩm trật nhỏ không được tham dự.

Vua Đồng Khánh ngồi trên ngai chờ đón. Phái đoàn tiếp tân đưa viên Khâm sứ và đoàn tùy tùng vào điện, nhà vua

bước xuống ngai, nói vài câu và nghe chúc từ của đại diện Pháp. Vua trả lời lại, nói rất nhỏ theo đúng nghi thức. Một viên quan ngự tiền dịch ra tiếng Pháp.

Cung cách đón tiếp đời vua Đồng Khánh thật khác với các đời vua Nguyễn trước đó. Các vị vua ấy chẳng bao giờ rời ngai vàng. Việc tiếp đón đã có Hoàng thân và bá quan.

Sau nghi lễ tiếp đón ở điện Thái Hòa, vua mời quan khách qua điện Càn Thành để dùng trà. Nhà vua đi đầu, theo sau là viên Khâm sứ cùng đoàn tùy tùng và quan lại. Cuối cùng là ban nhạc, vừa đi vừa cử nhạc.

Để tăng thêm cuộc vui, vua Đồng Khánh thường lưu khách lại để xem hát tại Duyệt thị Đường. Đoàn mô tả cảnh xem hát tuồng sau đây của F.Baille cho ta biết được những chi tiết la so với quang cảnh xem hát của các đời vua trước:

"Cuộc vui được chọn trình diễn trong Hoàng cung để hầu đức vua thường là đoàn hát bội. Người ta trang hoàng một gian phòng thật rộng hình vuông, ba phía bỏ trống, giữa có nhiều bàn dài trải vải đỏ để tiếp khách, trên có trái cây và bánh gói giấy đủ màu, hình dáng kỳ lạ, ly tách để các thị vệ rót rượu bia, nước trà.

Đức vua ngồi trên ngai vàng riêng biệt đặt trên cái bục khá cao trước mặt có một cái bàn để tách và hộp đựng đường làm bằng ngọc thạch, một cái mâm nhỏ có vành cao tuyệt khéo đựng những món đồ dùng của ngài mà đi đâu ngài cũng đem theo. Một túi vải nhỏ đựng dây thuốc diều dài và nhỏ, một đồng hồ báo thức bằng vàng, vài món nữ trang, dầu thơm, bình xịt dầu, một cái gương nhỏ... tất cả đồ lễ của một ông vua ở Á Đông mới làm quen với nền văn minh của chúng ta.

Bên mặt và bên trái của ngài, ông thống sứ và tướng chỉ huy quân đội ngồi trên ghế riêng rẽ. Phía sau có treo một bức sáo đàn thưa, người đứng trong có thể nhìn qua kẽ hở; chúng tôi nghe được cả những tiếng nói thì thầm của mấy nàng cung nữ hầu vua.

Gian phòng không được sáng sủa lắm. Hàng cột và những cây đà ngang làm bằng gỗ nguyên thân màu đen càng làm tăng thêm vẻ u tối. Trên trần nhà có vẽ hình mây bay, nhiều ngôi sao, mảnh trăng khuyết trên nền xanh đã ám bụi thời gian. Chúng tôi thấy có hai hay ba cánh cửa sập để dùng trong lúc diễn tuồng. Vài cây đèn dầu lửa loại thường của người Âu chế tạo đóng dựa dưới cây sắt dài, vài cây đuốc để trên bàn và dưới đất... không đủ sức soi sáng cả gian nhà quá rộng. Nhiều chiếc chiếu trải trên mặt đất giữa phòng làm sân khấu.

Dức vua vừa ngự trên long ý thì dàn nhạc giáo đầu gồm lối hai mươi nhạc sĩ ngồi xúm đánh trống, gảy đàn, thổi kèn tạo thành một giai điệu triền miên và inh tai. Trước mặt họ có một cái trống lớn, đúng ra là một cái thùng to. Một vị quan lớn ngồi sau trống, chúng tôi nhận thấy là nhạc phụ của đức vua, quan kinh lược ở Bắc Kỳ. Mỗi khi nghệ sĩ khéo trình diễn thì ông đánh hai hay ba tiếng trống, mỗi tiếng tiêu biểu một số tiền biếu tặng diễn viên.

Các đào kép trong vở tuồng ăn mặc chưng chặc ra sân khấu lay chập đức vua, đoạn đưa ra nhiều mảnh vải thêu những chữ nho lớn tỏ lòng tôn kính và chúc Đức vua sống lâu. Một diễn viên khác lược thuật vở tuồng với giọng chất chứa, tiếp đến là bắt đầu xuất hát mà người ta không biết chắc chừng nào chấm dứt. Có tuồng kéo dài ba ngày hay lâu hơn nhưng không vì thế mà khán giả chán nản. Họ xem đến giờ nấu cơm thì ra về, ăn rồi trở lại bình tĩnh thưởng thức tiếp.

Đối với người Âu Tây lúc tuồng hát khởi sự là lúc họ bắt đầu không hiểu gì cả. Tất cả chỉ là một trận não động âm í, hò hét quái lạ mà chúng tôi tìm kiếm ý nghĩa qua lối cử động tay chân cũng không sao hiểu nổi.

Vua Đồng Khánh thích xem tuồng, nhà vua đặt tên cho những cung nữ của mình theo tên các nhân vật trong vở "Vạn Bửu trình tuồng", như Đại Hoàng, Nhân Sâm, Cam Thảo v.v... Đây là vở vua đặc biệt yêu thích, các nhân vật lấy tên các vị thuốc mà đặt.

Ngày tháng vua Đồng Khánh lên ngôi và từ trần tương truyền được nữ thần đền Ngọc Trấn đoán trước nên nhà vua rất sợ hãi chung cuộc của mình. Tuy vậy, ngày ấy cũng đến. Sau 3 năm trị vì nhà vua nhuộm bệnh, không ăn được thức gì cả. Thỉnh thoảng cơn sốt nổi lên, đầu vua nhức như búa bổ. Quan ngự y người Việt chẳng chữa được; bác sĩ Pháp, ông Cotte, được cử sang chữa trị, nhưng không được ở lại trong cung, chỉ dặn dò các viên thái giám cách pha chế thuốc rồi phất ra về. Sau nửa tháng nhuộm bệnh, nhà vua qua đời vào lúc 8 giờ tối ngày 28-1-1889. Theo nhiều người thuật lại, nhà vua bị ám ảnh bởi cái chết của Phan Đình Bình, vị đại thần có ý tôn Bửu Lân lên sau khi Hàm Nghi bỏ ngai vàng, nên trong khi nhuộm bệnh, vua thường la hét vì gặp những cơn ác mộng.

Vua Đồng Khánh qua đời, để lại hơn 100 bà phi, nhưng chỉ có 6 Hoàng tử và 3 Công chúa. Nhà vua thọ 25 tuổi.

THÀNH THÁI (*)

Vua Thành Thái lên ngôi mới 10 tuổi, khi triều thần đi rước để mời về cung thì Hoàng tử đang chơi đùa với đám trẻ em trong xóm ở Thành Nội. Bà Từ Minh Huệ Hoàng hậu Phan Thị Diệu đi vắng. Đến khi bà về, nghe các quan xin rước Hoàng tử vào cung để tôn lên làm vua kế vị Đồng Khánh, bà đã khóc vì sợ tánh mạng con mình sẽ cùng một số phận như Dục Đức, Hiệp Hòa, Kiến Phúc. Nhưng trước lời cam kết của các quan, bà Từ Minh mới an tâm.

(*) Thành Thái (1879 - 1954)

Hoàng tử Bửu Lan (tức vua Thành Thái sau này) tuy nhỏ tuổi nhưng cao lớn, mạnh khỏe, nước da ngăm ngăm đen, cặp mắt linh lợi thông minh, đã biết một ít chữ Hán và chữ Pháp.

Vào Đại Nội lần đầu, Hoàng tử đã biết giữ ý tứ. Một ông thị vệ rót nước mời, Hoàng tử chỉ nhìn mà không uống. Biết ý, vị quan này mới hóp trước một ngụm, khi đó Hoàng tử mới chịu uống.

Vua Thành Thái được tôn lên Tân quân vào ngày mùng 1 Tết. Rheinart đi với viên chánh văn phòng Boulloche qua Đại Nội tin cho vua biết tòa Khâm sứ đã công nhận Hoàng tử là vua nước Việt Nam.

Một chi tiết lạ về lễ này của vua Thành Thái là vua mặc áo xanh, bịt khăn đóng. Khi các viên chức Pháp đến, vua mời từ ngai vàng bước xuống, ra khỏi điện nghênh tiếp, có viên thái giám cầm quạt lông theo hầu. Dáng điệu của vua đã tỏ vẻ người lớn, tuy tuổi hãy còn nhỏ.

Mùng 2 Tết mới chính thức làm lễ dâng quang.

Trong nghi lễ, vua Thành Thái đã tỏ ra chững chạc. Nhà vua cũng đã cố tinh thần ưa độc lập từ nhỏ; sau này, do tinh thần đó, nhà vua ngăm tổ chức binh đội chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa khi có thời cơ. Binh đội được tuyển là nữ binh, có lẽ để dễ che mắt người Pháp. Trường huấn luyện sinh hoạt lại ở ngay trong Đại Nội. Có nhiều dư luận xung quanh sự kiện này, nên dân gian có lưu truyền câu ca dao sau:

Kim Lương có gái mỹ miều.

Trăm thương, trăm nhớ, trăm liều, trăm di.

Đây là nguồn dư luận thứ nhất:

Tương truyền vua Thành Thái đêm đêm hay xuất các đồ đi lũng bắt con gái đẹp đem về cung cấm làm tỳ thiếp, khiến cho nhà nào có con gái đẹp đều nơm nớp lo sợ, lo gả chồng đi cho sớm, hoặc đêm đến thì gởi đi ngủ ở nhà khác để tránh tai họa. Người ta đồn rằng ban ngày, nhà vua cho lính cận vệ

đi khắp các nẻo chợ xem nhà nào có con gái đẹp chưa chồng thì về tàu lại. Ban đêm, vua cho lính dùng xe song mã bịt bùng đi bắt cóc các cô gái ấy đem về Nội. Cũng có khi chính nhà vua "thân chinh" nữa.

Làng Kim Long ở phía tây Thành Nội, nổi tiếng có lắm "gái mỹ miều" nên thường được nhà vua chiếu cố. Do đó mới có câu ca dao có ý mỉa mai châm biếm ông vua "hoang dân" nói trên.

Thật ra, câu chuyện này chỉ là một giai thoại do tay sai của thực dân Pháp bịa ra để hạ uy tín của một ông vua có lòng yêu nước, có tư tưởng và thái độ chống Pháp; hoặc do chính nhà vua đặt ra và cho lưu truyền trong dân chúng để đánh lạc hướng dư luận, che giấu việc chuẩn bị kháng Pháp.

Vua Thành Thái đã giả điên để che mắt người Pháp. Nhiều hành vi lạ lùng của nhà vua được dân gian truyền miệng, như nhà vua giả trang đi chơi ngoại thành Huế; rất ít người phục tùng hộ giá, những người này cũng phải cải trang. Có khi vua lại hóa trang thành người ăn xin và thực hành nghề nghiệp ấy. Chắc nhà vua muốn "thử chơi cho biết" để hiểu sâu hơn nỗi khổ nhân gian ở chốn trần thế chăng?

Về việc tuyển chọn nữ binh, nhà vua đã bỏ tiền ra để tuyển mộ, cho ăn mặc quần áo theo kiểu riêng, hằng ngày chăm lo luyện tập quân sự.

Việc tuyển mộ nữ binh được thực hiện trong vòng bí mật. Nhà vua cho lính cận vệ thân tín đến tiếp xúc với họ và gia đình. Nếu được chấp nhận, nhà vua cho "dàn cảnh" bắt cóc bằng cách hẹn ngày giờ (thường là ban đêm) và địa điểm gặp gỡ, rồi lính cận vệ của nhà vua, hoặc chính nhà vua đem xe song mã đến đón họ đưa vào cung cấm. Mỗi đội nữ binh gồm 50 người, được huấn luyện quân sự. Sau khi luyện tập đã thành thục, 50 nữ binh ấy được bí mật giao trả về gia đình; đợi khi

hữu sự thì nhập ngũ, chống Pháp. Sau đó lại tuyển thêm 50 nữ binh mới.

Để bảo mật, các cô gái bị "bắt cóc" thường được đưa vào Từ Cấm thành bằng cửa Hữu của Thành Nội, gần làng Kim Long; vì con đường chạy dọc theo bên ngoài Hoàng thành dẫn đến cửa Hữu rất vắng vẻ vào ban đêm, hai bên đường lại không có nhà cửa của dân chúng. Cũng vì vậy mà các cô gái ở làng này được tuyển mộ ưu tiên và nhiều hơn cả.

Lý do thứ hai là các cô làng An Ninh (giáp Kim Long) được tuyển hầu hết đều là thợ dệt vải (vải An Ninh rất nổi tiếng) nên vua Thành Thái cho tổ chức ở Đại Nội các chợ bán vải do các nữ binh ấy dệt trong Đại Nội. Như vậy một mặt để dăng lừa thực dân Pháp, mặt khác để cho nữ binh của nhà vua có công việc mà trang trải các chi phí.

Nguồn dư luận thứ hai kể rằng, có lần vua Thành Thái cái trang làm thường dân lên Kim Long. Sau một lúc quan sát dân tình, nhà vua bước xuống bên đò, bỗng chợt thấy cô lái đò xinh đẹp. Nhà vua cùng vài người tùy tùng xuống đò gọi chuyện. Đò mới ra bến, nhà vua ôm ở hỏi cô gái: "Nàng có ưng làm vợ vua không?" Ngay thơ chẳng biết đó là vua cái trang, nàng nửa đùa nửa thật đánh bạo nói: "Ừng".

Thế là nhà vua đứng dậy cầm tay nàng kéo ra mũi thuyền, bước nhanh ra sau đò cầm lái, đích thân chèo cho đò xuôi dòng Hương từ Kim Long đến bến Nghinh Lương trước Phu Văn Lâu. Đò cập bến, nhà vua rước nàng "đưa em vào Nội", thế theo lời nguyện ước của nàng.

Thật là một chuyện tình kỳ lạ ở chốn Kinh thành, mà chỉ có vua Thành Thái mới có sáng kiến tuyển cung phi theo kiểu ấy. Các vị vua tiền triều thường được các quan đại thần dâng tiến con mình, hoặc có một bộ phận quan lại chuyên trách tìm cung phi cho vua. Dân gian sờ dĩ thường lưu truyền, đôi khi có phần bịa đặt, về các hành vi kỳ lạ của vua Thành Thái một

phần cũng do nhà vua muốn tạo ra những chuyện hư hư thực thực, diên diên tàng tàng để che mắt Pháp chẳng?

Một giai thoại sau thể hiện được tính cách côi mõi, ưa vui của vua Thành Thái. Đó là giai thoại vua Thành Thái thử tài châm biếm của Nguyễn Khoa Vy, khi còn học ở trường Quốc Tử Giám.

Một hôm Nguyễn Khoa Vy lên vào hồ Tịnh Tâm hái trộm hoa quả, gặp lúc vua Thành Thái cùng đoàn tùy tùng đang dạo chơi ở đấy. Thị vệ bắt cậu học sinh dẫn đến trước nhà vua xin đánh đòn. Một vị quan theo hầu nhà vua liền tâu:

"Cậu học sinh này là con cái gia đình Nguyễn Khoa thuộc về loại nghịch nhất, nhì ở trường, cậu biết làm thơ và hay làm để trêu bạn bè, cơ khi trêu cả thầy. Xin Hoàng thượng bắt cậu ta làm một bài rồi tha cho về".

Vừa lúc ấy trước Tịnh Tâm, một cô gái giang hồ đang nỉu kéo một tên lính Tây, dùng tiếng Tây theo kiểu bồi chửi rủa om sòm.

Vua Thành Thái bảo: "Cháu hãy làm một bài tả cảnh đó".

Ngẫm nghĩ một lúc, cậu học sinh Nguyễn Khoa Vy đọc lên 4 câu, cũng dùng thứ tiếng Tây kiểu bồi như cô gái nọ làm cho mọi người cười ầm lên. Vua Thành Thái gật gật đầu, thưởng cho cậu gói kẹo.

Không bái tạ, chẳng cảm ơn, cậu ôm kẹo quay lưng chạy. Lính nỉu lại bắt tội vô lễ. Vua Thành Thái cười: "Không sao, không sao, cháu lại làm một bài thơ nữa rồi chạy đâu thì chạy".

Chẳng phải nghĩ ngợi lâu, cậu đọc:

Ham nghịch bắt ngờ lại gặp vua,

Cong lưng mà chạy rớt càng cua.

Bây giờ lại được vua ban thưởng

Cảm tạ đâu nào dám "bổ sua"

(Tiếng Tây nói theo lối bồi có nghĩa là bắt tay).

Do ý chống Pháp nên vua Thành Thái già đi, cũng vì vậy nên Khâm sứ Lévecque lợi dụng phao truyền vua Thành Thái đien thật để kiếm cách truất phế. Sau những xích mích bùng nổ không thể hàn gắn được giữa hai bên, Lévecque thông báo cho vua Thành Thái biết rằng: "Nhà vua không thành thật cộng tác với Chính phủ Bảo hộ thì từ nay mọi việc Hội đồng Thượng thư cứ tùy nghi mà làm, rồi tuyên bố:

"Từ nay nhà vua không còn quyền hành gì nữa và không được ra khỏi nơi ở dành cho mình trong Đại Nội".

Hội đồng Phụ chính do Trương Như Oương cầm đầu cùng với Tòa Khâm sứ ra một bản tuyên bố chung nhấn mạnh rằng:

"Vi Thành Thái mắc bệnh đien nên hai Chính phủ đã quyết định như vậy để bảo vệ lợi ích của Quốc gia cũng như chính bản thân nhà vua".

Đó là câu chuyện già đien của vua Thành Thái.

Trong Đại Nội, nhà vua thường xem tướng tại Duyệt thị Đường; chính Thành Thái là một tay đánh trống tướng giỏi và ưa diễn tướng. Nhà vua cũng từng thủ vai Thạch Giải Trại trong vở "Xảo tống"

Có lần nghe đồn có một tay đánh trống tướng giỏi, nhà vua triệu ngay vào cung, bảo biểu diễn cho vua xem. Tay này trở tài, quả thật lời đồn không ngoa. Vua Thành Thái sau khi nghe xong, liền ban thưởng và thú nhận với đình thần là tên này tài năng hơn cả nhà vua. Sau đó nhà vua vở vai người đánh trống nói:

"Ta phục tài đánh trống của nhà ngươi lắm, ta thường cho ba lạng bạc. Nhưng có một điều ngươi cần sửa là trong khi đánh trống, nhà ngươi có tạt lúc lắc cái đầu trông xấu lắm. Sáu tháng sau, ngươi trở lại đây biểu diễn, nếu lúc đó cái đầu nhà ngươi vẫn còn lúc lắc trong khi biểu diễn thì ta sẽ mượn nó".

Kể từ đó, ngày nào tay trống ấy cũng luyện tập nhưng tật lác đầu vẫn không bỏ được. Anh ta quá lo sợ nên nghe đầu bị nhuộm bệnh mà chết.

Nghe tin ấy, vua Thành Thái rất thương tiếc và hối hận vì câu nói vô tình của mình. Nhà vua liền tư cho bộ Lễ ban phát cho gia đình người đánh trống một số tiền bạc lớn để tống táng người chết và mưu sinh cho người thân còn sống.

Nhà vua yêu văn nghệ và có lòng yêu nước ấy sau cùng bị Pháp phế bỏ, lấy cơ là "tâm trí nhà vua không được bình thường", để chọn một Hoàng tử còn nhỏ tuổi lên kế vị. Đó là Vĩnh San, tức vua Duy Tân.

DUY TÂN (*)

Vua Duy Tân đã để lại nhiều giai thoại về cuộc đời mình; tuy ở ngai vàng trong một thời gian ngắn, nhưng dân xứ Huế mãi truyền tụng những mẩu chuyện thú vị về nhà vua.

Trước tiên là cuộc tuyển chọn Hoàng đế kế vị vua Thành Thái.

Vua Thành Thái bị Pháp quản thúc tại điện Cần Chánh sau khi Pháp tuyên bố: "Vua Thành Thái tâm thần không yên phải thoái vị". Thế là phải tìm một vị vua mới thay thế. Theo tập tục Việt Nam "phụ truyền tử kế" và cũng thế theo nguyện vọng của vua Thành Thái đang bị quản thúc, toàn quyền Đông

(*) Duy Tân (1907- 1945)

Dương và Khâm sứ Trung kỳ Sylvain Lévecque phải chọn một người con trai của vua Thành Thái cho đăng quang.

Vua Thành Thái có nhiều con, nhưng Pháp sợ vua lớn tuổi sẽ khó sai khiến, nên cần phải tuyển chọn một người, càng trẻ đại càng hay, không cần phải chọn người con trưởng.

Hôm tuyển chọn, viên Toàn quyền Đông Dương, viên Khâm sứ Trung Kỳ và một số viên chức cao cấp Pháp tháp tùng, rầm rộ kéo vào Đại Nội họp với đông đủ các quan đại thần của Nam triều để bắt đầu cuộc tuyển lựa Hoàng tử kế vị theo ý của Pháp.

Pháp bắt buộc Nam triều phải đem ra trình diện tất cả Hoàng tử con của phe để để Pháp tuyển lựa. Sau khi ăn mặc chỉnh tề, các hoàng tử lần lượt được đưa ra trước "Hội nghị thượng đỉnh". Nhưng khi kiểm điểm lại toàn bộ danh sách thì thấy thiếu đi một "mẹ", đó là Hoàng tử Vĩnh San, vừa lên tám tuổi. Pháp buộc phải tìm cho ra mới nghe. Thôi thì tất cả thị vệ và Cung nữ đang phục dịch trong cung cấm đều được huy động đi tìm kiếm; một sự náo loạn diễn ra trong cung điện tưởng chừng như có biến cố gì trọng đại xảy ra.

Đợi đã hơi lâu mà chưa thấy Nam triều đưa Hoàng tử Vĩnh San ra trình diện, viên Toàn quyền Pháp to vẻ giận dữ. toan đứng dậy bỏ ra về thì một thị vệ dẫn Hoàng tử đến, mặt mày lem luốc, áo quần dính đầy mạng nhện. Đình thần bèn giải thích cho viên Toàn quyền hay rằng: vì quá sợ bị chọn làm Hoàng đế, Hoàng tử đã trốn chui, trốn nhủi nên mới ra nông nổi. Để ra trình diện kịp thời, Hoàng tử không kịp đi tắm rửa và thay quần áo.

Thực ra lý do Hoàng tử vắng mặt lúc đó không phải vì sợ mà chạy trốn, mà vì ham đi bắt rết rết dưới các bộ giẫm hạ ở các cung điện trong Hoàng Thành.

Mới trông thấy "mẹ" Vĩnh San, viên Toàn quyền Pháp ưa ý ngay. Theo chúng đây là một Hoàng tử đúng "tiêu chuẩn", có

nghĩa là nhút nhát, ham chơi, nhỏ tuổi, ngày chọn lên kế vị vua mà lại đi bắt rế rế thì quả là quá ngu dốt. Charles, một nhân vật quan trọng ở Tòa khâm sứ đến xách tai Vĩnh San tiến ra trước mặt viên Toàn quyền nói rằng:

"Thằng này tai to, làm vua An Nam được đây"

Thế là Pháp nhất trí, Khâm sứ Léveque rất mãn nguyện.

Thế là "mệ" Vĩnh San lên ngôi, sau buổi đi bắt "rế rế" ấy.

Áo quần may chưa kịp, Vĩnh San phải quàng cái áo long bào của vua Thành Thái có đủ cân đai nặng đến 5 ki-lô. Mặc áo vào, nhà vua phải ngồi một chỗ, vì đi không nổi.

Hôm sau (5-9-1907) trong buổi lễ đăng quang, có mặt viên Toàn quyền và đoàn tùy tùng hôm nọ, Hoàng tử đã tỏ ra cứng chặc như người lớn. Khuôn mặt tuấn tú, tai to, mắt sáng, Vĩnh San không hề có một cử chỉ nhút nhát nào chứng tỏ sự sợ sệt. Hoàng tử nói năng giọng thượng đẳng khẩu khí vương quyền; đối đáp với toàn quyền Đông Dương và Khâm sứ Trung Kỳ, Hoàng tử nói thẳng bằng tiếng Pháp rất lưu loát, tỏ ra thông minh khác thường, đôi khi còn thốt ra những câu nói trích thượng và xóc óc là khác, khiến cho viên Toàn quyền Pháp chưng búng. Nhưng việc đã trôi lơ rôi, dù có muốn thay đổi cũng không được nữa.

Một nhà báo tường thuật lễ đăng quang này, tuy chưa tiên đoán được cụ thể những hành vi chống Pháp của vua Duy Tân sau này; nhưng ông cũng cảm nhận được sự nhầm lẫn của thực dân Pháp khi chọn Vĩnh San làm vua nước Nam, đã kết thúc bài báo rằng:

Un jour de trône a complètement Changé la figure d'un enfant a huit ans" (tạm dịch: Một ngày trên ngai vàng đã thay đổi hoàn toàn bộ mặt của một cậu bé lên tám).

Để kiểm soát và làm tiêu tan ý chí chiến đấu của vị vua nhỏ tuổi này, thực dân Pháp đã sắp đặt kế hoạch như sau:

1- Lập Phủ Chính gồm 6 vị đại thần là Tôn Thất Hân, Nguyễn Hữu Bài, Huỳnh Côn, Miên Lịch, Lê Trinh, và Cao Xuân Dục để cai trị nước Nam, dưới sự điều khiển của Khâm sứ Pháp.

2- Xây dựng nhà nghỉ mát ở cửa Tùng để đưa vua Duy Tân ra đó chơi đùa, hóng mát, đừng lưu tâm chi đến việc nước.

3- Đưa ông Eberhard, tiến sĩ sinh học, rể của ông Charles (quan chức quan trọng ở tòa Khâm) qua dạy vua Duy Tân học khoa học. Đó là trên danh nghĩa, chứ thực ra là để theo dõi hành động, tư tưởng của nhà vua.

Nhưng dù thực dân có sắp đặt mưu đồ thế nào đi nữa, lòng yêu nước thương dân của nhà vua vẫn không vì vậy mà phai nhạt. Ngay trọng buổi ăn riêng, lòng yêu nước ấy cũng được thể hiện sâu đậm.

Như chúng ta đã biết, một buổi ăn của nhà vua thường rất phức tạp, tốn kém. Có tất cả 50 món được trưng bày sẵn trong vòm bít kín có dán nhãn đề tên các món ăn bên ngoài. Nếu nhà vua thích món nào thì vệ sĩ dâng nhà vua dùng món ấy. Ngoài các món do các đầu bếp của nhà vua phụ trách, các bà trong Nội cung còn dâng lên những món đặc biệt do các bà tự nấu nướng.

Thường thì nhà vua chỉ nhấm nháp vài món vì ăn hoài cũng chán...

Riêng vua Duy Tân, khi nhìn bữa ăn của mình quá nhiều thức ăn như thế, biết là tốn kém đến công quỹ do nhân dân đóng góp vào, nhà vua không đồng tình và tỏ ý phản đối:

"Trước kia tôi thường dùng bát cơm úp lại với một con cá bống kho mặn. Cứ việc cho tôi ăn như rửa là đủ"

Nghe vậy các bà Thái Hậu (mẹ đích) bà Sanh (mẹ đẻ vua Duy Tân) không bằng lòng. Các bà sợ nhà vua sẽ không đủ sức

cai trị nước nếu ăn theo cách đó, nhưng nhà vua vẫn kháng kháng giữ ý kiến của mình. Cuối cùng thì vợ phải tuân theo lệnh của nhà vua: mỗi buổi nhà vua chỉ ăn một món.

Theo tiền lệ, nhà vua ngự thiện chỉ một mình, các nữ quan, thị vệ phục vụ, dù là Hoàng Quý Phi hay Hoàng Hậu cũng không cùng chung mâm với nhà vua. Riêng vua Duy Tân là vị vua đầu tiên trong lịch sử nước Nam đã phá tục lệ này. Nhà vua đã cùng ăn với vợ là bà Mai Thị Vàng, con của thầy dạy vua Duy Tân Mai Khắc Đôn.

Chuyện vua Duy Tân lấy vợ cũng khác với các vua triều Nguyễn tiền nhiệm. Năm vua Duy Tân sắp lên tuổi mười sáu, nhân một hôm cắt nghĩa hai chữ "nap phi" (có nghĩa là vua lấy vợ) cho vua nghe, thượng thư Huỳnh Côn hỏi:

"Ngài đã muốn lấy vợ chưa?"

Vua Duy Tân trả lời ngay:

"Vận nước mới đáng lo, chuyện nạp phi không gấp. Nếu trị hoạn được bao nhiêu thì càng tốt bấy nhiêu".

Việc từ chối ấy đến tai mẫu hậu Nguyễn Thị Định (mẹ đích Duy Tân). Mẫu hậu rất lo buồn, bà gọi vua Duy Tân đến và năn nỉ nhà vua nạp phi sớm. Vốn là người con hiếu thảo, nhà vua đã nhận lời.

Tin vua Duy Tân đồng ý nạp phi lan ra khắp Kinh thành. Thế là các bà mệnh phụ, vợ của các quan đại thần có con gái từng chơi đùa với vua Duy Tân từ nhỏ, đều tìm cách tiến cung con gái mình. Tương truyền sau đợt tiến cung ấy, các thái giám đã lập được danh sách 25 nàng để dâng vua lựa chọn. Nhưng nhà vua không "chấm" nàng nào cả. Nhà vua đã yêu cô Mai Thị Vàng.

Sau buổi sắp đặt cuộc đi chơi của Tùng với mẫu hậu, để "đại cát tìm vàng", một cách thổ lộ tình yêu mình với cô "Vàng" của vua Duy Tân, nhà vua được mẫu hậu chấp thuận. Thế là

lễ nạp phi cho nhà vua được tổ chức ngay. Mặc dù ý của vua đang muốn chần chờ vài năm nữa. Ngày 12 tháng Chạp năm Ất Mão (16-1-1916) triều đình tổ chức lễ nạp phi cho nhà vua.

Sau khi lấy vợ, nhà vua canh cánh bên lòng nỗi ưu tư mong muốn cho nước nhà độc lập. Hằng ngày, nhà vua vẫn học tập, đọc sách, tập thể dục, đánh đàn và nghe hòa nhạc. Đó là sở thích của nhà vua muốn được tiếp xúc với tư tưởng tiến bộ của Tây phương về tự do, nhân quyền và đấu tranh cách mạng. Trong hàng ngàn quyển sách bằng Pháp văn của nhà vua, nhà vua thích nhất là bộ *Histoire de la Révolution Française* (lịch sử cách mạng Pháp) nên sau khi cách mạng 1916 do Thái Phiên và Trần Cao Vân lãnh đạo khởi nghĩa chống Pháp bị thất bại, vua Duy Tân bị bắt giam vào đồn Mang Cá. Ngày nhà vua sắp bị dẫn lên tàu vào Nam bắt đầu cuộc hành trình đi đày, một viên đại diện Khâm sứ Huế đến thăm đã hỏi:

"Nhà vua có một tủ sách quý giá đến mấy ngàn cuốn bằng Pháp văn. Ngài có muốn lấy một bộ sách nào đem theo đọc cho khuây khỏa không?"

Vua Duy Tân gật đầu nhận lời và dặn thêm: "Sách tôi rất thích. Nhờ ông lấy hộ bộ *Histoire de la Révolution Française* của Michelet, nhưng phải lấy cho được trọn bộ".

Viên đại diện tòa Khâm sứ Pháp sợ quá, không dám báo cáo lại với Pháp.

Với một ông vua nhỏ tuổi dưới ách đô hộ của Pháp mà có khí tiết, kiên cường dũng lực chống Pháp như Duy Tân, chẳng phải người Việt, mà ngay nhiều người Pháp cũng kính phục.

Nhắc đến cựu hoàng Duy Tân, không thể không nhớ đến ngày khởi nghĩa, nhà vua bỏ cung vàng điện ngọc, lầu tía gác son, một mình rời Tử Cấm thành vào đêm mùng 3 rạng ngày 4 tháng 5 năm 1916. Đêm ấy vua Duy Tân đi chân đất, đầu chít một cái khăn đen, mặc áo cụt đỏ sẫm và quần vải trắng bí mật ra khỏi Hoàng thành. Một chiếc thuyền dưới sự điều

khuyến của Trần Cao Văn đợi chờ vua ở bến Thương Bạc. Vua vừa bước xuống, thuyền quay ngay mũi ngược lên sông đào Lợi Nông. Lúc ấy trong một ngôi nhà trên bờ sông, các lãnh tụ cuộc khởi nghĩa đang họp mặt lần cuối trước lúc hành động.

Vua Duy Tân chọn con đường cứu nước là dứt khoát từ bỏ những thú vui của Quân vương trong Tử Cấm thành từ bao đời trước, để mưu cầu cho một lợi ích lớn lao, thiêng liêng hơn mọi lợi ích nào khác - lợi ích của toàn dân tộc.

II. ĐỜI SỐNG VÀ THÂN PHẬN CÁC CUNG PHI, MỸ NỮ TRONG TỬ CẨM THÀNH

Tử Cẩm thành (thành cấm màu tía) là khu vực quan trọng nhất trong Hoàng thành. Vòng tường thành xây bằng gạch cao 3m 50 ngăn cách nơi sinh hoạt của nhà vua, Hoàng gia với bên ngoài. Trong Tử Cẩm thành có gần 50 công trình kiến trúc, lâu đài, cung điện vàng son. Đáng chú ý nhất là điện Càn Chánh, đối diện với Đại Cung môn. - nơi vua làm việc hàng ngày. Cách một tấm bình phong dài là điện Càn Thành - nơi vua ở. Cách một cái sân là cung Khôn Thái - nơi ở của Hoàng Quý Phi, rồi đến lầu Kiến Trung. Hai bên dãy cung điện ấy là các điện Quang Minh, điện Trinh Minh, điện Dưỡng Tâm... Tỉnh quan Đường, Duyệt thị Đường, Thương thiện Đường, Thái Bình lâu (nơi vua đọc sách), vườn Ngự uyển; đối xứng bên kia là Tam cung lục viện, thế giới của cung tần mỹ nữ, thái giám - nơi xảy ra bao chuyện bí ẩn chốn thâm cung.

Về thứ bậc, nhà Nguyễn phân biệt cửu giai cho các vương phi: Nhất giai phi, Nhị giai phi, Tam giai tần, Tứ giai tần, Ngũ giai tiếp dư, Lục giai tiếp dư, Thất giai quý nhân, Bát giai mỹ nhân, Cửu giai tài nhân. Dưới Tài nhân là Tài nhân vị nhập giai, nghĩa là những người đang chờ đợi được tuyển làm Tài nhân, kế dưới là cung nga thế nữ.

Hoàng quý phi là người đứng đầu các bà phi, là vợ chính của vua, được hưởng nhiều quyền lợi hơn cả ⁽¹⁾.

Các quan đại thần mới được đưa con gái tiến cung. Con của người nào phẩm trật cao thì được tuyển vào cấp bậc cao, phẩm trật thấp thì cấp bậc thấp. Bà Từ Dũ, con quan đại thần Phạm Đăng Hưng, mới vào cung đã được làm Tân; năm thứ sáu được tấn phong làm Hoàng quý phi (Nghị Thiên Chương Hoàng hậu).

Các bà phi ở các điện riêng. Bà Hoàng quý phi ở điện Khôn Thái, sau lưng điện Càn Thành. Các bà phi khác ở điện Trinh Minh. Các bà Tân thì ở viện Đoan Huy, các bà Tiếp dư ở viện Thuận Huy, ngoài ra các bà khác thì ở các viện Đoan Trang, Đoan Hòa, Đoan Thuận, Đoan Huy, Đoan Tường. Máy viện này đều ở phía sau điện Trinh Minh.

Việc lo giao thiệp giữa vua và các bà có thái giám và các nữ quan. Các nữ quan làm việc dưới quyền của thái giám gồm có 5 bậc: Quán sự, Thông sự, Thừa sự, Tùy sự, và Tùng sự. Nữ quan có một số nô tỳ phục dịch thuộc về hạ đẳng, gồm có 4 hạng là Lão tỳ, Thị tỳ, Nô nhân và Nê nhân.

Vua có đến hàng trăm cung phi, đối với các cung phi mới được tuyển vào thì sự xung đột vì quyền lợi, tình cảm chưa sâu sắc lắm, nhưng với các bà thì sự ghen tương, đố kỵ xảy ra là chuyện thường tình. Do có nếp sống cấm cung, ít giao thiệp với bên ngoài, các bà dễ đau ốm, lại bức bối nếu bị thua sút các bà khác nên hay sinh sự với nhau. Vua Gia Long không chịu nổi cảnh xung đột ấy mới gọi các cung phi của mình là "đoàn quý cái".

Di nhiên là nhà vua thường thiên vị Hoàng quý phi trong những cuộc xung đột ấy. Đời sống của Hoàng hậu thật cao

(1) Mỗi năm được lãnh 1000 quan, 300 vuông lụa và 60 cây lụa; các bà thấp hơn lãnh 500 quan, 250 vuông lụa; thấp nhất 150 quan, 48 vuông lụa (1 vuông tương đương 20 kg). Đó là sự phân chia dưới triều Đồng Khánh.

sang, mỹ lệ. Michel Đức Chaigneau lúc còn thơ được bề kiến Hoàng hậu, vợ vua Gia Long, đã miêu tả trong *"Souvenir de Huế"* như sau:

... "Phòng của Hoàng hậu cũng rộng gần bằng phòng trước, nhưng rất đẹp nhờ vô số vật trang hoàng cũng như đồ đạc: đầu đầu cũng sáng chói về kiểu sa, lông lầy, không khí mà người ta thở ở đây thoảng ra một mùi thơm hỗn hợp của tinh hương dịu dàng của gỗ bạch đàn, của hoa và của khói thuốc缭绕 với một loại hoa nhỏ mà người ta gọi là "hoa ngâu". Mặc dầu trời đã tối nhưng người ta vẫn còn có thể phân biệt rõ ràng những vật nhỏ nhất ở trong chốn cao sang này, các bức màn mảnh treo ở vài cửa được vén lên. Một cái bệ không cao lắm, nhưng bốn cạnh đều gắn đầy các đồ chạm trổ được thếp vàng trên một nền sơn đỏ, đặt trước một cửa lớn trong ra một vườn cảnh. Đó là đồ đạc duy nhất ở nơi đây được dùng làm ghế hay giường nghỉ của bà chủ. Các bà mà Hoàng hậu cho phép ngồi trước mặt, thì phải ngồi trên chiếu ở một bậc thấp hơn. Mình được phủ toàn một thứ đoạn màu vàng thêu hoa, Hoàng hậu đưa tay một cách nhẹ nhàng lên một chiếc gối vuông, bao bọc bằng một thứ lụa màu vàng, có thêu hoa bằng vàng; xung quanh bà có một số rất đông các bà khác, răng đen nhánh, mặc áo lụa dài màu sắc khác nhau; người này thì chít khăn, người kia thì để tóc trần, tất cả đều đứng thẳng, chân đất, với một thái độ rất cung kính. Toàn thể khung cảnh ấy tọa nên một cảnh tượng có vẻ thần diệu và oai nghiêm.

Hoàng hậu không trẻ nhưng rất có duyên, phong thái của bà rất đáng kính. Vừa thấy tôi vào, bà nở một nụ cười đầy khoan thư."

Về sinh hoạt khác, Michel Đức Chaigneau có nhận xét:

"Vừa dựa mình vào những chiếc gối xếp chồng chất trên chiếu hay trên các tấm thảm họ vừa chuyện trò, chơi bời, ca

hát, hút thuốc và uống trà. Một số rất ít biết đọc và biết may hay thêu.

Họ rất ít viếng thăm nhau. Khi họ đi thì dùng vồng và có một đoàn nữ tỳ hộ tống theo sau, mỗi người mặc hai áo dài màu sắc sặc sỡ khác nhau. Các nữ tỳ đi theo sau vồng, cầm những vật khác nhau của bà chủ như dép, cối trầu, hộp thuốc, lò lửa. Vồng được bốn người đàn ông khiêng, nhưng lọng thì do bốn người đàn bà đặc biệt cao nhất cầm.

Tâm sự về ý nghĩ của các cung phi khác, các nữ quan ra sao cũng được Chaigneau tường thuật khá khách quan và thú vị, sau buổi diện kiến Hoàng hậu:

"Vừa đi ngang qua căn phòng khi này, thì bất hạnh thay, bước đầu tiên của tôi lại gặp ngay bà cố gương mặt nghiêm trang, người đã gây cho tôi sự lầm lỗi vô cùng khó chịu như người ta đã thấy. Trong chốc lát tôi đã ở giữa một số rất đông các bà: những người này thì đi ra từ phòng của Hoàng hậu, sau tôi; số người kia thì hình như là những bà đầu tiên mà tôi đã thấy, trong khi đi vào; họ đã không rời chỗ để đợi tôi trở ra tại đây. Tất cả các bà ấy đều hoạt bát, nhanh nhẹn, vui tươi và tỏ ra rất hiếu kỳ. Lần lượt từng phiên, mỗi người hỏi tôi về những điều khác nhau, mỗi khi tất cả không nói với tôi cùng một lần. Người này muốn biết đàn bà Pháp ra sao, người kia muốn hiểu họ ăn mặc thế nào, bà nọ thì hỏi tôi về cách thức họ tiêu dùng thì giờ, bà khác nữa lại thích biết các loại trò giải trí của họ..."

Đó là nếp sống ban ngày được miêu tả dưới cái nhìn của một cậu bé Pháp. Về ban đêm, cuộc sống ở Tử Cấm thành diễn ra trong một không khí lạ lùng, có lẽ khác xa với các nước phương Tây.

Đây là thời gian hoạt động của vua, thái giám và các cung phi:

Đến ngày Đông chí, tất cả lửa trong Tử Cấm thành đều tắt hết. Chỉ ở điện Càn Thành nhen lên một lò lửa thật lớn. Đứng

nửa đêm, cả Tam cung Lục viện mới mang lồng ấp đến điện Cần Thành để vua ban cho một ít lửa, ngụ ý vua ban hơi ấm cho mọi người.

Nhưng cung phi thì nhiều, vua thì có một, nên "hơi ấm" không đủ. Cường tráng như vua Minh Mạng mỗi đêm chỉ ban hơi ấm tối đa cho 5 nàng, mỗi canh một nàng. Thế là vua suốt đêm không ngủ, lấy sức dẫu mà thiết triều. Vua Tự Đức không đủ khả năng sinh con. Còn các vua khác cũng bình thường. Số cung phi tổng cộng của mỗi triều vua phải trên 100; so với Tam cung Lục viện Trung Quốc chẳng nghĩa lý gì, nhưng cũng đủ gây đau khổ cho một số cung nữ không bao giờ được diện kiến mặt rồng. Giải thoát lưu truyền trong dân gian xứ Huế về chuyện hai cung nữ vì ức chế nên đã dùng cà dè và chuỗi ba lùn tạo cảnh âu yếm, được một viên thái giám theo dõi bắt gặp được, cho ta thấy một khía cạnh đau xót cho thân phận những nàng cung nữ bị bỏ rơi trong hậu cung - may mà ở Tử Cấm thành không có lãnh cung như ở Trung Quốc!

Ngoài những nỗi khổ về cuộc sống, người cung phi trong Tử Cấm thành phải kiêng cử đủ thứ, như không được nói một chữ gì xấu, gõ hoặc thò tục như dúi, què, phong hủi, máu me, chết; phải thay bằng chữ khác. Tất cả những chữ dùng cho sinh hoạt của vua cũng phải khác người thường, như vua đau thì nói Ngài "se", "siết", "vi dạng", vua thức dậy là "tánh"; vua vua đi coi là "ngự đạo"; vua chết là "băng hà"...

Lại còn vô số chữ húy phải kiêng, có trọng húy và khinh húy. Hễ trọng húy mà vi phạm thì sẽ bị tội nặng. Nhất là phải kiêng tên vua, Hoàng hậu và gia đình hoàng tộc. Cung nhân phải học thuộc lòng để tránh tai họa.

Thế nên trong 6 tháng đầu vào Đại Nội, các cung phi chưa dám hở miệng nói ra điều gì vì sợ phạm húy.

Giọng nói cũng phải tập sao cho nhẹ nhàng, cung phi không được nói theo giọng Huế mà phải nói giọng Phường Đức, nghĩa là nửa giọng Huế, nửa giọng Nam Bộ.

Áo quần phải đúng theo nghi thức qui định. Về màu sắc, không được dùng màu đen là màu tang tóc. Màu trắng chỉ được dùng làm áo lót khi mặc áo mớ ba, màu đỏ và màu lục được dùng nhiều nhất. Màu vàng dành cho vua.

Tóc thì rẽ giữa, bịt khăn vành. Móng tay để dài, răng nhuộm đen theo tục lệ cổ.

Cuộc sống cung phi như thế đã là quá gò bó. Nhưng họ vẫn còn gánh chịu một sự cấm kỵ nghiêm ngặt hơn nữa: từ khi vào Tử Cấm thành, kể như cung phi tách hẳn với thế giới bên ngoài bức tường thành lạnh lùng kia. Cung phi không được phép về nhà thăm cha mẹ, bà con thân thuộc, ngoại trừ khi đau ốm thập tử nhất sinh. Trường hợp quá nhớ con thì chỉ bà mẹ lâu lâu mới được phép vào thăm, còn ông cha thì chỉ đứng ngoài sân mà nói chuyện với con đứng sau rèm. Con, cha cách biệt như vậy nên dân gian vùng Huế có câu "đưa con vô Nội" là ám chỉ sự cách biệt trong tình cảm gia đình, kể từ khi con trở thành vợ vua.

Trong đời các vua triều Nguyễn, cung phi được hai lần "thoát cũi sổ lồng". Lần thứ nhất dưới triều Minh Mạng. Sách *"Minh Mạng chính yếu"* chép: "Năm Minh Mạng thứ sáu, mùa xuân, tháng giêng trong kinh kỳ ít mưa, nhà vua thấy hạn làm lo, chỉ dụ cho quan Thượng bảo khanh là ông Hoàng Quỳnh rằng: "Hai năm trở lại đây hạn hán liên tiếp. Trẫm nghĩ không biết từ đâu mà đến thế, nhưng chưa tìm ra nguyên nhân; hoặc là trong thâm cung, cung nữ nhiều nên âm khí uất tắc mà nên vậy ư? Nay bớt đi, cho ra một trăm người, ngõ hầu có thể giải trừ thiên tai vậy".

Lần thứ hai là năm 1885, khi kinh đô thất thủ. Bấy giờ, tất cả cung phi mỹ nữ đều chạy thoát ra khỏi Hoàng thành, nhiều cung phi nhân dịp này đã về lại nhà bố mẹ, hoàn trở lại nếp sống thường dân. Một số vương phi quay lại Hoàng cung sau khi đi lánh nạn.

Các cung phi ở Đại nội nếu có ra ngoại thành thì cũng để du ngoạn cùng vua. Vào mùa hè, nóng nực quá, vua muốn tắm sông cùng các nàng cung tần mỹ nữ thì truyền lệnh cho quan quân che kín một vùng sông ở trước Lương tạ bên Phu Văn Lâu. Trước đó lính đã lo dọn dẹp phần sông ấy cho thật sạch, rải cát trắng một vùng, nước trong như pha lê, ngăn không cho rác rêu trôi vào khu vực tắm. Vua và cung phi sẽ theo hướng của Ngăn (Thế Nhơn) ra sông Hương (sở dĩ có tên của Ngăn là do quân lính phải ngăn đường không cho thường dân qua lại quãng ấy khi vua và cung phi ra sông).

Trong thời gian mới được thu nhận vào Tử Cấm thành, các cung phi tập trung ở Đoan Trang viện để học tất cả mọi phép tắc, luật lệ, nghệ thuật xử thế như đi, đứng, phục vụ vua, cách ăn nói v.v... được qui định một cách chặt chẽ. Vào Tử Cấm thành quả thật là vào một thế giới mới hoàn toàn xa lạ với thế giới bên ngoài.

Các cung phi cũng có thể giải trí, hóng mát hoặc ngồi câu cá ở Trường Du tạ. Một số cung phi có trình độ, học thức, sáng tác thơ, đọc truyện Tàu, phổ biến là "Tuyệt Hồng lệ sử" của Từ Trầm á. Đây là những quyển sách chép tay, nhờ người chép lại.

Trong những dịp đại lễ, các ngày sinh nhật vua, sinh nhật Hoàng thái hậu v.v... có đoàn tuồng Thanh Bình được triệu vào trình diễn tuồng; đoàn Ba Vũ cũng múa hát các vũ điệu "Lục cúng", "Tứ Linh", "Nữ tướng xuất quân"... Các cung phi cũng được theo vua xem tuồng, nhưng chỗ ngồi của vua và các vương phi được che bằng một bức sáo mảnh; qua bức sáo này, ở trong nhìn ra thấy rõ nhưng người ngoài nhìn vào sẽ không thấy được sắc diện, y phục người ngồi bên trong.

Cũng nên lưu ý thêm là có khi chỉ có vua cùng Hoàng quý phi và một số nhân vật trong hoàng gia được chọn lọc để xem tuồng ở Viện Tĩnh Quang. Thông thường, nếu có đông đảo

quan khách thì tưởng sẽ được diễn ở Duyệt thị Đường, nhà hát khá rộng ở trong Hoàng thành. Đây là quang cảnh xem hát ở Duyệt thị Đường dưới triều Gia Long qua sự nhận xét của Michel Đức Chaigneau:

"Khi chúng tôi đến nơi thì phòng của nhà vua vẫn còn trống. Cha tôi đến ngồi trên một cái bệ thuộc cấp bậc ông, và vì trường hợp đặc biệt cha tôi đã vi phạm triều nghi bằng cách cho phép tôi ngồi bên cạnh người. Trong chốc lát, người ta nghe một âm thanh nặng nề và hỗn tạp của những tà áo phất qua, của giọng đàn bà, của các tiếng kêu rảng rác phát xuất từ những bước chân người dẫm trên bệ, ở đằng sau các bức sáo mảnh: Nhà vua và các vương phi vừa đến. Một ít ánh sáng chiếu xuống vũ đài. Bóng tối hầu như hoàn toàn phủ kín gian phòng nhà vua, để tránh những tia nhìn tự do xuyên qua bên kia các bức sáo mảnh. Tuy nhiên, người ta vẫn có thể phân biệt cử động bất đoạn và không ngừng của chừng hai mươi đến ba mươi chiếc quạt trắng, tương tự một bầy bướm bướm đông đúc đang sa xuống trên các khóm hoa".

Đối với các vương phi lớn tuổi, không còn ham thích các trò giải trí, chán cảnh phồn hoa có thể nghe tiếng gõ mõ tụng kinh của một ngôi chùa thiết lập trong cung Diên Thọ; do một số ni cô tụng niệm.

Trong trường hợp vua mất, các bà phải lên chăm lo hương khói trên lăng vua, ở tại lăng; như khi vua Tự Đức thăng hà, có đến 103 bà lên Khiêm lăng. Sau ngày vua Khải Định qua đời các bà từ Tân trở xuống đều phải lên Ứng lăng, sau hai năm lại được về ở cung Diên Thọ phục dịch Hoàng Thái Hậu.

Sau khi các bà vương phi mất, họ sẽ được thờ riêng hoặc thờ chung tại một số đền thờ ngoài Hoàng Thành như bà Hiền Phi Ngô Thị Chính được thờ tại đền Hiền phi, xã Phú Xuân. Các bà khác từ bậc Tân, Tiếp dư trở xuống Mỹ nhân, Tài nhân được thờ tại các đền Ý Thực ở vườn Thọ Xuân, phía Tây Kinh

thành và Lệ Thục ở vườn Thanh Phương nằm ở bờ phía tây sông Hộ Thành.

Bi kịch cuối cùng của đời sống cung phi trong Tử Cấm thành là khi sống họ chỉ biết phục vụ một người đàn ông duy nhất là vua, ngoài ra không được đụng chạm bất kỳ một người đàn ông nào khác; cho đến cả khi bị bệnh nặng, lương y đến thăm mạch để bốc thuốc cũng không được tiếp xúc với làn da của người bệnh. Một thái giám và một bà quân sự đứng hai bên lương y để theo dõi cách thăm mạch bằng hai ngón tay ấn vào cườm tay người bệnh có vấn một mảnh lụa mỏng để tránh đụng vào làn da; ngoài ra lương y không được nhìn, hỏi bệnh nhân. Thế nên khó biết đích xác bệnh trạng mà bốc thuốc, làm sao các bà lại không mất sớm được!

III - CUỘC SỐNG CỦA CÁC THÁI GIÁM TRIỀU NGUYỄN

Các thái giám là những hoạn quan được tuyển vào cung để hầu hạ và phục vụ nhà vua trong những việc liên hệ với các cung phi. Họ thường sinh hoạt trong Đại Nội, nhất là trong Tử Cấm Thành; một số được cử lên các lăng tẩm để hầu hạ các vương phi góa bụa.

Y phục thái giám được ấn định riêng, cái áo dài bằng lụa màu xanh dẹt một bông hoa ở mảng trước ngực; mũ đội cũng khác các quan để dễ phân biệt.

Do cơ thể không bình thường nên dáng điệu, tính tình, phong cách, và giọng nói của họ cũng khác với người thường. Michel Đức Chaigneau có nhận xét về một thái giám của vua Gia Long:

"Vào lúc ấy, một nhân vật mà vóc dáng như một bộ xương khô được mặc áo đi không một tiếng động, đầu thì cúi xuống bước vào; người ấy vừa giống một người đàn bà, vừa ăn mặc theo lối đàn ông; nhưng không phải là đàn bà cũng không phải là đàn ông: đó là viên trưởng thái giám mà nhà vua truyền đến để giới thiệu tôi với Hoàng hậu. Người đàn ông đáng thương ấy tượng trưng cho một trong những mẫu người xấu xí nhất mà tôi đã được thấy: gương mặt nhỏ nhán và hốc hác vì màu da và những nếp nhăn giống như một quả táo bị bỏ quên trong vựa lúa từ nhiều tháng; đôi mắt sâu hoắm và không

nhai nhai; mỗi tẹt, cầm nhọn với một vết đen tô điểm thêm cho vài sợi râu lún phún; cái miệng lõm sâu vào chứng tỏ rằng kẻ khốn nạn không còn những cái xương nhỏ cần thiết cho việc nhai đồ ăn nữa. Về giọng nói thì hoàn toàn đàn bà và có vẻ léo nhéo. Ông ta mặc một áo lễ sinh ngắn màu xanh và một cái quần lụa trắng, đầu thì chít khăn làm cho gương mặt của ông ta càng nhỏ hơn nữa. Có lẽ người đàn ông ấy đã không ý thức được địa vị đáng thương của mình; vì trong khi rời khỏi phòng, ông ta vừa bước một cách ống eo vừa tỏ ra dáng điệu của một người quyền quý. Người dẫn đường ấy rất lễ phép với tôi, ông ta luôn luôn liệu chừng thế nào cho tôi đi trước ông ít nhất là một bước. Mỗi lần tôi nói với ông, ông ta mới trả lời tôi kèm theo vài cử động mềm mại và với những từ ngữ hoàn toàn thích nghi. Chúng tôi cùng đi một lần, sau khi đã vượt qua một hành lang dài không gặp một người nào cả, chúng tôi đến một phòng rộng tạo nên một hành lang khác ăn thông với hành lang mà chúng tôi vừa để lại đằng sau. Vài viên thái giám đang ngồi xổm trên một cái bệ vọi đứng dậy ngay khi chúng tôi đến gần. Một trong những người đó đến mở cửa, người dẫn đường bèn nhìn tôi như bảo tôi hãy bước qua ngưỡng cửa. Tôi làm theo và cánh cửa tức khắc đóng lại ngay".

Công việc của thái giám là phục dịch ở Đại Nội. Cùng với các nữ quan, thái giám liên hệ việc sinh hoạt thường nhật của nhà vua với các cung phi. Do vậy, nhiều thái giám được các nàng cung phi mua chuộc để được gần gũi với vua.

Số thái giám trong Tử Cấm thành đời Tự Đức khoảng 60 người. Một số thái giám được cất lên phục vụ hương khói và điều hành công việc ở các lăng, mỗi lăng có 3 thái giám. Về cấp bậc, có 5 đẳng từ cao xuống thấp là: Thủ đẳng, Thứ đẳng, Trung đẳng, Ai đẳng và Hạ đẳng.

Các nữ quan làm việc dưới quyền của thái giám.

Như vậy, thái giám cũng có nhiều quyền hành. Đôi khi họ lợi dụng địa vị trong Hoàng cung để gây ra những chuyện không hay. Để ngăn cấm sự lộng quyền này, vua Minh Mạng đã ban một bài dụ nhằm nghiêm cấm tất cả các thái giám không được tham dự việc triều chính và những việc bên ngoài phạm vi của Tử Cấm thành. Sở dĩ có bài dụ ấy là do thời Gia Long, thái giám Lê Văn Duyệt đã có nhiều hành động chứng tỏ sự lộng hành của mình trong triều đình. Dân gian cũng biết vậy nên thường đặt ra những giai thoại châm biếm các quan thái giám. Giai thoại về Lê Văn Duyệt xem tưởng sau đây là một giai thoại tiêu biểu:

"Một hôm diễn tuồng có mặt Tả quân Lê Văn Duyệt, trên sân khấu có hai tên hề bông lơn với nhau. Tên nọ hỏi tên kia:

- Đố mi biết vật gì vừa dục lại vừa cái?

Nghĩ là hai tên hề này nói lỡm mình là một người yếm hoạn, Tả quân bèn cho lính cầm gươm lên sân khấu nạt rằng:

- Nếu không giải được hữu lý thì sẽ nhận lấy nhát gươm này.

Nghe vậy, cả rạp hát nín thở, im phăng phắc. Ai cũng sợ cho tính mạng của tên hề bạo mồm kia.

Tên hề ra câu đố, trước uy lực của Tả quân, vẫn bình tĩnh bông lơn với bạn đồng nghiệp:

- Ta đố dễ như rửa mà mi không trả lời được. Nó là "con *thằng lằng*", vừa là con, vừa là thằng, rửa không phải hán vừa dục vừa cái là chi nữa.

Tả quân nghe vậy, phải cười mà tha. Vì giọng Huế không phát âm "thần lằng" chuẩn như giọng Bắc mà phát âm thành "thằng lằng". Giá như tên hề này là người Bắc, chắc sẽ bị mất đầu rồi.

Thái giám cũng có vợ chồng. Đây không phải là trường hợp "đồng tính luyến ái" mà "đồng cảnh luyến ái". Cả hai người

đều á nam á nữ, nhưng tình cảm vẫn bình thường như mọi người. Họ cũng yêu thương, giận hờn, đau khổ nhất là cũng có ý thức về nỗi cô đơn của mình trong khi sống cũng như khi chết. Theo quan niệm của người xưa, người đàn ông cần phải có con nối dõi tông đường để phụng thờ hương khói khi nhắm mắt xuôi tay. Họ không hưởng được niềm hạnh phúc ấy nên tìm đến nhau cho quên hận sầu, để chuyện trò tâm sự, an ủi nhau những lúc đau yếu. Có đôi "uyên ương" lại nhận con nuôi nhỏ để sau này phụng thờ họ khi qua đời, vì biết chắc mình không thể bao giờ có con. Thế mà dân gian vùng Huế vẫn "không tha", vẫn truyền miệng một giai thoại về chuyện thái giám lấy vợ như sau:

Nhân ngày hợp hôn của hai thái giám, có một vị Hoàng thân tới thăm và tặng một tấm biển ghi câu: "*Vì sương tu dịch*" (dịch nghĩa: làm sương cho sáo) đồng thời hỏi ai đối được.

Câu đối ra thật học hiem, vì phải dịch từ Hán sang Việt, rồi lại từ câu Việt nói lái lại sao cho có ý nghĩa. Thế mà với tài ứng biến lanh lẹ, cộng với tài năng văn chương, một ông Hoàng đã đối lại được, sau vài phút suy nghĩ: "*Đĩ phát tu phùng*" (dịch nghĩa: "Lấy tóc mà may").

Các thái giám lúc làm việc thì ở trong Tử Cấm thành, nhưng khi đau yếu phải cư trú ở cung Giám viện là một tòa nhà ở phía bắc Hoàng Thành. Họ phải ở đó để chữa bệnh, bao giờ mạnh khỏe mới trở vào Đại Nội tiếp tục công việc; còn nếu đau quá nặng, phải nằm ở đó chờ chết, không được vào Đại Nội hoặc vào các lăng tẩm là nơi chỉ dành riêng cho sinh hoạt Hoàng gia, lúc sống cũng như lúc chết.

Ý thức được thân phận của mình, các thái giám đã chung tiền xây dựng lại chùa Từ Hiếu để làm nơi phụng thờ sau khi họ qua đời. Ngày nay ở đó vẫn còn di tích gần 20 ngôi mộ của các thái giám triều Nguyễn.

IV - SINH HOẠT CỦA CÔNG CHÚA VÀ HOÀNG TỬ

Trong khu vực Hoàng thành, ngoài Tử Cấm thành, có một khu vực dành riêng cho các Hoàng tử và Công chúa khi chưa xuất phủ; đó là khu vực ở góc trái của Đại Nội, gồm vườn Cơ Hạ và điện Khâm Văn, sát Phủ Nội vụ; nơi có các kho tàng trữ đồ quý, các xưởng thủ công mỹ nghệ chế tạo vàng bạc, ngọc ngà, gốm vóc cho Triều đình và Hoàng gia sử dụng.

Đến 18 tuổi, các Hoàng tử mới được xuất phủ, tức là được nhà vua cấp cho tiền bạc để cho ra ở ngoài Đại Nội, xây dựng phủ riêng.

Trong thời gian được ở trong Hoàng thành, các Hoàng tử được vua cử thầy dạy học văn, võ. Thời Minh Mạng, các thầy dạy Hoàng tử là các Đại thần Trương Đăng Quế, Doãn Văn Xuân và Ngô Hữu Vỹ, gọi là chức trực học. Thời Thiệu Trị, Tương an Quận công Miên Bửu là thầy học của Hồng Bảo và Hồng Nhậm (vua Tự Đức sau này). Vua Duy Tân lúc còn nhỏ được thầy là Mai Khắc Đôn dạy bảo.

Trong những giờ phút rảnh rỗi, các Hoàng tử cũng thường xuống họa, bày trò giải trí, vui chơi. Cũng vì muốn diễn tuồng, Hoàng tử Miên Thẩm đã bị phạt bổng 2 năm, không được dự triều hạ, do tiếng trống tuồng đã phá sự yên tĩnh của Minh Mạng khi vua đang đọc sách ban đêm.

Các Hoàng tử Miên Thẩm, Miên Bửu, Miên Trinh ngay từ nhỏ đã tỏ ra có năng khiếu văn chương. Năm 1830, vua Minh Mạng đi duyệt binh ở Thuận An, sắc cho các Hoàng tử đi châu.

Ba anh em Miên Thẩm, Miên Bửu, Miên Trinh đi theo hộ giá trên một chiếc thuyền bông lấy tên là Hòa lạc. Lúc ấy các Hoàng tử mới từ 10 tuổi đến 11 tuổi.

Thuyền Hòa Lạc vừa đi qua khỏi làng Phú Hội bỗng gặp cơn giông, sóng to, gió lớn, nổi dậy, suýt đánh chìm thuyền. May nhờ có thuyền ở Thuận An lên đón kịp, dẫn chiếc Hòa Lạc về Trấn Hải đài. Lúc trở về ba anh em qua cơn kinh hoàng, lấy lại bình tĩnh mới liên ngâm một bài thơ nhan đề là "Hòa Lạc ca".

Theo thể liên ngâm này, cứ lần lượt một người ngâm hai câu, liên tục cho đến hết bài:

Miên Thẩm ngâm:

*Trời nam vừa thuở thái bình
Non hùm bạt dấu, biển kình biệt tam.*

Miên Trinh:

*Ngày hôm rằm, tiết hè đang thanh
Vàng chiếu rờng, tuần hạnh Thuận An.*

Miên Bửu:

*Pháo đài bầy tiếng sấm vang
Thuyền chèo tách nước, cờ phan cuốn trời.*

Miên Thẩm:

*Dây giữa trời, trạo ca một khúc
Trấn Hải thành, bóng chóc đã lên.*

Miên Trinh:

*Theo hầu sánh hiệp bạn tiên
Đáy thuyền Hòa Lạc chỉ miền thương ba.*

Miễn Bưu:

Nửa bình trà, một vò quyển sách
Người liên chi là khách tri âm.

Miễn Thắm:

Khói từng ngòi thỏ âm thầm
Mĩa mai Lý Quýnh, xướng âm Mạnh Hàn.

Miễn Trinh:

Một bàng hoàng tới vữa bãi cát
Dùng đỉnh chờ gió mát trăng lên.

Miễn Bưu:

Anh em quanh quất đôi bên
Chung thi năm Dậu, liên mền ba Khương.

Miễn Thắm:

Nặng tình thương, nhớ dề Hòa cảnh
Trăm năm thề, chẳng dám chút sai.

Miễn Trinh:

Làn hồi chèo thẳng sông dài
Biết bao cảnh vật trong ngoài hơn vui.

Miễn Bưu:

Sông Phố Lợi, một hồi vừa tới
Đoài bao la, vợ vợi doi le.

Miễn Thắm:

Máy trời khôn dễ trước dề
Chớp ngày lửa cháy, mây hè mực un.

Miễn Trinh:

*Gió ùn ùn cát bay đá chạy
Sau hiệp mờ, tiếng lại vo vo.*

Miễn Bửu:

*Gió càng to, sóng càng to,
Mấy neo cũng đứt, mấy dò cũng xiêu.*

Miễn Thắm:

*Lúc hiểm nghèo cây lòng trung tín
Nổi dật dò, dàu đến, dàu lui.*

Miễn Trinh:

*Bóng dàu cơ hội trời xui
Mô hình thuyền dật, tắt mồi sóng, qua.*

Miễn Bửu:

*Đá là ba chiếc ra cột dật
Xem thế chừng chưa chóc vào dàu.*

Miễn Thắm:

*Dặm xa nhường thế ai tàu
Thêm năm thuyền nữa lại sau mồi rồi.*

Miễn Trinh:

*Mới cùng nhau mừng vui hôn hở,
On chín trùng dật chờ trời che.*

Miễn Bửu:

*Kêu đòi dỏ chén dỏ ve,
Gió huân trước mặt mây hề vàng un.*

Miễn Thẩm:

*Chua mấy hồi kéo đồn vào bến
Sấm súa liền đi đến hành cung.*

Miễn Trinh:

*Theo ban châu trước bệ rồng
Phí tình mừng rỡ, bỏ lòng sợ e.*

Miễn Bửu:

*Rồi lúc về kiếm nơi đình nghỉ
Bày tiệc quỳnh phi chí thành thoi.*

Miễn Thẩm:

*Ra nhơn chùa tịnh oai trời
Lật êm sóng gió cảnh đời giang sơn.*

Miễn Trinh:

*Chép dạ ghi, đợi ơn mưa móc
Hổ người đem gan óc đền ân.*

Miễn Bửu:

*Biết bao nhiêu động mà cân
Mệnh mông biển thúy, chần ngàn núi cao.*

Miễn Thẩm:

*Mấy thuyền dật cũng đều dật thương
Kháp người người sung sướng âm no.*

Miễn Trinh:

*Tranh nhau mực ép, cá khô
Bao nhiêu tiền, bấy nhiêu đồ mua ăn.*

Miên Bửu:

*Những xí xăng chợ này quán nọ,
Chặt như ném đoàn lũ kéo nhau.*

Miên Thắm:

*Chòn chòm, xóm xóm ca âu
Ruợu trà đắt giá, cau trầu thâm duyên.*

Miên Trinh:

*Hòa Lạc ca một thiên liên cú
Giúp tiếng chèo xuôi giá về Kinh.*

Vào những ngày Tết, ngoài những nghi lễ thông thường, các Hoàng tử, Công chúa cũng ưa vui chơi; bài vự là môn chơi được ưa thích nhất.

Bộ bài vự gồm một con vự để xoay, hình bát giác, bằng lông tay, 8 mặt đều nhau, vẽ hình 8 con vật: heo đen, voi trắng, trâu xanh, ech vàng, ngựa đỏ, rùa (nửa vàng nửa xanh), tôm (nửa vàng nửa xanh có vệt trắng), cá (nửa xanh nửa trắng). Một tấm giấy có hình chữ nhật bề dài khoảng 0m6, bề rộng 0m4, chia ra 3 hàng, mỗi hàng 3 ô, trong mỗi ô có in hình các con vật màu sắc rực rỡ theo phong cách tranh vẽ dân gian. Đó là hình các con vật trên cái vự được phóng đại, theo đúng màu sắc. Ngoài ra còn một cái chén gỗ để úp vự và một cái đĩa gỗ để xoay vự.

Người cái xoay vự, úp chén lại. Các người con đặt tiền vào con vật mình chọn. Xong xuôi, người cái mở chén ra. Ai đặt trúng thì được chung tiền một thành sáu.

Trò chơi này rất hấp dẫn, từ em bé đến người lớn. Các Hoàng tử và Công chúa say mê đã đánh mà các Hoàng thân quốc thích cũng say. Cụ Trung Quán thuộc Hoàng tộc triều Khải Định là một người rất ham chơi bài vự nên dân gian đã

gọi là cụ Trung vụ. Hiện nay gia đình "mẹ" Ứng Tương ở phủ An Thành cũng còn giữ truyền thống khác con vụ và in bộ bài vự để bán cho dân Huế chơi trong dịp Tết.

Đây là trò chơi có gốc Huế, qua bao năm phát triển vẫn giữ nguyên cách chơi. Vùng tập trung đông đảo nhiều người chơi bài vự nhất là các xóm phường trong Thành Nội.

Tương truyền lối chơi này phát sinh ở Đại Nội, do các thợ thủ công khéo léo ở Phủ Nội vụ trong Hoàng cung tạc hình vự và in bản bài vự cho các Hoàng tử, Công chúa cùng các cung tần thế nữ vui chơi trong những ngày xuân vào khoảng thời Thiệu Trị. Sau đó các thái giám thấy trò chơi hấp dẫn mới đưa ra ngoài dân gian.

Hoàng tử, Công chúa đến tuổi lập gia đình đều được chú trọng để kết hôn với người xứng đáng. Công chúa lấy chồng gọi là hạ giá, con rể vua gọi là phò mã (chức quan cưỡi ngựa hầu bên xe vua được phong Phò mã Đô úy, hàm Chánh tam phẩm). Khi Công chúa đã 16 tuổi, vua sai bộ Lại, bộ Binh lập danh sách những con cháu và thất các công thần hàng nhất, nhị phẩm từ 16 tuổi trở lên, không tàn tật, thông minh, xinh đẹp. Lại cử một hoàng thân làm chủ hôn, một đại thần làm chiếu liệu dựng ra lo liệu công việc lễ cưới. Các vị này căn cứ trên phiên tấu kê danh sách của bộ lại, bộ binh, chọn lấy 5 người hợp tuổi, vừa đôi với công chúa. Theo tục lệ "gái hơn hai, trai hơn một" mới tốt.

Công chúa trước ngày cưới không được biết mặt chồng nhưng cũng sai thế nữ dò hỏi về tính hạnh cùng về người phò mã; hôm đầu tiên phò mã vào hầu vua, công chúa nấp sau màn nhìn trộm.

LỄ CƯỚI CÔNG CHÚA:

Lễ cưới công chúa gồm 6 lễ, cử 2 lễ cử hành một ngày, tất cả là 3 ngày cách quãng nhau.

Ngày thứ nhất:

1- Lễ nạp thái: Gia đình phò mã đưa lễ vật vào cung. Lễ vật có một con trâu, 1 con lợn, 2 mâm trầu cau, 2 vò rượu, 2 cây gấm, 10 tấm lụa, 4 thỏi vàng, 1 đôi bông vàng, 1 cái trâm vàng, 2 chuỗi ngọc và 16 thỏi bạc ⁽¹⁾. Vị chủ hôn bày gấm, lụa, trầu cau lên bàn thờ; còn vàng bạc nữ trang chuyển giao cho Công chúa.

2- Lễ vấn danh: Lễ vật có 2 con trâu, 2 con lợn, 2 vò rượu.

Ngày thứ hai:

3- Lễ Nạp trưng: Lễ vật có 2 con trâu, 2 con bò, 2 con lợn, một mâm trầu cau, 2 vò rượu, 2 tấm lụa hoa, 20 tấm lụa trơn, 6 thỏi vàng, 20 thỏi bạc (2).

4- Lễ Nạp cát: Lễ vật có 2 con bò, 2 con trâu, 2 con lợn, 2 vò rượu.

Sau các lễ trên, vua sai đại thần đem lễ vật đi cáo các lăng miếu. Trước hôm làm lễ Thân nghinh 3 ngày, các bà mệnh phụ cùng nữ quan dẫn Công chúa vào lạy các miếu, đoạn vào cung lạy Hoàng hậu và Hoàng Thái hậu. Trước 2 ngày, vua sai quan Khâm mạng tới thăm phủ đệ phò mã, rồi cho đem tới giường thất bảo, màn bát tiên và văn phòng Tử bửu đến bày.

Ngày thứ ba:

5- Lễ Điện nhận: Lễ vật gồm một hộp chỉ ngũ sắc, 100 đồng tiền, 2 con ngỗng nhốt trong 2 cái lồng điều có dây đỏ buộc liền nhau (thay 2 con chim nhận: ngỗng và nhận tượng trưng cho sự chung thủy; hộp chỉ ngũ sắc và 100 đồng tiền tượng trưng cho sự giàu sang thịnh vượng, con đàn cháu đống).

6- Lễ Thân nghinh: Hai ông bà chiếu liêu đến phủ đệ phò mã, tự tay sắp đặt giường nằm và giải chiếu cho đôi vợ chồng

(1, 2) Du năm Gia Long thứ 7 (1808)

mới; vị chủ hôn lựa 12 ông hoàng thân, 2 phò mã, 2 viên quan văn, 2 viên quan võ cùng phu nhân những người kẻ trên tề chỉnh vòng lòng đợi giờ dẫn đầu. Binh bộ phái 300 lính nhưng phục cầm cờ quạt nghi trượng ứng trực trước cửa cung.

Phò mã mặc lễ phục vào lạy vua xin đón Công chúa. Vua ban mấy lời giáo huấn. Phò mã ngồi đợi tại một gian phòng, bốn bên màn che sáo phủ.

Công chúa đội mũ ngũ phượng, mặc áo bào bằng đoạn bát ty màu đỏ, thêu hoa tròn và chim phượng; xiêm bằng đoạn bát ty màu bạch tuyết thêu chim phượng; đi hài màu đỏ thêu phượng theo nữ quan dẫn đến hầu vua cha và mẫu hậu để nghe những lời giáo huấn.

Kiện hoa dừng ở trước cửa Tả đoạn chung quanh che rèm. Khi Công chúa bước ra, phò mã đã chực sẵn bên kiệu, tự tay vén màn mời Công chúa lên. Ra khỏi hoàng thành, phò mã mới được phép lên kiệu.

Phò mã cưỡi ngựa che 2 lòng, lính hầu bê tráp đi trước dẫn đường rồi đến 300 binh sĩ cầm cờ quạt nghi trượng và phường nhạc. Theo bên kiệu Công chúa có 6 nữ quan và các thế nữ mặc áo mã tiên; 2 người cầm lồng đèn thấp nển, 2 người cầm cành thiên tuế, 2 người ôm lồng ngỗng, 4 người bưng tráp trâu và hộp hương. Mười hai vị hoàng thân, 2 phò mã, 4 viên quan văn võ cùng các phu nhân đi vòng lòng dẫn đầu.

Về đến phủ đám cưới rước vào thềm cửa chính. Phò mã đến bên kiệu vén rèm đỡ Công chúa xuống, dẫn vào phòng. Đoàn đưa Công chúa được mời vào phòng khách ngồi theo thứ tự. Nhà trai bày cỗ bàn khoản đãi.

Phò mã cùng Công chúa vào lễ ở bàn thờ lễ Tư hồng, rồi dự lễ Hợp cẩn. Hai người ăn chung mâm cỗ lễ Tư hồng và uống rượu trong 2 cái chén làm bằng 2 nửa của cùng một quả bầu.

Hôm sau, Công chúa theo chồng đến ra mắt cha mẹ chồng. Công chúa đứng ở phía Tây lạy 4 lạy. Cha mẹ đứng ở phía Đông, đáp lễ lại 2 vái. Ngày thứ ba, hai vợ chồng đến từ đường lễ tổ tiên. Mỗi người lạy 4 lạy 2 vái.

Ngày thứ chín, hai vợ chồng vào châu vua. Phò mã được vua ban cho một bộ triều phục tam phẩm, 2 áo gấm, 2 bộ yên ngựa. Phò mã lạy tạ 5 lạy. Sau đó, 2 vợ chồng vào cung lạy chào Hoàng hậu và Hoàng Thái hậu.

Hồi môn của Công chúa được cấp lớn nhỏ tùy theo đời vua. Phò mã Đô úy là chức của chồng Công chúa; chỉ ngồi không ăn lương, dự yến tiệc trong ngày lễ, hoặc theo vua đi hầu các nơi.

Lễ cưới Công chúa thay đổi theo từng đời vua. Sau đời Tự Đức, hôn lễ đều cử hành tại Tôn nhơn phủ, là nhà thờ của họ Nguyễn Phước. Các lễ vật của Phò mã càng ngày càng giảm bớt và sự lựa chọn cũng dễ dãi hơn.

*
* *

Hoàng tử lấy vợ gọi là nạp phi. Thường khi Hoàng tử đã xuất phủ, nhà vua mới nghĩ đến chuyện kiếm đôi bạn cho con.

Qua chuyện trò thân mật với các quan sau những giờ hội họp, nhà vua mới đề cập đến việc riêng tư, hỏi xem các quan có ai muốn gả con gái cho Hoàng tử.

ĐÁM CƯỚI HOÀNG TỬ:

Sau khi có một ông quan nhận gả con gái cho Hoàng tử, hôn lễ được cử hành theo ngày của Khâm Thiên giám định.

Trước ngày nạp lễ một hôm, có một buổi lễ thiết triều ở điện Cần Chánh để nhà vua truyền cho biết ngày giờ hôn lễ được cử hành, cùng cử các quan phụ trách việc hôn lễ.

Hai quan Chánh, Phó sử cầm mao tiết và bưng tráp thiếp đến ngôi nhà gọi là Văn Võ Công thụ. Ở đây lễ vật đã được sắp đặt sẵn trên các án sơn son thếp vàng gồm: 2 thỏi vàng, 4 thỏi bạc, 2 cây gấm, 6 cây lụa, 20 cây vải tốt, một đôi xuyên, một đôi hoa tai, một bộ trâm vàng, 2 chuỗi hạt châu, một con trâu, một con bò, một con heo. Các con vật này đều được sơn đỏ, ngay cả cái cũi và sợi dây cột.

Đoàn người lên đường đến nhà gái gồm có 2 quan Chánh Phó sử, vài vị đại thần cùng phu nhân và đoàn quân gánh phẩm vật.

Đến nơi, các lễ vật như mao tiết, tráp thiếp đều để lên bàn; trâu, bò, cũi để ngoài sân. Quan Chánh sử đứng bên tả hương án, quan Phó sử đứng bên hữu. Thân phụ và thân mẫu của cô dâu đứng trước án sau đó theo lời xướng của viên quan bộ lễ, họ đồng lay ô lay và cung kính nhận lễ vật.

Sau lễ Nạp thái là các nghi lễ khác theo quy định. Ngoài ra có một lễ cuối cùng quan trọng là lễ Phát sách trước khi cô dâu từ giả gia đình mẹ để về nhà chồng.

Nhà vua ban cho một quyển sách bằng vàng nội dung nói về cuộc hôn phối của Hoàng tử và bà phi, đồng thời ghi lý lịch của 2 người, sắm cho bà phi mũ, áo, giày và chiếc kiệu.

Quan Chánh sử cầm mao tiết, quan Phó sử bưng tráp đựng kim sách, các người khác mang lễ vật.

Ở nhà cô dâu đã bày sẵn hương án để đặt kim sách. Sau nghi lễ đặt kim sách, đến nghi lễ đọc kim sách. Đọc xong, nữ quan giao kim sách cho cô dâu. Cô nhận lấy một cách cung kính bằng cách đưa ngang trán và giao lại cho một nữ quan khác đặt lên hương án. Nữ quan mời vợ Hoàng tử ngồi vào ghế. Các bà mạng phụ, thị nữ sắp hàng lay mừng bà 4 lay.

Lễ xong, một bữa tiệc được nhà gái bày ra để khoản đãi những người tham dự, sau đó đưa cô dâu về phủ của ông Hoàng.

Hôm sau, thân phụ và thân mẫu của bà phi vào cung để làm lễ tạ ơn vua và Hoàng hậu.

Thế là sau những nghi lễ phiền toái, dưới sự quyết định của cha mẹ, Tân lang và Tân giai nhân sống với nhau ở phủ mới ngoài Hoàng thành. Hạnh phúc hay không thật khó mà đoán trước, vì họ được đẩy đến với nhau hơn là tìm đến với nhau!

V - SINH HOẠT CỦA HOÀNG THÁI HẬU

Hoàng Thái hậu ở tại cung Diên Thọ, ngoài Tử Cấm thành. Thái hoàng Thái hậu ở tại cung Trường Sanh, cạnh cung Diên Thọ. Mỗi cung có một tòa điện chính ở giữa và hơn 10 tòa nhà phụ ở chung quanh.

Cung Diên Thọ là một công trình kiến trúc cung đình còn sót lại, tuy có bị hư hại qua thời gian, vẫn cho ta một khái niệm khá đầy đủ về nơi ăn, chốn ở của Hoàng gia đời Nguyễn.

Các công trình chính trong khu vực cung Diên Thọ là:

- Cung Diên Thọ, công trình trung tâm.
- Điện Thọ Ninh
- Nhà Tả trà.
- Thông Minh đường (về sau được thay thế bằng Tịnh Minh lâu).
- Tả Trường Du
- Am Phước Thọ
- Kho Thọ chí
- Nhà ở của quan Thái giám
- Nhà Tả trực và nhà Hữu trực dành cho lính hầu.
- Các cửa Thọ Chi, Diển Dịch, Thiện Khánh, Dịch Tường.

Đặc biệt trong kiến trúc cung Diên Thọ là hệ thống hành lang rất dài gọi là trường lang, trên có mái che nối liền cung

này với nơi vua ở (điện Cần Thành), với Thái Bình lâu, Nhật Thành lâu và Duyệt thị Đường. Đến thời Khải Định, người ta xây thêm một dãy hành lang khác nối liền cung Diên Thọ với điện Kiến Trung... Chức năng của hai hệ thống trường lang này là để nhà vua có thể đi thăm mẹ vào bất cứ lúc nào mà không sợ mưa lạnh ướt át. Vì ở Huế mưa nhiều về mùa Đông.

Cung Diên Thọ nằm ở vị trí trung tâm của một khu vực rộng 124m, dài 142m, xung quanh có xây thành cao. Trước mặt cung có cổng lớn ra vào gọi là Thọ Chỉ môn; vượt qua cửa này sẽ đến một cái sân rộng với một tấm bình phong đồ sộ, hai bên sân này phía trái có nhà Tả trà, phía mặt có lầu Tịnh Minh.

Sau lưng cung Diên Thọ là điện Thọ Ninh, bên trái là tạ Trường Du, bên phải là am Phước Thọ. Một hệ thống hành lang có mái che nối liền tất cả các công trình này với cung Diên Thọ.

Cung Diên Thọ rộng bao la nhưng có vẻ tối tăm, u trầm. Toàn bộ khu vực toát ra vẻ trang nghiêm của một nơi cung cấm.

Nơi đây là chỗ ăn ngủ, giải trí của mẹ vua nên các nhà kiến trúc của thế kỷ XIX khi xây dựng đã có dụng ý muốn cho bên trong tòa nhà giữ một nhiệt độ ôn hòa: mùa đông thì ấm áp, mùa hè thì mát mẻ; có vậy mới kéo dài tuổi thọ.

Yết kiến Hoàng Thái hậu không phải là chuyện dễ dàng. Mẩu tường thuật sau đây của F. Baille cho ta thấy được quang cảnh một cuộc yết kiến của người ngoại quốc với bà Từ Dũ, mẹ vua Tự Đức, nhân dịp Công sứ toàn quyền Vial ghé Huế:

"Sau khi đi quanh cơ hơn hai mươi phút qua những khu vườn bài trí thật rắc rối và nhiều hành lang ngang dọc, chúng tôi được đưa đến một mảnh sân khá rộng, giữa bốn bức tường cao. Hai toán nữ nhạc sĩ đứng ngang nhau hòa tấu những âm điệu kỳ lạ. Chúng tôi cần thừa thật rằng tuổi tác và dáng điệu của hầu hết các nhạc sĩ này khiến chúng tôi phải có lòng tôn

kính; và theo quan niệm của người dân ở Paris hết sức ham thích tìm hiểu những việc lạ lùng cũng phải giá lạnh cả tâm hồn. Vài phút chờ đợi trôi qua, chúng tôi vào một gian phòng hơi thấp.

Phía trong phòng, chúng tôi thấy một bức sáo làm bằng thanh tre vót thật mỏng vẽ hình rồng nhiều màu. Đức vua mặc y phục đại triều, quỳ gần đó, hai tay khoanh trước ngực. Bà Hoàng Thái hậu ngồi phía sau bức sáo, giữa cánh nửa tối, nửa sáng phớt trong ngôi đèn thờ. Đức vua ngỏ lời vấn an bà, rồi đến chúng tôi. Tiếp đó, chúng tôi nghe một tiếng nói, đúng hơn là một giọng nói trầm khờ có thể phân biệt đáp lại. Thành linh bức sáo được kéo lên chậm chậm như tấm màn trên sân khấu. Chúng tôi thấy người ngồi bên trong im lìm, không động đậy, mình mặc áo dài màu vàng của Hoàng tộc, mắt nhìn thẳng, nước da trắng vàng như màu ngà của bức tượng Chùa trên tháp tự giá thời xưa. Hình bóng thoáng qua như một ảo ảnh không có gì thêm... Bức sáo hạ xuống lập tức, thật nhanh và khô khan. Nhiều lời chúc tụng tiếp tục tung hô. Đức vua hướng vào bức màn lạy rất lâu. Đây là cuộc diện kiến ngắn ngủi, sự đặc hứa tối thượng của Đức vua đối với một lời thỉnh cầu mới mẻ và sự tò mò bất kính của chúng tôi.

Vua Tự Đức là một người con thờ mẹ rất chí hiếu. Có lần đi săn gặp mưa lụt thỉnh linh, nhà vua về trễ, đã tự tay dâng roi để mẹ phạt. Bà Từ Dũ dạy bảo điều gì, nhà vua ghi vào một tập để học thuộc mà thi hành. Khi bà Từ Dũ còn sống, bà ở một địa vị rất được nể trọng. Bà giữ chức Thượng Nghi kiêm cai quản các bà trong Lục Thượng. (Lục Thượng là các chức dành cho các nữ quan coi sóc, phục vụ cho nhu cầu hằng ngày của vua; gồm có: Thượng cung, Thượng nghi, Thượng phục, Thượng thực, Thượng tẩm, Thượng công).

Khi vua Tự Đức mất rồi, bà Từ Dũ vẫn còn sống; sang đời Đồng Khánh, bà vẫn được mọi người tôn kính. Mỗi năm bà hưởng 10.000 quan và 1000 vuông lúa. Trong khi Hoàng quý

phí, vợ chính của nhà vua, mỗi năm cũng chỉ được lãnh 1000 quan, 300 vuông lụa và 60 cây lụa.

Sân cung Diên Thọ rất rộng, có hòn non bộ lớn cùng cây cảnh hài hòa; ở đây nhiều lần đoàn tuồng Thanh Bình được triệu đến để hát cho các bà Thái hậu xem. Những vở tuồng dựa theo truyện sử Trung Quốc thường được trích diễn, như các trích đoạn trong các vở "Tam quốc", "Tây Du", truyện đời Đường, đời Tống. "*Dại Nam liệt truyện*" ghi rằng, có lần bà Từ Dũ cho vời đến để hát trong ngày khánh tiết, lớp "Phản Lê Huê tru huynh sát phụ" trong vở "Đằng chinh Tây". Bà xem xong đã gọi đội trưởng đội Thanh Bình vào dạy rằng:

- "Người Tàu đặt truyện ấy thật là nghịch lý, nhân tâm. Đã đặt cho Phàn Lê Huê tài phép đến thế ấy, từng sử có chuyện chỉ gặp rút đến mấy đi nữa, thôi với tài ấy có thể tránh trút như chơi. Chớ chỉ đến nỗi phải giết cha, giết anh, chẳng còn tình nghĩa chi nữa hết. Người Tàu khác, người mình khác. Người đặt truyện đã đặt bậy có sao người soạn tuồng cũng soạn bậy bạ? Phải sửa lại, đừng cho như vậy, mới là hợp lý và thuận với người nước ta".

Đội trưởng đội Thanh Bình nhận lời và hứa sẽ sửa lại.

Ngoài hát tuồng, các bà Thái hậu còn xem vũ điệu.

Các vũ khúc cổ truyền đời Nguyễn gồm 11 vũ khúc: Bát dật, Lục cúng, Tam tinh chúc thọ, Bát tiên hiến thọ, Trình tường tập khánh, Đấu chiến thắng phạt, Tứ linh, Nữ tướng xuất quân, Vũ phiến, Tam quốc Tây du, Lục triệt hoa mã đang được trình diễn trong những ngày lễ Thánh thọ (sinh nhật Hoàng Thái hậu), Vạn thọ (sinh nhật vua), Thiên xuân (sinh nhật Thái tử), Thiên thu (sinh nhật hoàng hậu).

Riêng trong ngày lễ Thánh thọ, Các bà Hoàng Thái hậu thường thích xem các vũ khúc Lục cúng, Tứ linh, Tam tinh chúc thọ, Vũ phiến v.v...

Sau khi xem trình diễn các vở tuồng hoặc các vũ khúc, các bà thường có lệ ban thưởng cho các nghệ nhân xuất sắc.

Bà Từ Cung (vợ vua Khải Định) nhiều năm đã nuôi đoàn Ba Vũ sống mà duy trì nghệ thuật cổ truyền, trong những năm từ 1946-1954. Nhờ sự giúp đỡ tận tình này, nghệ thuật múa cung đình Huế mới duy trì được đến ngày nay.

Nếp sống của các bà Hoàng Thái hậu thường đạt đến tuyệt đỉnh cao sang.

Bà Từ Dũ tuy có đủ những điều kiện để hưởng mọi vật chất đến tột đỉnh nhưng bà vẫn chối từ, nhất quyết dùng những đồ dùng đã có từ trước. Bà thường nói:

- Đồ phụng dưỡng cho bốn thân này là của trong thiên hạ cung nạp; mình đã không làm nặng sự chi lợi ích cho nhà nước thì thôi, có sao dám vọng phí?

Hàng ngày cung nhân dân dâng đèn sáng thấp trong cung Gia Thọ, bà thường dạy cắt bớt đi. Mỗi ngày dành dụm một ít, khi đã tích lũy được khá nhiều bà sai người đem vào trữ lại tại kho nhà nước. Phần sắp nhều ra, bà góp quên lại để dành, đủ đúc lại thành cây dùng cho mình, giảm bớt một phần của kho.

Bà báo quan hầu rằng:

- Ta thuở nhỏ, gia đình tuy không dư dật nhưng cũng đủ ăn. Vậy mà các thứ dầu nước không đủ để thắp cho trọn đêm; huống nay ngựa nhờ ơn trời đất, tổ tông được giàu có trong bốn bể, một sợi tơ, một hạt lúa đều là dầu mỡ của dân, nếu xài phí tầm bậy thời đã không ích chi mà có cái nên tiếc lắm. Lâu nay tẩn nạp cho ta những đồ châu báu và gấm, nhiều, sô, tơ... ta đều giao cho quan kho tất cả. Vì bốn tính ta không thích sự hào nhoáng, huê hòe. Sách có chữ "Xa xỉ ấy triệu nghèo, kiệm cần là nguồn phước", con cháu phải nhớ lấy.

Bà Từ Dũ là một hiền phụ gương mẫu, một Hoàng Thái hậu chiếm được lòng mến mộ và tôn kính của mọi người. Nếp sống cần kiệm của bà đã lưu danh tốt cho hậu thế noi theo.

VI - TẾT NGUYÊN ĐÁN TRONG HOÀNG CUNG

Tết Nguyên Đán là một nghi lễ quan trọng trong năm. Tại Hoàng cung, lễ này được chuẩn bị tổ chức thật chu đáo và trọng thể.

Để chuẩn bị cho ngày đại lễ, trước một tháng, các lễ Ban sóc và Phát thức đã được tổ chức. Lễ Ban sóc là lễ phân phát lịch. Đúng ngày mùng 1 tháng chạp, các Hoàng thân và các đại thần mặc triều phục, sắp hàng trước cửa Ngọ Môn. Một viên quan ra xướng: "Bầu lịch, Khâm Thiên giám lịch cáo thành ban tứ trung ngoại". Các Hoàng thân, bá quan lạy tạ trước ngai vàng. Một viên quan đem lịch ra phân phát. Những viên quan lớn thì được Bầu lịch, còn quan nhỏ được Quan lịch tức Khâm Thiên giám lịch.

Đến hạ tuần tháng chạp, nội các chọn ngày lành tâu lên vua, dâng lên một danh sách các quan văn võ nhất, nhì phẩm trở lên, cùng các nhân viên nội các, cơ mật. Những vị có tên trong danh sách sẽ làm lễ Phát thức, tức là lễ lau chùi các ấn ngọc, ấn vàng, kim sách, ngân sách.

Sáng ngày lễ, bộ lễ đặt mấy cái bàn ở điện Cần Chánh. Tại đây có 6 cái tủ cần chạm trổ tinh xảo; các người tham dự lễ lột con niêm, mở khóa lấy trong tủ ra những cái tráp đựng con dấu bầu tỷ bằng ngọc, vàng của các vua, hậu phi các triều, kim sách, kim bài, phù tín (tượng bằng cọp vàng cắt thành hai mảnh bằng nhau).

Ngoài ra còn có những sắc bằng của vua Thanh phong cho vua Gia Long cùng những vật dụng quý giá khác của các nhà vua triều Nguyễn.

Các viên quan dự lễ Phật thức đều mặc áo rộng xanh, dùng nước hương thủy (nước nấu với hoa thơm) để rửa những đồ vật quý giá ấy, lau bằng thứ vải đỏ tinh sạch. Lau xong, đem bỏ lại vào tráp, rồi sắp đặt lại thật ngăn nắp trong tủ, ngoài dán con niêm bằng lụa có đóng dấu hai chữ "Hoàng Phong".

Ngày 30 tháng chạp là ngày chuẩn bị rộn ràng cho lễ Tết Nguyên Đán. Bộ lễ cho người đem phẩm vật cúng tại các lăng và các miếu. Vua chỉ định các Hoàng thân, tôn tước đến làm lễ tại các chùa. Từ 8 giờ sáng đến 5 giờ chiều, tại Kỳ đài có phát lệnh. Các chùa và các công thự bắt đầu lên nêu.

Tại điện Thái Hòa, quan hữu ty thiết đại triều; tại điện Cần Chánh thiết Thường triều. Trước ngự tọa tại điện Thái Hòa, gian bên tả đặt một Hoàng án để hạ biếu của các quan lục bộ, các ty, các viện. Gian phía tây đặt một Hoàng án nữa để hạ biếu các quan địa phương. Gian giữa trải chiếu bái của các Hoàng thân, Hoàng tử. Trên thềm bên tả, bên hữu là chỗ bái của các tôn tước và văn võ trở xuống đứng dưới sân rồng. Đội lính Hồ vệ, Cảnh sát chia đứng 8 hàng giàn hầu. Hai bên sân rồng đặt nhạc huyền (dàn nhạc). Dưới thềm phía đông và phía tây đặt đại nhạc quay vào nhau. Ca sinh chia đứng hai bên tả, hữu.

Từ sáng sớm, khi trống nghiêm hồi thứ nhất, viên quản vệ giàn bày cờ quạt, nghi trượng theo nghi thức; lính nhạc sắp hàng ở điện Thái Hòa; voi ngựa đứng hầu ngoài cầu Kim Thủy.

Trống nghiêm hồi thứ hai, các Hoàng thân, các vị đại thần, tôn tước, văn võ bá quan sắp thành hai hàng theo phẩm trật lớn nhỏ, mặc phẩm phục Đại triều vào chực trong sân điện Thái Hòa. Chỉ riêng các Hoàng thân mới được lên điện. Các viên chấp sự chia giữ phần việc của mình.

Tờ mờ sáng, trống nghiêm hồi thứ ba, trên kỳ đài kéo cờ đại và các sắc cờ khánh hỷ. Quan Khâm Thiên giám báo giờ. Vua đội mũ cứu long, mặc áo hoàng bào, cầm hốt trấn khuê ngự ra điện Càn Chánh. Viên Quản vệ qùy tâu: "Xin Thánh thượng ngự lên xe giá". Vua lên kiệu. Ban tiểu nhạc cử nhạc. Quân túc vệ, ngự lâm cầm cờ quạt, nghi trượng rước vua sang điện Thái Hòa. Trên lầu Ngọ Môn nổi chuông trống. Vua ra cửa Đại Cung môn, tới hiên phía bắc điện Thái Hòa, xuống kiệu. Đại nhạc nổi. Trên thành phát 9 tiếng lệnh. Vua lên ngự tọa. Viên Thái giám đốt lư trầm. Đại nhạc ngừng. Tiểu nhạc nổi.

Vua an tọa. Nhạc nổi. Các quan lạy mừng 5 lạy, xong qùy xuống. Tán lễ xuống: "Tán hạ biểu". Quan nội các tiến lên bàn Hoàng án, lấy hạ biểu trao cho các quan tuyên đọc, đọc xong trao lại cho quan nội các đặt lên Hoàng án. Nhạc nổi. Các quan lạy 5 lạy nữa rồi đứng vào ban. Quan Tham tri hoặc Thị lang bộ lễ ra qùy giữ sân tâu với vua là lễ Nguyên Đán cáo thành. Ca sinh tấu khúc hòa bình. Đại nhạc nổi. Vua lên kiệu trở về điện Càn Chánh. Các Hoàng thân, Hoàng tử, cùng các quan văn võ từ tứ phẩm trở lên phân ban đứng hầu. Thái giám dẫn các Hoàng đệ, Hoàng tử nhỏ tuổi đến trước thềm lạy mừng 5 lạy. Quan lễ bộ dẫn các công tử đến lạy mừng 5 lạy. Lễ xong vua truyền chỉ ban yến và ban tiền thưởng xuân.

Ngày mồng một, ban yến cho Hoàng thân, Hoàng tử, tôn tước, quan văn từ ngũ phẩm, quan võ từ tứ phẩm trở lên ở điện Càn Chánh và nhà Tả, Hữu vu.

Ngày mồng hai, vua và các Hoàng thân, các quan đại thần mặc thường phục, lạy ở điện Phụng tiên. Vua lạy ở án chính; còn các án kia thì xá.

Xong lễ, vua ban yến cho các quan văn từ lục phẩm, quan võ từ ngũ phẩm trở xuống, quan Phủ doãn Thừa Thiên và các quan tỉnh được chỉ về chiêm càn ở nhà Dải Lụa. Còn tiền

thường xuân, các Hoàng thân, Hoàng tử mỗi người được ban 20 lạng bạc; quan võ Chánh nhất phẩm 12 lạng bạc, Tùng nhất phẩm 10 lạng, Chánh nhị phẩm 8 lạng, Tùng nhị phẩm 6 lạng, Chánh tam phẩm 5 lạng, Tùng tam phẩm 4 lạng, Chánh tứ phẩm 3 lạng, Tùng tứ phẩm 2 lạng rưỡi, Chánh ngũ phẩm 2 lạng, từ tùng ngũ phẩm trở xuống mỗi người 1 lạng.

Ngày mùng 7 làm lễ Hạ Tiêu (hạ nêu). Trong lễ này, có phát 9 tiếng súng lệnh.

VII - LỄ ĐẠI TRIỀU VÀ THƯỜNG TRIỀU

Nhà Nguyễn mỗi tháng lấy ngày mồng 1, ngày rằm, Tết Nguyên Đán, Tết Đoan Dương, Lễ Vạn thọ (sinh nhật vua) Thánh thọ (sinh nhật Hoàng Thái hậu), ngày dâng quang, ngày truyền lô thi Đình và những ngày đại lễ khác làm ngày tổ chức thiết đại triều nghi ở điện Thái Hòa. Ngoại trừ ngày mồng 1 và ngày rằm, còn những ngày đại lễ khác, các đại thần phải ngủ lại ở trong điện từ tối hôm trước để chuẩn bị nghi lễ.

Dầu canh năm khi trống nghiêm hồi thứ nhất, các viên Quân vệ, cai đội dẫn quân ngự lâm thị vệ bày lễ bộ đại giá từ sân điện Thái Hòa suốt ra ngoài cửa tá, hữu Đoan Môn. Hai bên tá, hữu cầu Kim Thủy giàn cờ quạt, tàn lọng, khí giới, có 11 con voi đóng lâu sơn son, 8 con ngựa đóng yên sơn son, bành gấm thêu chân chỉ hột bọt.

Trống nghiêm hồi thứ hai, các quan văn võ từ lục phẩm trở lên mũ áo đại triều vào trực trong sân rồng. Văn bên tả, võ bên hữu đứng ở bên cái phẩm sơn theo phẩm trật của mình.

Các Hoàng thân, Vương công đứng trên điện. Trong sân rồng ty bá lệnh, giàn nhà nhạc một bộ có 2 trống con, 2 trống tiểu bồng, 1 trống yêu cổ, 2 đàn nguyệt, 2 đàn tam, 2 đàn tỳ, 2 hồ, 2 nhị, 2 kèn, 1 sênh tiền, 1 tam âm do nhạc sinh thự Hòa Thanh đội mũ tú tài, mặc áo giao lĩnh điều khiển.

Nhạc huyền (dàn nhạc) một bộ có 1 trống lớn, 1 chuông lớn, 12 chuông nhỏ, 1 khánh lớn, 12 khánh nhỏ, 1 cái phu, 1 cái chúc, 1 cái ngữ, 1 trống nhỏ, 2 đàn cầm, 2 đàn sắt, 2 ống tiêu lớn, 2 ống tiêu nhỏ, 2 ống sáo, 2 cái senh, 2 ống luan, 2 ống tri, 2 cái phách do 2 viên Quân vệ cùng các đội trưởng Thị trung đội mũ hổ đầu, mặc áo lam chèn tay điều khiển.

Thự Thanh Bình đội nhất, đội nhì, và đội tam giàn 16 ca công chia đứng hai bên tả, hữu.

Ty kỳ cổ đất đai nhạc (quân nhạc) 1 bộ có 20 cái trống lớn, 8 cái kèn, 4 thanh la lớn, 4 thanh la nhỏ, 4 tù và lớn bằng vỏ ốc biển, 4 tù và nhỏ bằng sừng trâu, do nhân viên Ty Kỳ cổ mặc binh phục điều khiển.

Đội hộ vệ, Cảnh sát nhưng phục đứng châu hầu mỗi bên 8 hàng, mỗi hàng 8 người, cả thảy 64 người.

Mờ sáng, trống nghiêm hồi thứ ba, trên Kỳ đài kéo cờ đại và cờ khánh hi các sắc. Quan hữu ty bày hương án ở gian giữa điện Thái Hòa, trên đặt ống Kìm phụng sơn vàng vẽ rồng, trong để tờ chiếu vua ban. Bên hữu thêm đặt một cái án trên để tờ biểu của các quan chúc mừng và biểu các sứ thần thuộc quốc chúc mừng. Quan Khâm Thiên giám báo giờ. Thị thần tâu mọi việc đã xong, vua cầm hốt trấn khuê, thất đai ngọc ngự ra điện Cần Chánh. Trên thành phát 9 tiếng lệnh. Quan Quân vệ qùy tâu: "Xin Thánh thượng ngự lên xe giá". Vua lên kiệu. Ban tiểu nhạc cử nhạc. Trên lầu Ngọ Môn nổi chiêng trống. Đội túc vệ, Ngự lâm, Cấm quân cầm cờ quạt, nghi trượng rước vua sang điện Thái Hòa, có 16 tiểu giám cầm phất trần và lô hương đi trước kiệu.

Vua ra cửa Đại Cung môn, tới hiên phía bắc điện Thái Hòa thì xuống kiệu. Tiểu nhạc ngừng. Đại nhạc nổi. Viên Thái giám đốt lư trầm. Đại nhạc ngừng. Đội Cấm y vệ cầm giáo dưới beo và kim đao đứng ở dưới điện. Sau ngai vua có 2 viên

khoa đao và dưới sân rồng có 4 viên khoa đao đứng hai bên đông, tây xem xét lễ nghi.

Nhạc nổi, Hoàng thân, Vương công, các quan văn võ làm lễ lạy 5 lạy rồi đứng lên sau lời Tán lễ xuống.

Quan Hồng lô lấy tờ chiếu ở trên hương án trao cho quan Tuyên chiếu. Quan tuyên chiếu quỳ xuống đọc. Các quan và sứ thần thuộc quốc dâng biểu chúc mừng. Ty nhã nhạc và ca công cử theo từng tiết mà hòa nhạc.

Lễ thành. Đại nhạc nổi. Vua lên kiệu ra cửa Đại Cung môn. Trên thành phát 3 tiếng lệnh. Ty Loạn Nghi đã sắp sẵn kiệu đứng chờ ở dưới thềm điện Thái Hòa. Quan Hữu ty tiến lên lấy tờ chiếu trong ống kim phụng để trên hương án đặt trên kiệu, hai bên che tàn vàng. Bát âm nổi nhạc, đi trước là cờ quạt, kế đến 20 biên binh Thị trung cầm gậy đầu rồng sơn son, 10 biên binh Cẩm y vệ cầm kiếm, một đội binh Thần sách 90 người cầm giáo mác, quan Hữu ty đi sau kiệu. Đám rước đến lầu Phu Văn, kiệu rước vào trong lầu, cờ quạt và binh sĩ giàn thành hai hàng trước sân. Quan Hữu ty lấy tờ chiếu ở trên kiệu dán lên bàn niêm yết, rồi lui xuống lạy 5 lạy. Viên Phủ Doãn Thừa Thiên cùng các viên huyện dẫn phụ lão, hương thân 3 huyện Phong Điền, Hương Thủy, Phú Lộc vào lạy 5 lạy và kính cẩn xem chiếu văn. Binh sĩ, bát âm đều lui về. Đội binh Thần sách đứng lại, coi giữ tờ chiếu để cho dân chúng vào xem.

Lễ thiết thường triều cử hành vào các ngày mồng 5, mồng 10 và 25 trong tháng. Trên Kỳ đài treo cờ đại rộng 8 thước, dài 9 thước. Mờ sáng các Hoàng thân, Hoàng tử, các quan văn võ từ tứ phẩm trở lên mũ áo thường triều vào chầu. Nhạc sinh giàn nhã nhạc chia đứng hai hàng dưới sân rồng. Vua đội mũ đường cân, mặc áo giao lĩnh màu vàng, đính bố tử thêu rồng vàng ngụy lên ngai. Bát âm nổi nhạc. Các quan làm lễ

lạy 5 lạy. Vua ban cho Hoàng thân, Hoàng tử ngồi. Quan Bình bộ, Lại bộ tâu cho các quan mới được thăng chức hoặc thuyền chuyển vào bãi mạng. Quan bãi mạng mặc triều phục lạy 5 lạy. Rồi các bộ, viện có việc gì đến chỗ tấu sự quỳ tâu; có quan nội các và ngự sử quỳ hai bên. Nội các ghi những lời vua ban. Ngự sử đàn hặc sự phạm pháp. Xong mọi việc, vua lui vào cung.

VIII - LỄ TẾ KỶ THẾ MIẾU NHÀ NGUYỄN

Thế Miếu nhà Nguyễn được thiết lập trong Hoàng thành, ngoài phạm vi Tử Cấm thành.

Hàng năm nơi đây có những ngày tế vào dịp tết Nguyên Đán, xuân tế, thu tế và những ngày hợp tế, có múa Bát dật, gồm 128 vũ sinh của thư Thanh Bình múa, chia làm 2 ban: Võ Vũ ban và Văn Vũ ban; mỗi ban 64 người, chia làm 8 hàng, mỗi hàng 8 người. Bên Võ hiệu cờ lĩnh, bên Văn hiệu cờ mao. Mỗi bên có một vũ sư điều khiển.

Thế Miếu nhà Nguyễn thờ từ vua Gia Long đến các vua nối sau và các bà Hoàng Thái hậu.

Lễ kỵ vua Gia Long vào ngày 19 tháng Chạp. Ngày 18 làm lễ cáo kỵ. Ngày chính kỵ lễ vật có 3 mâm xôi to, 2 mâm xôi nhỏ làm bằng thóc nếp cấy ở ruộng Tích Diên, 3 con trâu, 3 con dê, 3 mâm bánh, hoa quả, lụa, hương, nến và giấy vàng bạc.

Lụa tế sắc trắng mỗi tấm dài 9 thước gọi là lụa Phụng Tiên để ở trong hộp sơn son thếp vàng.

Bên ngoài tường hoa Thế Miếu có 50 diên bình Thần sách đóng. Những binh lính đài đệ xôi lợn, cỗ bàn chỉ được đi vào cửa Sùng Thành rồi đi lối cửa nách lên miếu, nghiêm cấm không được chỉ trở, chuyện trò huyền ảo.

Sáng sớm hôm hành lễ, Lễ bộ cùng Viên Quân vệ bày Lễ bộ nghi thức. Các Hoàng thân, Hoàng tử, các quan văn võ

niếp tế, bồi tế, phân hiến, chấp sự phẩm phục ứng chức. Các Hoàng thân, Hoàng tử được đem theo một viên cai đội đi hầu. Các quan văn võ không được đem người nhà đi theo. Phường nhạc, giàn nhạc khí hai bên đông tây. Nhạc sinh thự Hòa Thanh giữ việc đánh trống chiêng. Ban nữ nhạc đứng trên thềm, đợi ba tuần tế khí thì múa nhạc.

Các cửa sau nhà Thế Miếu đều đóng chặt, chỉ để cửa trước ra vào. Những viên Chấp sự và Hậu bá ai đến chậm không được vào. Lễ bộ phái cử ngay người khác thay và ghi tên tâu hoặc trưng trị.

Bắt đầu hành lễ. Vua từ cửa Khai Định đi vào, các quan phân ban văn, võ, đứng hai bên.

Sau những lời xướng của Thông tán, Nội tán, ca sinh tấu khúc Hàm Hòa. Lại xướng tiếp. Một viên Hoàng thân lên mở thần chủ ra, lại xướng. Ca sinh tấu khúc Tường Hòa. Sau những lời xướng của Nội tán và Thông tán xen kẽ nhau, ca sinh tấu khúc Ninh Hòa có ý nghĩa là dâng lên hương hồn người đã khuất các phẩm vật cúng lễ như rượu đựng trong bình ngọc, cầu mong chứng giám lòng thành của người còn sống và giúp đỡ họ trong cuộc sống hiện tại.

Sau ba tuần dâng rượu, đến tuần dâng trà. Các viên Chấp sự dâng nước trà lên chính án, đồng thời các viên Chấp sự khác cũng dâng nước trà lên án phân hiến.

Tiếp sau lời xướng "Tấu mỹ hòa chi ướng", ca sinh tấu khúc Mỹ Hòa. Nội dung là dâng lên bàn thờ trà thơm, vị nồng xin các ngài hãy chứng giám để ban phúc.

Sau câu xướng của Nội tán, Thông tán: "Tấu cức cung bá", vua, các quan Bồi tế, phân hiến cùng lạy.

Ca sinh tấu khúc Túc Hòa; nội dung ca ngợi linh khí uy nghi, giờ đã xong lễ tế, cầu mong thần linh ban phúc; con cháu nối nối.

Sau câu xướng "Từ thần", một viên Hoàng thân lên dấy Thần chủ rồi khép cửa khám lại.

Tiếp đó, ca sinh tấu khúc An Hòa, nội dung tỏ lòng tôn kính của người đời sau đối với công đức của người đã khuất, mong được yên vui, lễ nghi đối với người đời trước không bao giờ sai, xin ngài giúp cho nước nhà đến ức vạn đời.

Các nghi lễ cũng bãi lại tiếp diễn. Ca sinh tấu khúc Ung Hòa, nội dung ca ngợi Đức lớn, bày tỏ lòng hoan hỷ của người hôm nay được dịp tổ chức tế lễ, cầu mong giống nòi thịnh vượng mới thỏa tấm lòng thành.

Kết thúc buổi lễ, vua cùng các quan vái rồi lui ra.

IX - LỄ ĐĂNG QUANG VUA MINH MẠNG

Sau ngày vua Gia Long thăng hà, theo di chiếu, đình thần Tôn Hoàng tử, Dẫm lên nối ngôi, tức vua Minh Mạng. Lễ đăng quang cử hành ngày mùng 1 tháng Giêng năm Canh Thìn (1820).

Trước đó, các hoàng thân, đại thần đã tế ở Đàn Nam Giao và Triệu Miếu, Thái Miếu để cáo thiên địa, liệt thánh ngày hành lễ. Vua thân đến tế đền Hoàng nhân, cáo sự việc với mẹ nuôi là Thừa Thiên Cao Hoàng hậu, rồi vào cùng tâu với mẹ là Thuận Thiên Cao Hoàng hậu.

Vua làm lễ thụ di mệnh tại đền Hoàng nhân vào ngày 28 tháng Chạp năm Kỷ Mão, nhận ấn ngọc. Vua, các Hoàng thân, Hoàng tử và các quan văn võ đều mặc lễ phục. Vua quỳ nghe quan Lễ bộ đọc di chiếu của Tiên Đế. Đọc xong quan Lễ bộ đặt di chiếu vào tráp dâng lên. Vua tiếp lấy, hai tay nâng ngang trán tỏ lòng kính cẩn rồi trao cho viên Thị lạp.

Sáu vị đại thần quỳ hai bên tả, hữu vua. Lần lượt 3 vị dâng các tráp đựng kim sách, ngọc tỷ và bộ đại triều phục gồm có mũ miện, áo long cổn, đai và hia. Vua tiếp nhận rồi trao cho 3 vị kia đem đặt vào long đình. Vua đến trước linh tọa Thừa Thiên Cao Hoàng hậu lạy 4 lạy. Quan lễ bộ tâu "Lễ thành". Vua vào cung.

Ngày mùng 1 tháng Giêng làm lễ đăng quang tại điện Thái Hòa. Hữu ty thiết đại triều ở điện Thái Hòa, thường triều ở

điện Cần Chánh; đặt long đình để kim sách giữa điện Thái Hòa. Hai bên tả hữu Thượng thiết ty đặt Hoàng án để chờ chiếu vua ban và biểu của các quan chúc mừng. Dưới sân rồng, bên tả đặt giá chiêng, bên hữu đặt giá trống, ty đại nhạc, nhã nhạc sắp sẵn kèn trống dàn sáo đứng hai bên.

Dầu trống canh năm, trên Kỳ đài kéo cờ đại trống nghiêm hồi thứ nhất, quân túc vệ dàn bày nghi trượng ở sân điện Thái Hòa. Trống nghiêm hồi thứ hai, quan Tự ban dẫn các quan văn võ triều phục vào cửa Đoan Môn. Mờ sáng trống nghiêm hồi thứ ba, vua đội mũ cửu long, mặc áo hoàng bào, thắt đai ngọc, ngự trên ngai ở điện Cần Chánh. Ty loan nghi sửa soạn rước vua lên kiệu. Trên lầu Ngọ Môn nổi chiêng trống, quân Cẩm y vệ cầm cờ xí, tàn lọng phủ việp đi hai bên. Tới điện Thái Hòa, vua xuống kiệu.

Trên điện Cần Nguyên phát 9 tiếng lệnh. Vua lên ngai. Viên Thái giám đốt lư trầm. Ty Đại nhạc nổi nhạc lớn. Các quan làm lễ lạy mừng 5 lạy. Một vị Hoàng thân dâng kim sách. Quan Lễ bộ đọc kim sách. Quan Hồng lô đọc biểu chúc mừng của bách quan. Các quan đều quỳ nghe. Đọc xong, kim sách và biểu lại trao cho viên Hàn lâm để lên hoàng án.

Sau lời truyền của quan truyền chỉ, quan Thái thường lấy tờ chiếu ở trên Hoàng án trao cho viên Tuyên chiếu tuyên đọc.

Trăm quan quỳ xuống nghe.

Đọc xong, các quan đều lạy 5 lạy.

Quan Hữu ty tiến lên lấy tờ chiếu bỏ vào ống Kim phụng rước qua cửa Quảng Đức ra lầu Phú Văn treo lên.

Trên thành bần ba phát súng thần công.

Quan tư lễ quỳ tâu "Lễ thành"

Vua lên xa giá trở về điện Cần Chánh. Hoàng thân, các quan văn võ trong hoàng tộc, con các quan được tập âm đều sắp hàng theo thứ tự ở trước điện Cần Chánh lạy mừng 5 lạy.

Vua ban chiếu đại xá gồm 16 khoản:

1- Những thuế tiền thóc dân còn thiếu lại từ năm Gia Long thứ 18 trở về trước đều miễn cho, không thu nữa.

2- Miễn cho thuế tiền thóc đinh điền năm Minh Mạng nguyên niên.

3- Hoàng thân hàng em và cháu vua, ai đã được phong tước công rồi, lại ban thêm lộc cho mỗi năm 500 quan tiền và 500 phương gạo.

4- Em vua còn nhỏ tuổi chưa được phong tước công, đợi ba năm sau Lễ bộ tâu lên sẽ phong cho.

5- Những người họ Tôn Thất đều được ban thêm lương bổng.

6- Các quan văn võ, ở trong kinh từ tứ phẩm trở lên, ở ngoài từ tam phẩm trở lên, được thăng một cấp.

7- Các quan ở trong kinh từ ngũ phẩm trở xuống, ở ngoài từ tứ phẩm trở xuống, được ban thêm tiền lương hai tháng.

8- Cha mẹ các quan văn võ đều chiếu phẩm hàm của con phong tặng cho.

9- Con các quan từ tam phẩm trở lên cho một người vào học trường Quốc Tử Giám, đợi khi lớn sẽ tùy tài bổ dụng.

10- Những công thần ngày trước theo Tiên Đế sang Vọng các, nay ngành trưởng không có con cháu, chỉ còn con cháu ngành thứ, cũng ban cho quan tước để nối dõi và thờ tự.

11- Những công thần không có con, chỉ còn vợ thũ tiết thờ chồng, ban cho tiền gạo nuôi trọn đời.

12- Xét rõ thân tích bách thân để phong tặng.

13- Làm thêm phòng ốc trường Quốc Tử Giám để sinh viên vào ăn, ở, học và cho thêm học bổng.

14- Khoa thi Hương năm Kỷ Mão, những người đã đỗ nhị trường được miễn lao dịch 3 năm, đỗ nhất trường được miễn 2 năm.

15- Từ mùng 1 tháng Giêng năm nay trở về trước, các người phạm tội đi đày và tội xung quân đều được tha, tội tử hình được khoan giảm.

16- Giám hình phạt và nhẹ tội cho giặc cướp xuất thú ⁽¹⁾

(1) Đỗ Bằng Đoàn và Đỗ Trọng Huề: Những đại lễ và vũ khúc của vua chúa Việt Nam, NXB Hoa Lư, Sài Gòn, 1968, tr 363 - 365.

X - LỄ TƯ TUẦN ĐẠI KHÁNH VUA MINH MẠNG

Lễ tứ tuần Đại khánh vua Minh Mạng được tổ chức từ ngày 13 đến 22 tháng 4, năm Minh Mạng thứ 11 (1830).

Trước ngày lễ, viện Hàn lâm soạn ấn chiếu bá cáo cho nhân dân biết và soạn chúc văn cùng bài biểu chúc mừng.

Bộ Lễ báo cho công tộc ở Quý hương huyện Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa, người thừa tự họ Lê, họ Trịnh cùng Thổ ty, Thổ tù các đạo dự bị lễ vật để vào Kinh chúc thọ. Đồng thời cũng Tư cho các quan ở Bắc thành, Thanh Hóa, Nghệ An, Cam Lộ, Trấn Lĩnh, Trấn Định, Trấn Nam tuyển lựa những đoàn hoặc nghệ nhân giỏi tuồng, múa rối, ca vũ, âm nhạc, hát cổ, cùng những người giỏi hò, leo dây, múa rối, đánh đu, xiếc, tạp kỹ chuẩn bị vào Kinh trình diễn trong ngày lễ.

Trước ba ngày, vua sai Thái Tử Trương Khánh Công tế cáo Dân Nam Giao, Kiến An Công Dải tế dân Xã tắc; chương Thủy quân Tống Phúc Lương, Thống chế Đoàn Văn Trường bày đàn ở phía Nam Kinh thành tế thần kỳ đạo.

Hôm sau, đích thân nhà vua dẫn vương công, đại thần tế ở Thái Miếu, Thế Miếu sai các Hoàng tử chia nhau làm lễ ở các miếu và đền Phụ Tiên. Lễ xong, vua vào thỉnh an cung Từ Thọ.

Cảnh tượng trong và ngoài Hoàng thành thật rực rỡ và nhộn nhịp trong ngày khánh lễ. Ở kỳ đài và các cửa thành,

ban ngày treo cờ đại cùng cờ khánh hỷ các sắc, ban đêm treo đèn và thả phóng đăng. Nhà quan và dân ở Kinh thành ngoài cổng kết hoa, cắm cờ, ban đêm treo đèn. Trước 1 ngày và sau 3 ngày chính lễ, hai bên tả hữu sân rồng điện Thái Hòa, trước cửa lầu Ngọ Môn, hai bên tả hữu cầu Kim Thủy, mỗi nơi đặt 2 cây đỉnh liệu tối đến thắp lên sáng trưng khắp mọi nơi. Ở trước điện Cần Chánh, điện Cần Nguyên dựng thế lâu và kết hoa lá, trong treo những câu đối của các quan văn võ chúc tụng.

Ở trước cửa Túc môn cũng dựng nghi môn và dựng nhà ban yến trước lầu Phú Văn. Nhà Thủy tạ trên bờ sông Hương Giang cũng treo đèn kết hoa thật rực rỡ.

Kỳ lão các huyện ở Thừa Thiên cùng những người công tính quý hương sắp đặt hương án bái vọng ở trước Thế lâu.

Bắt đầu từ ngày 13 tháng 4, cứ ngày lễ các quan mặc triều phục vào chầu, ngày chẵn ngồi ở công đường làm việc. Các Hoàng tử ngày ngày phẩm phục vào thăm sức khỏe rồi đứng hầu cơm. Binh lính và các công sở cho nghỉ 3 ngày. Trước lễ 3 ngày và sau 1 ngày cấm chợ búa không được sát sinh, các tỉnh không được xử hình án.

Hôm bắt đầu lễ, ở điện Cần Chánh, các Hoàng thân, Hoàng tử cùng các quan văn võ vào chầu. Vua tự tay viết 3 chữ Phúc, Thọ, Trung, ban cho mỗi người.

Ngày Đại khánh, đầu canh năm trống nghiêm 3 hồi, Ty Nghi lễ thiết đại triều ở Điện Thái Hòa, thường triều ở điện Cần Chánh. Trên hương án tại trước điện Thái Hòa đặt tờ chiếu biểu chúc mừng của Quốc Vương Chân Lạp, Quốc Vương Nam chương, văn võ bách quan trấn thần, các thổ ty, man cống đế trên án phía dưới thêm.

Từ mờ sáng, trên lầu Ngọ Môn nổi chuông trống. Vua ngự ra điện Thái Hòa. Đại nhạc nổi. Trên thành phát 9 tiếng lệnh.

Vua lên ngự tọa. Viên thái giám đốt đỉnh trầm. Ca sinh tấu khúc Nguyễn Thọ.

Các quan văn võ cùng sứ thần thuộc quốc làm lễ lạy mừng 5 lạy. Ca sinh tấu khúc Trình Thọ. Các quan quỳ xuống nghe đọc ân chiếu. Ca sinh tấu khúc Vĩnh Thọ. Các quan cùng sứ thần thuộc quốc dâng biểu chúc mừng, và tiến phương vật. Ca sinh tấu khúc Hy Thọ.

Các thổ ty và man cống dâng biểu chúc mừng và tiến phương vật. Ca sinh tấu khúc Hiến Thọ.

Quan lễ Bộ xuất ban quỳ tâu: "Lễ thành"

Ca sinh tấu khúc Tuy Thọ.

Trên năm cửa thành, mỗi cửa bắn 9 phát đại bác mừng. Cộng liên tiếp 45 phát. Quan Lễ bộ rước tờ chiếu ra lầu Phu Văn treo lên cho dân chúng biết.

Vua vào cung thay áo, rồi ngự ra điện Cần Chánh nhận lễ chúc thọ của các Hoàng tử, các quan văn võ từ tam phẩm trở lên, quan Phủ Doãn Thừa Thiên cùng Tham hiệp các trấn. Vua lên ngự tọa, Ban vũ Bát dật có 128 vũ sinh đứng hai bên thêm múa điệu võ và điệu văn, vừa múa vừa hát bài ca chúc thọ. Múa xong làm lễ dâng 3 tuần rượu.

Tuần thứ nhất, Thái tử Trường Khánh Công dâng rượu chúc thọ, Hoàng tử Thọ Xuân Công Miên Định dâng chén, Vĩnh Tường Công Miên Hoành dâng bình rượu.

Tuần thứ hai: Hoàng đệ Kiến An Công Dải dâng rượu chúc thọ, Định Viễn Công Bính dâng chén, Diên Khánh Công Tấn dâng bình rượu.

Tuần thứ ba Chương sinh Trần Văn Năng dâng rượu chúc thọ, Chương Thủy quân Tổng Phúc Lương dâng chén, Thượng thư Nguyễn Khoa Minh dâng rượu.

Lại có ban vũ nữ đội mũ hoa, mặc áo gấm, múa hát làm lễ dâng thọ:

Tuần thứ nhất, tay cầm cành hoa xanh vừa múa vừa hát khúc Hoàng Phúc.

Tuần thứ hai, cầm cành hoa đỏ, vừa múa vừa hát khúc Thuần Phúc.

Tuần thứ ba, cầm cành hoa vàng vừa múa vừa hát khúc Sùng Phúc.

Ban nam vũ sinh gảy đàn thối sáo, đánh trống và múa sênh tiền.

Lễ dâng 3 tuần rượu chúc thọ xong, vua ban yến cho các quan và sứ thần thuộc quốc ở điện Cần Chánh; lại ban thưởng ao mủ, the lụa, tiền bạc cho các Hoàng tử, Hoàng thân, các quan văn võ thứ bậc khác nhau.

Ban cho Quốc vương Chân Lạp và Quốc vương Nam chương mỗi vua đoạn cống phẩm 5 cây, đoạn vũ đại hồng 5 tấm, nhiều trắng hoa 2 tấm, Sa Nam hoa 20 tấm, là 20 tấm. Ban cho chánh, phó sứ 2 nước, mỗi người Sa Nam 2 tấm, lụa 3 tấm, bạc 10 lạng. Từ thông ngôn trở xuống đến người đi hầu đều được ban thưởng lụa vải và bạc.

Ban cho Thổ ty đạo Cam Lộ, Nam Cống mỗi người đoạn 1 tấm, Sa Nam 3 tấm, lụa 3 tấm, bạc 5 lạng. Đầu mục các phủ Trấn Tĩnh, Lạc Biên, Mục Đa Hán, Trấn Ninh mỗi người trầu nam 1 tấm, bạc 2 lạng. Lĩnh man đi hầu mỗi người lụa 1 tấm, bạc 1 lạng, đều được triệu đến phủ Đề Đốc Thừa Thiên dự yến.

Những nghệ nhân thợ Thanh Bình, phường tuồng, cô đầu, những người leo dây, múa rối, đánh đu, những người Rợ múa điệu man đều được thưởng tiền bạc.

Hôm sau ban yến ở dinh Đại tướng quân cho các quan văn từ tứ phẩm đến cửu phẩm, Võ từ tứ phẩm đến xuất đội, các quan Kinh huyện, Thừa huyện và các quan lại hưu trí. Dự yến xong, mọi người đều được ban thưởng tiền bạc.

Suốt trong những ngày lễ, buổi sáng buổi chiều nào đội vui Xuân cũng hòa tấu ca nhạc ở đình Thanh Phong. Lại có các trò leo dây, múa rối, đánh đu, hát tuồng. Người miền núi Cam Lộ thổi kèn, múa điệu man ở trước cửa Thế lâu. Những trò vui dân chúng đều được vào xem.

Buổi tối đốt pháo bông, múa hoa đăng, múa Trình tường tập khánh, múa Lục triết hoa mã đăng ở lầu Phú Văn và nhà Thủy tạ; múa Bát dật, Tứ linh ở trước Thế lâu cho các quan xem.

Vua cũng xem người Rợ Trấn Biên, Lạc Biên múa điệu của dân tộc thiểu số.

Ban đêm, các Hoàng tử và các quan ở Kinh được vào Duyệt thị Đường xem hát tuồng, diễn các vở chúc thọ và các vở tuồng cổ lấy tích từ "Tam Quốc", "Tây du" v.v...

Ba ngày ban yến cho các kỳ lão, quan Phủ Doãn Thừa Thiên cùng các quan huyện lân cận dẫn kỳ bộ đến trước Thế môn làm lễ khấu đầu ở trước hương án rồi theo thứ tự vào ngồi dự yến. Vua ngự đôn xem, sai Hoàng tử Miên Định, Miên Hoành chia nhau đi mời rượu khoản đãi những người trên 100 tuổi đến 90 tuổi. Các quan Lễ bộ chia nhau đi mời rượu khoản đãi những người từ 80 tuổi đến 70 tuổi. Vua sai quan Phủ Doãn Thừa Thiên (Kinh Doãn) đỡ những kỳ lão đến trước mặt hỏi chuyện. Thường cho người 100 tuổi 1 con nhân sâm và một đồng tiền vàng Phi Long, người 80 tuổi 1 tấm lụa và một lạng bạc, người 70 tuổi 1 tấm vải và 1 lạng bạc.

Lễ Tứ tuần Đại khánh của vua Minh Mạng là một lễ chúc thọ lớn bậc nhất các đời vua Nguyễn. ⁽¹⁾

(1) Theo Đỗ Bằng Đoàn và Đỗ Trọng Huề sách đã dẫn

XI- LỄ HUNG QUỐC KHÁNH NIỆM ĐÔI NGUYỄN

Ngày mùng 2 tháng 5 năm Nhâm Tuất (1802) vua Gia Long lên ngôi Hoàng đế. Tháng 4 năm Khải Định thứ 4 (1919) nhà Nguyễn ban dụ lấy ngày mùng 2 tháng 5 âm lịch làm tiết Hung Quốc Khánh niệm.

Lễ Hung Quốc Khánh niệm bắt đầu từ ngày mùng 1 đến ngày mùng 3 tháng 5 âm lịch. Các công sở được nghỉ 3 ngày ấy. Trên Kỳ đài treo Quốc kỳ vàng. Các cổng thành treo Môn kỳ. Công sở và tư gia ban ngày ngoài cửa treo cờ, ban đêm thắp đèn. Thuyền bè trên sông Hương cũng thắp đèn vào ban đêm.

Sáng ngày mùng 2, vua đôi mũ cửu long, mặc áo hoàng bào, cầm hốt trấn khuê cùng các Hoàng thân, các quan Bồi tể, Phan hiến, Chấp sự đến làm lễ ở Thế Miếu; tế 3 tuần rượu, có múa hát Bát dật, tấu Ca chương 6 lần và múa nhạc theo từng giai đoạn trong buổi lễ.

Tham thân tấu khúc Hàm Hòa

Hiển tửu tấu khúc Tường Hòa

Hiển trà tấu khúc Mỹ Hòa

Triệt soạn tấu khúc Túc Hòa

Từ thân tấu khúc An Hòa

Vọng liệu tấu khúc Ung Hòa.

Những khi tấu khúc và vua ra đài vọng liệu đều cử đại nhạc.

Tế xong, thiết triều ở điện Cần Chánh, đình thần làm lễ bái tạ. Trên Kỳ đài phát 21 tiếng lệnh. Từ 9 giờ sáng đến 10 giờ 30 duyệt binh; trong khi duyệt binh, trên kỳ đài luôn luôn bắn súng mừng.

Buổi chiều tập binh. Lúc 14 giờ 30 từ trong Nội thành kéo ra 200 quân lính mặc áo nẹp, giáo mác sáng trưng, cờ quạt pháp phối. Trước sau có những thớt voi có quân tượng điều khiển. Đám quân lính biểu diễn từ cửa Thượng Tứ qua lầu Phú Văn, rồi quay trở lại đóng trước cửa Ngọ Môn.

Bốn giờ, vua ngự xe tứ mã ra lầu Phú Văn xem đua thuyền; có quan Đô thống đại thần dẫn các võ quan hộ giá, lính túc vệ theo hầu hai bên. Trước lầu Phú Văn đã dựng sẵn nhà trạm treo đèn, kết hoa rực rỡ, trần căng vải màu, ở giữa kết một bông hoa bằng gấm đỏ. Gian chính giữa treo một bức hoành phi bằng hoa lá kết 5 chữ "Hưng Quốc Khánh Niệm Tiết". Tại đây có kê Bảo tọa (chỗ vua ngồi), hai bên kê hai hàng ghế giao ý. Phía dưới đặt Bảo đỉnh tỏa khói trầm nghi ngút. Các quan quý nghinh giá rước vua vào ngồi trên Bảo tọa rồi theo thứ tự chia nhau ngồi trên hai hàng giao ý. Quan Lễ bộ xuất ban tâu xin cho bắt đầu đua thuyền.

Trên sông Hương, cứ 4, 5 chiếc thuyền kết lại làm một gọi là lâu thuyền, dựng hình lâu đài trần thiết trang nhã. Đặc biệt hơn cả là:

- Lâu thuyền của Tôn Nhơn Phủ, phía trước kết đầu rồng toàn bằng đèn, vừa đi vừa phun lửa ra bốn phía. ~

- Lâu thuyền của Văn Ban Đình thần, có những bức hoành phi và liễn bằng hoa quả, ở giữa dựng một cái lầu làm bằng các thứ mít và kẹo.

- Lâu thuyền của Quốc Tử Giám, cắm cờ xí, sơn vẽ rất đẹp, giả làm chiến hạm.

Ngoài ra còn những lâu thuyền của các Bộ, các Viện đua nhau trang sức, đủ màu sắc huy hoàng. Những lâu thuyền đều do lính đội nón sơn, mặc áo nỉ, chân quần xà cạp chèo và lái.

Trong khi đua thuyền, các lâu thuyền đều đánh nhạc và đốt pháo bông để thêm vui. Hoàng hậu và các bà nội cung ngồi trong thuyền Phú Xuân chèo giữa dòng sông để xem, có lòng thuyền lượn chung quanh tuần tiễu. Đang khi rộn ràng, có 4 chiếc thuyền lớn phát thành bốn con cá gáy, hai con đỏ, hai con vàng bơi từ lối phủ Thừa Thiên đến trước chỗ vua và các quan ngồi, lượn đi lượn lại. Người xem trên các thuyền dân vỗ tay tán thưởng.

Buổi tối trước Phu Văn Lâu có đốt pháo bông. Thự Thanh Bình trình diễn các vũ khúc Tứ linh, Tam tinh chúc thọ, Lục triệt hoa mã dâng... hát tuồng Giảng Đông phó hội. Dưới sông các lâu thuyền, các thuyền treo đèn, kết hoa của nhân dân bày đủ mọi trò vui! Thuyền hát ả đào, thuyền hát tuồng, thuyền dân hát các lối ca Huế, thuyền hòa nhạc, thuyền đốt pháo bông. Cuộc vui kéo dài thâu đêm suốt sáng.

Hồi 10 giờ 30 đêm, vua ban yến; đến hơn 12 giờ mới bãi yến. Vua về cung. Trong khi các quan dự yến, bên ngoài pháo bông nổ liên tiếp, tiếng reo hò của quân sĩ và nhân dân vang lên khắp mọi nơi ngoài Hoàng thành ⁽¹⁾.

(1) Theo Đỗ Bằng Đoàn và Đỗ Trọng Huề, sách đã dẫn

XII - LỄ TƯ TUẦN ĐẠI KHÁNH VUA KHÁI ĐỊNH

Nghi lễ Tư tuần Đại khánh vua Khải Định tương tự như lễ Tư tuần Đại khánh vua Minh Mạng; tuy vậy có những điều khác biệt do dưới triều Khải Định, Pháp đã đặt nền đô hộ vững chắc trên đất nước ta.

Trước ngày lễ (mùng 1 tháng 9 năm Khải Định thứ 9-1924) các Hoàng thân, tôn tước thay mặt vua làm lễ cáo ở dân Nam Giao, Triệu Miếu, Thái Miếu, Hưng Miếu. Vua thân làm lễ cáo ở Thờ Miếu. Đền chùa ở Trung kỳ trong ngày mùng 1, mùng 2 tháng 9 đều đánh chuông trống làm lễ chúc thọ nhà vua.

Lễ bộ tư cho các quan tỉnh Bình Thuận, Khánh Hòa, Quảng Nam, Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa cùng các tỉnh Bắc kỳ tuyển lựa những cô đầu hát hay, phường tuồng nổi tiếng, ban âm nhạc, ban làm trò vui, múa các điệu dân tộc miền núi đưa về Kinh đô trình diễn. Hình bộ tư cho các tòa án Bắc kỳ, Trung kỳ không xử án suốt trong khoảng 10 ngày trước lễ và 5 ngày sau lễ.

Trước lễ 10 ngày, cứ 6 giờ sáng ở trên Kỳ đài bắn 9 phát đại bác để thượng kỳ (kéo cờ lên); sau 5 ngày, bắn 3 phát đại bác để hạ kỳ (hạ cờ xuống). Nhà quan và dân ở Kinh đô ngoài cổng kết hoa lá, ban ngày treo cờ vàng, cờ đuôi nheo, cờ ngũ hành, ban đêm treo đèn. Khắp trên các bức tường Hoàng thành đều kết những bóng đèn điện thành hình chữ, cùng

những đèn lồng bằng kính, hoặc bằng giấy sơn màu kết hình vòng hoa. Ban đêm, ánh đèn chiếu sáng khắp nơi.

Khoảng đất bên trong lầu Ngọ Môn cất 9 gian đình lợp vải, chung quanh dựng bằng phen rồi phát giấy màu tường gạch. Trong đình trưng bày các phẩm vật của các nơi gửi về tiến cống. Ngoài hiên đình là chỗ quan lại, thân hào, thương gia, kỹ nghệ gia cùng ký giả các báo Trung, Nam, Bắc về dự lễ ngồi chờ. Gian chính giữa đặt một cái đồng hồ đứng, kiểu tối tân của tổng thống Pháp mừng nhà vua, chung quanh treo những tấm gương Tây lớn và những bảo vật của các quan Pháp tặng. Trong 8 gian hai bên bày: một tấm bình phong bằng đồng hun nạm bạc cao tới đầu người; những lư hương lớn bằng đồng đỏ và đồng hun nạm tam khí; những cái vật ba chân bằng đồng cao lớn; những bình phong bằng đồng sáng bóng nạm tam khí và bằng gỗ trầm hương đục thông phong, khảm ốc chạm trổ rất khéo, những đồ sứ mỏng trong suốt; những tấm gấm ngũ sắc thêu các phong cảnh đẹp ở Kinh đô; những bức trường gấm thêu Bát tiên quả hải hoặc Ngũ lão giảng kinh; những phương du và y môn thêu đủ các kiểu; những cái lư nhỏ bằng ngọc màu vàng và xanh đỏ; những ngà voi đeo vòng vàng, vòng ngọc; những con nghê, sấu, hổ, báo, kỳ lân, sư tử bằng kim khí do các nghệ nhân tài hoa nắn và đục rất tinh xảo, sinh động; những con voi bằng đồng hun có hai ngà thực; những tấm gương đóng khung gỗ trắc, phản chiếu ánh đèn điện rực rỡ...

Trước điện Càn Chánh dựng nhà rạp, trên cửa kết 4 chữ "Tứ Tuần Đại Khánh" bằng bóng đèn điện. Những cột ở gian bên bọc gấm thêu tứ linh nổi, trong có ánh đèn điện. Bốn cột gian giữa treo 2 câu đối.

Trong nhà bày những đồ sứ cổ như song bình, chalice, lọ, đôn, chậu vv... Trên vách treo những bức tranh vẽ nhân vật Việt Nam đủ các tầng lớp xã hội: ngư ông đứng trên mỏm đá ném câu, tiểu phu lom khom gánh củi, nông phu dắt trâu cày ruộng,

học trò đi học... Suốt trong những ngày lễ, ban đêm của thành mở cho nhân dân vào xem tự do.

Ngoài phố, các ngã ba đường đều dựng khai hoàn môn kết bằng lá xanh tươi, trên đỉnh chữ Thọ hoặc chữ Phúc bằng gấm đỏ. Trên sông Hương thuyền bè qua lại đều kết hoa lá và treo cờ. Máy chiếc thuyền rồng được nối liền vào nhau, sửa thành khán đài để vua ngồi xem đua thuyền và dạ hội. Trước lầu Phu Văn dựng nhà rạp để ban yến cho các phụ lão.

Ngày 21 tháng 8 vua cùng Hoàng thân, đại thần đến tế Thái Miếu, Thế Miếu; sai Hoàng thân đi tế các miếu khác.

Đầu tháng 9, quan Lễ bộ thiết đại triều ở điện Thái Hòa, thường triều ở điện Cần Chánh. Các Hoàng thân, Hoàng tử cùng hai nguyên lão đại thần là Tôn Thất Hân, Nguyễn Hữu Bài đứng ở trong điện. Trưởng Tôn Nhon Phủ dẫn các Tôn tước đứng ở thềm bên tả. Các viên thượng thư viện Cơ mật đứng ở thềm bên hữu. Các quan văn võ đứng dưới sân rồng. Viên Quân vệ cùng binh sĩ giàn bày nghi trượng, giá trống. Nhân viên Võ can đội (nguyên Thanh Bình thụ TTB chú) cầm nhạc khí cùng ca sinh chia đứng hai bên.

Sáu giờ rưỡi sáng, vua đội mũ cứu long, mặc áo hoàng bào, cầm hốt ngọc ngự ra điện Cần Chánh. Viên Quân vệ cùng binh sĩ, đại nhạc, nhã nhạc rước vua sang điện Thái Hòa. Trên lầu Ngọ Môn nổi chiêng trống. Đến điện Thái Hòa, vua xuống xe ngọc liễn. Viên thái giám đốt lư trầm. Trên thành bán 9 phút đại bác. Vua lên ngai. Ca sinh tấu khúc Nguyên Thọ.

Bảy giờ rưỡi viên Toàn quyền Đông Pháp, khâm sứ Trung kỳ ngồi xe song mã có 2 ngựa trắng kéo, đóng giày cương đỏ, phủ nệm đỏ đến dự lễ. Đi trước xe là nhạc đội mặc binh phục màu xanh, kế đến các viên tùy tùng và đội lính hầu mặc binh phục màu đỏ. Nam triều cử viên Thống quản Thị vệ đại thần

dẫn một đội lính ngự lâm mặc nhung phục, cầm nghi trượng, đứng đón ở ngoài cửa Ngọ Môn. Khi xe viên Toàn quyền, Khâm sứ đến, chủ tịch Viện Cơ mật cùng trưởng Tôn Nhơn Phủ ra tiếp đón. Hai viên đại thần Pháp vào cửa giữa, đoàn tùy tùng và quân lính vào hai bên. Hai viên quan Nam triều hướng dẫn đại diện Pháp lên điện. Vua ra cửa điện đón tiếp. Quan khách an tọa. Viên Toàn quyền đọc diễn văn chúc mừng. Sau khi vua đáp từ, các đại diện chính phủ Pháp ra về. Hai viên quan Nam triều tiến ra ngoài cửa Ngọ Môn.

Các quan đứng vào ban theo viên Tán lễ xướng, làm lễ lạy 5 lạy. Hoàng thân, Hoàng tử cùng Tôn Nhơn Phủ dâng biểu chúc mừng. Các quan văn võ dâng biểu chúc mừng. Nhạc công, ca sinh cứ theo từng tiết mà tấu nhạc. Khi lễ thành, vua lên xe sang điện Cần Chánh nhận lễ chúc thọ của Hoàng thân, đại diện Tôn Nhơn Phủ cùng các quan văn võ từ tam phẩm trở lên, có 64 vũ sinh múa Bát dật, kể đến 4 vũ sinh đóng tư trụ thiên thần múa Trình tường tập khánh. Có đầu hát những bài chúc do Lễ bộ soạn sẵn. Giờ Ngọ, vua ban yến cho các Hoàng thân, nhân viên Tôn Nhơn Phủ cùng văn võ bách quan từ tam phẩm trở lên. Các người dự yến lần lượt dâng 3 tuần rượu chúc thọ.

Bốn giờ chiều, vua ngự ra sông Hương ngồi ở khán đài trên thuyền rồng xem đua thuyền. Đua xong có đoàn vũ sinh 48 người vai đeo đèn giấy thấp nền múa khúc Lục triệt, Hoa mã đang ở trên bãi sông, vừa múa vừa hát những bài ca chúc tụng.

Tám giờ tối, thiết yến ở điện Cần Chánh khoản đãi Toàn quyền, Khâm sứ, các quan khách người Pháp cùng các viên Thượng thư viện Cơ mật, có múa Bát dật, hát ả đào. Rồi điệu nhạc nổi lên, 64 em vừa trai, vừa gái, vai mang 2 chiếc đèn lồng bằng giấy hồng điều trong thấp nền, xếp hàng một tiến vào như con rồng dài có ánh sáng, bắt đầu múa bài bông.

Vũ sinh đầu đội mũ đỏ, trên mũ kết một hoa sen mạ vàng, mặc quần áo lụa màu xanh đỏ, trên cổ áo thêu, đeo những sợi dây lông thông ngũ sắc, chân đi bít tất trắng. Chia ra 8 hàng, theo điệu nhạc, vũ sinh quỳ xuống, đứng lên rất nhịp nhàng, đèn lồng ở trên vai cũng nhịp nhàng lên xuống theo tiếng trống, sáo, nhị và thanh la. Hai cánh tay vũ sinh dang thẳng ra, hai bàn tay dựng đứng lên hợp với khuỷu tay thành một góc vuông. Đoàn ba vũ múa theo hàng ngũ, khi thì hàng nọ sát hàng kia, khi thì hàng nọ đi xuyên qua hàng kia, khi thì lộn ngược lại, khi quay vòng tròn, khi tản mác trong bóng tối rồi lại tụ tập xếp thành 8 hàng. Điệu múa luôn luôn biến chuyển thiên hình vạn trạng. Vừa múa, vũ sinh vừa hát những khúc nối về:

- Lịch sử thành lập nước Việt Nam.
- Những chiến công chống xâm lăng của tiền nhân.
- Những thành tích vẻ vang của tiền nhân.
- Lý do chọn đất Phú Xuân làm Kinh đô.

Điệu múa khoan thai, linh động, tiếng hát êm ái du dương, khán giả đều khen là tuyệt kỹ.

Kế đó, 10 vũ nữ Chiêm thành ở biên giới miền Trung ra trình diễn vũ khúc Thiên cầu. Các vũ nữ cao thấp đều nhau, mặc áo sắc sỡ, thắt lưng đủ các màu sắc, chân đi bít tất. Trên đầu đội một chùm lọ độc bình sứ kết lại thành hình cây tháp, hai bên vai mỗi bên cắm một chùm đèn lồng, bên trong tháp nến. Theo nhịp trống, cồng, thanh la, đàn, sáo, vũ nữ uốn éo tấm thân mềm dẻo, vừa múa vừa hát líu lo, trầm bổng. Lúc đi, lúc đứng, lúc lượn, lúc quỳ 1 chân, lúc quay ngoắt lại, lúc nằm nép xuống, thế mà chùm lọ độc bình không đổ và đèn không tắt.

Múa dứt khúc, một vũ nữ trong đoàn bỏ chùm lọ sứ trên đầu và đèn ở vai ra, đến quỳ xuống trước nhà vua và quan khách. Nàng để chiếc lọ sứ vào đầu cái gậy nhỏ, cuối gậy dính

vào cầm, rồi vừa nhảy vừa múa, khi quay vòng tròn rất nhanh, khi cúi rạp xuống, khi đứng lên uốn người ra phía sau, theo với điệu nhạc Chiêm thành lúc nhanh, lúc chậm.

Sau nâng bỏ chiếc gậy và lọ sứ xuống, tiếp tục nhảy múa; khi với một chiếc dù mở ra, cán dù để dính vào trên môi; khi với một con dao găm sáng loáng lưỡi dao cắm vào đầu thanh tre nhỏ để ở giữa hàm răng; khi với một chiếc lông công để ở giữa khoảng môi trên và mũi. Cán dù, dao găm, lông công được hất tung lên không, rồi từ từ rơi xuống đúng vào chỗ cũ. Khán giả nhất loạt vỗ tay khen ngợi. 12 giờ rưỡi quan khách ra về.

Đêm khuya đốt pháo cây bông ở trước lầu Ngọ Môn, pháo tóa lên bầu trời thành những hình chữ: Thánh cung vạn tuế, Phong đăng hòa cốc, Quốc thái dân an, Thiên hạ thái bình... và các thứ hoa đủ màu sắc xanh, vàng, tím, đỏ, sáng rực rỡ. Dân chúng đứng xem, tiếng reo hò vang dậy.

Trưa mùng 2, vua ban yến ở điện Cần Chánh cho các quan từ tứ phẩm trở xuống; quan tỉnh Thừa Thiên cùng quan đầu tỉnh về chiêm bái. Bên lầu Ngọ Môn dựng sân khấu lộ thiên. Suốt trong những ngày lễ, tối nào ban phụng tưởng phở hàng Rượu, tỉnh Nam Định, cũng trình diễn vở tuồng cổ. Trưa mùng 3, vua ban yến cho các phụ lão tỉnh lý Thừa Thiên và các huyện Hương Thủy, Hương Trà, Phong Điền, Phú Lộc. (1)

(1) Theo Đỗ Bằng Đoàn và Đỗ Trọng Huân: Sách đã dẫn

XIII - CUỘC DU XUÂN VIẾNG CÁC LĂNG TẨM

Sống trong Hoàng cung dù sao cũng bị gò bó giữa bốn bức tường thành cao dày, với những nghi thức rườm rà, những cấm kỵ nghiêm ngặt, phép tắc gò bó, ai cũng muốn du ngoạn đở đây. Chẳng phải các cung phi muốn vượt ra khỏi bức tường thành màu tía ấy, mà ngay cả vua cũng thường tìm cách giải trí bằng những cuộc đi săn, đi chơi vùng biển, vùng núi; thăm danh lam thắng cảnh.

Huế được thiên nhiên ưu đãi là có đủ các vùng đó trong vòng 13 cây số - khoảng cách lí tưởng cho những cuộc đi chơi xa.

Vua Thiệu Trị ưa các danh lam, thắng cảnh, núi non; vua Minh Mạng đặc biệt ưa vùng biển. Hai ông vua này đã để lại nhiều bài thơ "ngự chế" qua những lần du ngoạn ấy. Vua Tự Đức ưa đi săn ở rừng Thuận Trục, cách Kinh đô 15 cây số; các buổi du thuyền trên sông Hương, đôi khi nhà vua còn dong thuyền đi bán chim hay yến giăng thăm các lăng tẩm. Đứng trên bờ, thỉnh thoảng dân chúng được xem quang cảnh rực rỡ trên sông Hương. Thuyền rồng của nhà vua, thuyền bá quan tháp tùng; tất cả các thuyền đều sơn thiếp lộng lẫy, treo cờ, kết đèn nối đuôi nhau thành một hàng dài nhẹ nhàng lướt trên mặt sông; vang lên từ trong các thuyền là tiếng nhã nhạc của ban nhạc Hoàng cung.

Vua Tự Đức có các chiếc Tể Thông, Tương Dắc, Tương Long đều rất mỹ lệ, huy hoàng, đồ sộ hơn các thuyền quân. Thuyền ngự chia thành từng gian: gian của vua, gian của các bà cung phi, gian của thái giám và các thế nữ, nô tỳ phục vụ. Bề rộng của thuyền chừng 4 thước, nhưng bề dài đến 30 thước. Đó là một tòa lâu đài thu hẹp lại. Tường và cửa đều làm bằng thứ gỗ nhẹ, có trăn, bên trên lợp gỗ bào láng, nhuộm vàng. Các cửa đều có sáo phủ, màn che. Thuyền được chạm trổ, sơn son thếp vàng, điêu khắc công phu.

Thuyền vua ngự không có lính chèo, nhưng do sáu hoặc tám chiếc thuyền khác kéo, mỗi thuyền có năm, sáu chục lính long thuyền chèo. Ngoài ra còn có một chiếc thuyền con để liên lạc giữa thuyền ngự của vua với thuyền của các quan theo hầu.

Thuyền của bà Từ Dũ là chiếc Yến Dư, có cả một đoàn thi nữ chèo.

Con sông Hương là nguồn mạch đưa nhà vua và gia đình Hoàng tộc đi du ngoạn khắp nơi, dù vùng biển, vùng núi hay rừng rú. Các vua Nguyễn thường đi thăm các lăng tẩm, viếng phần mộ tổ tiên vào dịp đầu năm, sau khi đã truyền cho lính dọn dẹp, sửa sang dâng hoàng. Trong những dịp này, có thể nói toàn bộ Hoàng gia trong Hoàng thành đều tham dự, kể cả các thái giám và cung nga thế nữ.

Các quan đại thần, trong những dịp này cũng được phép tháp tùng nhà vua. Có thể nói cuộc du ngoạn, thăm viếng lăng mộ tổ tiên đã cuốn hút hầu hết bộ phận đầu não của triều đình Huế tham dự.

Michel Đức Chaigneau đã chứng kiến quang cảnh du xuân đó nên mô tả rất tường tận và tỉ mỉ trong "*Souvenir de Huế*". Cuộc du xuân này được tổ chức dưới triều Gia Long, lúc ông J. B Chaigneau còn ở Việt Nam:

"Một hôm cha tôi cho tôi hộ giá, theo vua Gia Long trong một cuộc viếng thăm các lăng tẩm (...)

Trong vài phút, chúng tôi đã ở trước những bờ lũy kiên cố của thành phố, nơi đây đã được trang bị một số rất đông đúc voi và binh sĩ.

Con sông diễn ra một quang cảnh náo nhiệt nhất: Vô số thuyền chèo và thuyền thường đủ mọi loại được trang bị những bó giáo thương ở phía giữa và được các quan mặc áo cánh đỏ hay áo dài sắc sỡ điều khiển, những người kia vừa rời neo thuyền thì các người này đã cho thuyền ra xa. Tất cả dự bị sắp thành hàng trong đám rước. Lá Quốc kỳ màu vàng không lồ trương gió trên chiếc cột ở "ngôi nhà nổi" của vua và 6 chiếc thuyền dùng để kéo "ngôi nhà nổi" theo đều được đóng chặt thành hai hàng và im lìm đợi sẵn tại nhiệm sở của mình. Tất cả mọi người bước lên đây đều giữ một vẻ im lặng sâu kín. Ngoại trừ 6 chiếc thuyền này, thuyền của các quan còn lộn xộn đang đi lại đây đó ở giữa vương thuyền, mỗi quan viên tìm ở trong đám hải thuyền hỗn tạp ấy một thuyền đồng liêu với mình ở bên cạnh để làm bạn đồng hành. Cha tôi bắt tay vài người, ông cũng tiếp đón cách chào hỏi như thế của các người khác; và chúng tôi lại gần thuyền của Vanier, đó là một nhân vật mà chúng tôi tìm kiếm (...).

Chúng tôi lo chuẩn bị phía đằng trước thuyền để được xem đám rước rõ hơn.

Hoàng đế vừa ra khỏi Kinh thành thì đi trước là hai hàng lính gồm mười hai người đi bộ dọn đường, lần lượt loan báo trước "ép, tránh này, xê này"; họ chạy hay đi thông thả nhưng luôn giữ một khoảng cách đều nhau. Gia Long đầu chít khăn nhiều đen, mình mặc áo dài nhung vàng và quần nhiều đỏ thắm, mắt lim dim trong một cái kiệu vàng gồm hai người khiêng (Kiệu này có một nóc nhà xinh xắn, được xén theo hình thuẫn và được uốn tròn theo nửa hình viên trụ đặt trên hai tấm ván cắt tròn có khoét, điêu khắc theo kiểu ngày nay và có thép vàng, nhờ những cái móc và những tấm bảng có lẽ. Tất cả đều được đóng chặt trên một cái cần gỗ dài đã chuột

dũa và chạm trở tượng trưng một con rồng mà thân, thể uốn khúc thành nửa hình bầu dục, đầu đuôi đều nổi cao lên. Hai cần gỗ này đã hoàn toàn được thếp vàng, bên ngoài được màn lưới tơ vàng óng ả phủ kín, bên trong được lót bằng một tấm nệm mỏng mảnh, có phủ một lớp gấm họa màu vàng và một chiếc gối dựa vuông vức được bọc kín bằng một thứ lụa vàng). Chung quanh có 4 người cầm 4 chiếc lọng cũng màu vàng mở rộng, các người khác thì phe phẩy những cái vĩ xua ruid và những cái quạt lông chim rộng lớn, tiếp đó là một số người mang sắc chỉ và một số thị vệ chạy theo đằng sau kiệu rồi đến một đội kỵ binh theo hộ giá và 2 con voi đi sau cùng. Ít phút sau, chúng tôi đã vượt qua mười hay mười hai chiếc kiệu phủ sáo của các bà vương phi đi theo Hoàng đế, mỗi chiếc kiệu có một hay hai người cầm lọng, được một số thị nữ mặc áo lụa dài sắc sỡ hộ vệ theo sau. Tiếp đến là các thực phẩm và các dụng cụ bếp núc được cất kín trong những cái thùng và trong những ngăn hộp hình trụ to lớn sơn đỏ hay vàng, với các hình vẽ màu vàng da cam tượng trưng những con rồng uốn khúc xung quanh. Các hộp và các thùng này do 2 hay 4 người khiêng tùy theo trọng lượng và kích thước của chúng. Các ông đầu bếp và các người giúp việc theo sau mỗi hộp và mỗi thùng với một chiếc lọng che phủ bên trên. Những đoàn hộ tống này đi đến các thuyền riêng đang đợi họ và phải đi sau cùng của đám rước.

Khi các vương phi đều đã vào ngôi trong "ngôi nhà nổi" rồi, người ta ra lệnh khởi hành. Tức thì tòa cung điện xinh xắn ấy từ từ nhô neo, thong thả tiến về hướng núi, kéo theo cả một vẻ huy hoàng, nhất là kéo theo sự hộ tống ầm ỉ. Các thủy thủ của 6 chiếc thuyền kéo hàng hải đẩy chiếc thuyền của họ trong nước để không vượt quá đoạn chính của tòa lâu đài. Đầu đầu người ta cũng cùng nhau ca hát, cùng nhau hò hét om sòm; người ta đánh nhịp bằng những cái đuôi gỗ tạo nên một tiếng ồn vừa hỗn độn vừa kỳ quái, nhưng sức mạnh

mẻ quả ít hòa hợp. Thuyền của chúng tôi đi đến làng giáo dân Kim Luông thì cha tôi để Bửu, một nô bộc và tôi lại trên đường Thọ Đức, rồi cầu chúc cho chúng tôi đạt được một cuộc du ngoạn thích thú".

Cuộc du ngoạn lên thăm viếng các lăng tẩm triều Nguyễn của vua Gia Long được tổ chức khá quy mô và tốn kém, đòi hỏi nhiều công phu trong việc tổ chức. Lễ du xuân của các vua nhà Nguyễn khác như Đồng Khánh, Thành Thái, Duy Tân, Khải Định... tổ chức vào ngày đầu năm cho dân chúng biết đơn giản hơn nhiều, chỉ đi dạo Kinh thành một vòng trên chiếc kiệu có lính gánh và các quan văn võ hộ tống rồi trở về Đại Nội.

Báo Figaro (Pháp) miêu tả cuộc du xuân của vua Đồng Khánh đại khái như sau:

Trước hết là hai con voi và hai con ngựa của nhà vua, kế đến là một đoàn nhạc và binh sĩ Pháp; quan văn quan võ Việt Nam thì mang gươm, quán lính cầm cờ và lọng.

Vua ngồi trên kiệu, bên mặt có tướng Prudhomme, bên trái có thiếu tướng Brissaud, cả hai đều cưỡi ngựa. Một đoàn hộ tống theo sau. Đoàn tùy tùng theo vua Đồng Khánh số đông là Hoàng thân và các quan lại. Đi sau cùng là 6 con voi có nai điều khiển.

Trên các con đường đoàn du xuân đi qua, trước mỗi nhà đều có treo cờ và đặt hương án để lạy mừng. Đến Thương Bạc, vua xuống kiệu đến dự tiệc rượu do người Pháp thiết đãi. Sau khi buổi tiệc chấm dứt, nhà vua lên kiệu trở về Hoàng cung.

Sau lễ du xuân, cuộc sống thường nhật trong Hoàng cung với những phép tắc, lệ luật, nghi lễ phức tạp và nghiêm ngặt lại tiếp diễn. Bốn bức tường thành rêu phong lại vây kín những tâm tư, nguyện ước của bao người. Màn bí mật trong Tử Cấm thành lại bao trùm lên số phận cùng hình ảnh của các nhân vật trong Hoàng gia và những người cung cúc phục vụ cho cuộc sống vàng son một thuở đó.

Sau bức tường thâm nghiêm của Hoàng thành, đặc biệt là Tử Cấm thành, một cuộc sống riêng biệt chứa đựng bao điều bí ẩn của Hoàng gia triều Nguyễn diễn ra suốt gần 150 năm.

Sinh hoạt đời thường, với bao thú vui kỳ lạ của các vua Nguyễn, các Hoàng Thái hậu, Hoàng tử, Công chúa; thân phận, tâm tư, nguyện ước của biết bao cung phi, mỹ nữ, các thái giám... phục vụ cho vàng son của vương triều ra sao? Các nghi lễ và cả vô số phép tắc, lệ luật trong Hoàng cung được áp dụng và thực hành như thế nào?...

Hy vọng, cuốn sách này sẽ giúp bạn đọc rộng rãi vén được phần nào bức màn bí ẩn nói trên.